

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT	3
I – GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC	3
II – MỘT SỐ KIẾN THỨC LÝ LUẬN VĂN HỌC CẦN LƯU Ý	4
1. Văn bản văn học và tác phẩm văn học	4
2. Đặc điểm của tác phẩm văn học	9
2.1. Đặc điểm về ngôn từ	9
2.2. Đặc điểm về hình tượng	10
2.3. Đặc điểm về ý nghĩa	14
2.4. Đặc điểm về cá tính sáng tạo của nhà văn	17
3. Chức năng của văn học	18
3.1. Chức năng giáo dục	19
3.2. Chức năng nhận thức	20
3.3. Chức năng thẩm mĩ	21
3.4. Chức năng giao tiếp	23
4. Thể loại tác phẩm văn học	24
4.1. Tác phẩm trữ tình	25
4.2. Tác phẩm tự sự	32
III – CÁCH ĐƯA LÝ LUẬN VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT	38
1. Cách đưa Lý luận văn học vào bài viết	38
2. Một số gợi ý về cách vận dụng Lý luận văn học vào bài viết	43
PHẦN THỨ HAI	48
I – TỔNG HỢP CÁC NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC ĐẶC SẮC	48
1. 100 câu nhận định lý luận văn học về văn xuôi	48
2. 80 nhận định về thơ	57
3. Nhận định về chức năng của Văn học	63
4. Nhận định về nghề văn, nhà văn, quá trình sáng tạo và phong cách	64
5. Nhận định về văn học và hiện thực cuộc sống	67
6. Quan niệm về văn chương của các nhà văn, nhà thơ	70
II – CÁCH ĐƯA NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT (dành riêng cho lớp 12)	76
1. Tuyên ngôn độc lập – Hồ Chí Minh	76
2. Tây Tiến – Quang Dũng	78
3. Việt Bắc – Tố Hữu	80
4. Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm	84

5. Sóng – Xuân Quỳnh.....	86
6. Đàn ghi ta của Lor-ca.....	89
7. Người lái đò sông Đà	90
8. Ai đã đặt tên cho dòng sông.....	93
9. Vợ chồng A Phủ	95
10. Vợ nhặt.....	97
11. Rừng xà nu.....	99
12. Chiếc thuyền ngoài xa.....	101
13. Những đứa con trong gia đình.....	102
14. Hồn Trương Ba, da hàng thịt.....	104
III – NHỮNG CHÚ Ý KHI ĐƯA NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT	105

CHIA SẺ TÀI LIỆU - LUYỆN THI THPT QUỐC GIA

PHẦN THỨ NHẤT

LÍ LUẬN VĂN HỌC

I – GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

Theo cuốn *Bản chất và đặc trưng văn học* (LLVH tập 1) của thầy Trần Đình Sử, Lí luận văn học được hiểu là một bộ phận của khoa học nghiên cứu văn học, là khoa học chuyên nghiên cứu các quy luật chung của hoạt động văn học, trong đó bao gồm sự nghiên cứu bản chất của sáng tác văn học, chức năng xã hội-thẩm mỹ của văn học, đồng thời xác định phương pháp lý luận và phân tích văn học.

Mục đích của lý luận văn học là để bàn về các vấn đề, tính đặc trưng của văn học có ảnh hưởng như thế nào đến con người và xã hội, v.v.. Ngoài ra, kiến thức Lí luận văn học cũng sẽ giúp chúng ta trả lời cho các câu hỏi văn học một cách ngắn gọn và cụ thể như: văn học bắt nguồn từ đâu? Chức năng của văn học?...

Chúng ta cũng cần biết rằng, bản thân các nhà văn, nhà thơ cũng thường sẽ nghiên cứu các hiện tượng văn học để nêu lên tính khái quát bằng những thuật ngữ, luận điểm về các quy luật của văn học. Nhờ sự nghiên cứu ấy, khi họ kể những câu chuyện, tâm tư, tình cảm,... lên trang văn, người đọc và người nghe các tác phẩm văn học sẽ có thể lí giải được một cách sâu sắc và rõ ràng nhất bản chất của các hiện tượng văn học.

Phạm vi của Lí luận văn học ngày nay bao gồm các bộ phận sau:

- Bản chất, đặc trưng của văn học (Văn học là một hình thái ý thức thẩm mỹ; mối quan hệ giữa văn học và đời sống con người; văn học – nghệ thuật ngôn từ; quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ; tiếp nhận, phê bình và thưởng thức văn học; chức năng của văn học)
- Cấu tạo của tác phẩm và thể loại
- Quá trình sáng tác
- Tiến trình phát triển của văn học
- Sự tiếp nhận văn học

Với phạm vi nghiên cứu như vậy và yêu cầu đặc thù của phân môn, Lí luận văn học cũng phải chỉ rõ các mối quan hệ rộng lớn giữa văn học, thời đại, lịch sử, chính trị, văn học, dân tộc, nhân loại. Vì thế, đối với học sinh THPT, việc hiểu và vận dụng kiến thức Lí luận văn học trong nhà trường đôi khi còn nhiều khó khăn. Các em nghĩ Lí luận văn học là những kiến thức cao siêu, khó mà hiểu được, nên ngay từ khi chưa học tập, tìm hiểu vấn đề này mà đã vấp phải một trở ngại lớn về tâm lí.

Nhằm mục đích mang đến cho học sinh những kiến thức cơ bản nhất về Lí luận văn học và cách vận dụng những kiến thức này vào bài làm văn cụ thể, cuốn sách sẽ chỉ đề cập đến những vấn đề gần gũi với học sinh phổ thông. Thêm một điều đặc biệt từ cuốn sách này, bên cạnh những kiến thức lí thuyết có sẵn, nhóm biên soạn còn đưa nhiều ví dụ cụ thể, gần gũi với học sinh THPT để các em hiểu được cặn kẽ và có hệ thống các vấn đề liên quan đến Lí luận văn học, cả trong và ngoài nước. Cuốn sách hy vọng sẽ là cẩm nang hữu ích trong hành trình chinh phục điểm 9+ Ngữ văn của các em!

II - MỘT SỐ KIẾN THỨC LÝ LUẬN VĂN HỌC CẦN LƯU Ý

1. Văn bản văn học và tác phẩm văn học

Văn bản văn học còn gọi là văn bản nghệ thuật, văn bản văn chương. Văn bản văn học đi sâu vào phản ánh hiện thực khách quan, khám phá thế giới tinh cảm, tư tưởng, thoả mãn nhu cầu hướng thiện và thẩm mỹ của con người. Có thể hiểu văn bản văn học theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo cuốn *Bản chất và đặc trưng văn học* (LLVH tập 1) của thầy Trần Đình Sử, văn bản văn học được hiểu *theo nghĩa rộng* là tất cả các văn bản sử dụng ngôn từ một cách nghệ thuật. Theo nghĩa này thì không chỉ văn bản thơ, truyện, kịch mà cả các văn bản hịch, cáo, chiếu, biểu, sử kí,... đều có thể coi là văn bản văn học.

Không Từ đã từng hiểu “văn” là lĩnh vực tri thức, “văn học” là một khoa trong “tứ khoa”, bên cạnh đức hạnh, ngôn ngữ và chính sự. Vậy nên, *theo nghĩa hẹp*, văn bản văn học chỉ bao gồm các sáng tác có hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng hư cấu, tưởng tượng như sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện vừa, kịch,...

Trong chương trình THPT, bên cạnh việc học các văn bản văn học theo nghĩa hẹp, học sinh sẽ học cả các văn bản văn học theo nghĩa rộng. Như vậy, dù hiểu theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng, chúng ta cũng cần chỉ ra ba tiêu chí chủ yếu của văn bản văn học:

- Tiêu chí 1: Văn bản văn học đi sâu vào phản ánh hiện thực khách quan, khám phá thế giới tinh cảm, tư tưởng, thoả mãn nhu cầu hướng thiện và thẩm mỹ của con người.

Ví dụ:

Đọc bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh, chúng ta suy nghĩ để tìm kiếm lời giải đáp cho các câu hỏi như: Tình yêu thực sự là gì? Hạnh phúc là gì? Làm thế nào để giữ niềm tin, sự thủy chung trong tình yêu, ... Đó chính là mong muốn khám phá thế giới tinh cảm của con người. Bên cạnh đó, việc hướng đến một tình yêu chân thành, chung thủy và cao đẹp cũng là một trong những giá trị thẩm mỹ và hướng thiện mà người đọc cảm nhận được từ bài thơ này.

- Tiêu chí 2: Ngôn từ của văn bản văn học là ngôn từ nghệ thuật có hình tượng, mang tính thẩm mỹ cao, trau chuốt biểu cảm, gợi cảm, hàm súc, đa nghĩa.

Ví dụ:

Ở *Sóng* – Xuân Quỳnh, hai hình tượng sóng và em là hai hình tượng có tính chất song hành, lúc tách đôi nhưng lúc lại hòa nhập. Qua hai hình tượng đó, nữ thi sĩ mang đến cho người đọc những cảm nhận về một tình yêu đẹp của người con gái: Yêu chân thành tha thiết, nồng nhiệt và thủy chung. Tình yêu trẻ trung ấy là khát vọng về một hạnh phúc trọn vẹn của đôi lứa.

- Tiêu chí 3: Mỗi văn bản đều có một thể loại nhất định và theo quy ước cách thức thể loại đó (Kịch có hồi, cảnh, có lời đối thoại - độc thoại; Thơ có vần, điệu, luật, khổ thơ...).

Ví dụ:

Bài thơ *Sóng* thuộc thể loại thơ trữ tình; thể thơ ngũ ngôn liền mạch; được phân chia thành 9 khổ và mang những đặc sắc ở ngôn từ, hình ảnh trong sáng bình dị, giọng thơ phong phú, vừa thiết tha, đắm thắm, vừa mãnh liệt sôi nổi, vừa hồn nhiên, nữ tính, ...

Thêm một điều mà chúng ta cần lưu ý, khi nhắc đến hai khái niệm *văn bản văn học* và *tác phẩm văn học*, đó là: Nhà văn sáng tác ra văn bản văn học - một hệ thống kí hiệu tồn tại khách

quan. Khi nằm im trên giá sách, văn bản là một tập giấy có chữ, chưa thể nói đến tác động của nó đối với xã hội. Chỉ có thông qua việc đọc, hệ thống kí hiệu ấy mới hiện lên trong tâm trí người đọc những sự việc, những hình tượng nhân vật, những suy nghĩ vui buồn của con người và cuộc đời. Khi đó, những giá trị văn học vốn tiềm ẩn trong văn bản sẽ được người đọc tiếp nhận. Đến lúc ấy, văn bản văn học mới trở thành tác phẩm văn học.

Như vậy, văn bản văn học chỉ có một nhưng tùy vào độ tuổi, sở thích, vốn sống, vốn văn hoá,... người đọc sẽ tiếp nhận văn bản văn học theo những cách khác nhau, dẫn đến việc từ một văn bản văn học, nhiều tác phẩm văn học được sinh thành trong tâm trí người đọc. Như Viên Mai từng nói, “Thơ văn quý ở chỗ cong”. Nét “cong” ấy, phải chăng là sự đa nghĩa, hàm súc của bản thân ngôn từ mà tác giả sáng tạo nên; và cũng là sự đồng cảm – đồng sáng tạo, thấu hiểu theo nhiều cách từ bạn đọc?

Để hiểu hơn về quá trình tiếp nhận văn học và việc đánh giá cái hay – dở của một tác phẩm, chúng ta có thể tham khảo các hiểu một bạn học sinh lớp 11 về vấn đề này như sau:

“Trong ‘Tùy viên thi thoại’, Viên Mai từng kể, Lý Phi đời Đường cho thơ Bạch Cư Dị là đậm, diễm, phong tưng, cuối cùng, người đời sau chỉ biết có Bạch mà chả hề nhắc tới tên họ Lý năm nào. Mọi tác phẩm muốn đi theo năm tháng, muốn trường tồn với nhân gian, phải có sự giúp đỡ của người đọc. Người đọc là đối tượng mà văn học cần truyền tải và cũng là con thuyền giúp nhà văn đi qua những bão giông, úa tàn của vô thường, của vũ trụ. Dẫu vậy, vấn đề tiếp nhận vẫn còn là một câu chuyện nan giải, chưa có hồi kết. Vì thị hiếu thẩm mỹ của mỗi người người rất khác nhau, cảm xúc thẩm mỹ lại thay đổi theo thời đại. Một tác phẩm bị quên lãng vào thời đại mà nó sinh ra, lại có thể bùng lên ngọn lửa vào những thế kỉ sau. Vậy nên, việc đánh giá sự thành bại, hay dở của một tác phẩm văn học, luôn cần soi chiếu nhiều phương diện khác nhau.

Tác phẩm ban đầu chỉ là một dạng giá trị tinh thần bên trong những cảm xúc, tư tưởng của nhà văn. Sau đó, nhờ những phẩm chất đặc biệt, những giá trị tinh thần này được truyền tải dưới dạng chất liệu là ngôn từ, trở thành một dạng giá trị vật chất. Công cuộc thai nghén của nhà văn kết thúc từ đây. Tác phẩm đã được “cắt rốn” ra khỏi suy nghĩ nhà văn, bắt đầu cuộc hành trình sống, đi tìm chỗ đứng của bản thân mình. Cuộc đời của tác phẩm chỉ bắt đầu khi nhà văn kết thúc nó. Và rồi, khi nó đến được với người đọc, quá trình tiếp nhận bắt đầu được thực hiện, giờ đây, nhà văn và tác phẩm tách biệt nhau, mỗi người đều có một cuộc đời khác. Chỉ đến lúc này, tác phẩm mới chính thức được công nhận là một tác phẩm toàn vẹn.

Dẫu vậy, tác phẩm cũng đòi hỏi ở người đọc một số năng lực tối thiểu, cần thiết. Trước hết, người đọc phải đọc được ở lớp từ ngữ một cách trọn vẹn, sau đó, thâm nhập vào hệ thống hình tượng, những ẩn ý mà nhà văn đã đưa ra. Rồi từ những hình tượng này, thể nghiệm nó trong đời sống, nâng cấp nó trở thành một dạng quan niệm, tư tưởng, để từ đó tác phẩm có thể tìm được chỗ đứng của chính bản thân trong đời sống lịch sử. Những suy nghĩ ý lại, tầm thường, rằng chỉ nhà văn mới cần phẩm chất, còn người đọc thì không, cần được triệt tiêu càng sớm càng tốt. “Người làm văn nhờ xúc cảm dồi dào, mà viết thành văn, thì người đọc cũng phải biết rõ văn mà thâm nhập vào tình cảm” (Lưu Hiệp). Nếu không chỉ như nhân vật trong truyện ngắn Sekhov, xem xong kịch Opera chỉ biết khen diễn viên có giọng hát hay. Đọc một tác phẩm mà chỉ như cười ngửa xem hoa, cuối cùng chẳng đọng lại được gì, chỉ như “nước đổ đầu vịt”.

Tiếp nhận văn học luôn là một lĩnh vực đòi hỏi tính khách quan, như trong một thời gian dài, nó đã được coi như một hoạt động giữa những cá nhân. Văn học Trung Hoa cổ đại rất coi trọng tính chất cá nhân này, coi “tri âm”, “tri kỉ” là một đích đến trong cuộc đời thơ văn. Thời

Xuân Thu, Chương Tử Kỳ đàn cho Bá Nha nghe, Bá Nha thấy được sông núi biển trời. Sau Bá Nha chết, Chương Tử Kỳ cũng đập cây đàn độc nhất, không sử dụng một lần nào nữa. Cách nghĩ này khiến văn chương trở thành một lĩnh vực chỉ dành cho những người sành nghệ thuật, mang cách đọc tầm nguyên, cốt tìm cho ra dụng ý của tác giả mà không quan tâm tới những tư tưởng thời đại, xã hội thời bấy giờ. Lại có ý cho rằng “ý của tác giả chưa chắc đã vậy, tại sao ý của người đọc lại không được như vậy”. Cách nghĩ này dẫn đến những lối nghĩ chủ quan, xa rời thực tế, xa rời ý đồ thực sự của tác phẩm. Như xưa kia, Kinh Thi bị coi là một dạng sách vở giáo điều, lại có kẻ cho rằng là một dạng dâm ô tục tĩu, nhưng vẫn có khía cạnh đề cao trọng nghĩa. Đến khi được nhìn nhận đúng, Kinh Thi là những bài dân ca tình tứ mang đậm suy nghĩ thể nhân, và chỉ đơn giản là như vậy.

Điều đó cho thấy văn học phải được nhìn nhận khách quan, dưới những khía cạnh trong đời sống lịch sử xã hội. Những biến chuyển của xã hội sẽ tác động tới suy nghĩ, tư tưởng, những định kiến của con người khi nhìn nhận một vấn đề. Đó chính là lí do tác phẩm có thể không phù hợp với giai đoạn này nhưng lại là “bất hủ” với giai đoạn khác. Thời Nguyễn Công Trứ, khi nho giáo, những ràng buộc đối với người phụ nữ vẫn còn, ông cho Kiều là “đáng kiếp tà dâm”, nhưng đến thời Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh, khi thời đại đang đề cao tiếng nói cá nhân, những tình cảm rất riêng tư, con con, mọt mọt, thì một nhân vật như Kiều lại đáng được trân trọng. Nhà văn thường không được công nhận vào đúng thời của mình, chính là vì anh ta đang đi trước thời đại quá xa. Hay chuyện của Sekhov, kể về một người đàn bà có nhiều đời chồng. Lênin cho rằng vậy là “gió chiều nào theo chiều ấy”, là không chung thủy, là bởi ông thuộc về con người của tư duy, của lí trí, của những kiên định và sắt đá. Lep Tônxtôi lại bên vực, thương cảm thay cho người phụ nữ kia. Rằng người đàn bà ấy sao mà khổ, mà thương, khi dành trọn tình cảm cho ai cũng không có được kết cục viên mãn. Là người con gái, ai chẳng mong được hạnh phúc bên người mình yêu, có một mái ấm, một bờ vai vững chắc. Hai người có hai lí lẽ rất khác nhau. Không ai đúng, sai, hoàn toàn, chỉ bởi hai người khai thác ở hai khía cạnh khác nhau, và tâm tư, lối nghĩ của hai người cũng được định hình theo những lối khác nhau.

Ngoài tính khách quan, cũng không thể phủ nhận khả năng sáng tạo của người đọc. Người đọc và nhà văn sẽ cùng thực hiện chức năng “đồng sáng tạo”. Nhưng đây hoàn toàn là hai lối sáng tạo khác nhau. Với nhà văn, là sáng tạo ra tác phẩm mới, ra một đứa con tinh thần đến với người đọc. Và bởi “Viết thông minh là không viết hết” (Faulre), nên quá trình sáng tạo của người đọc bắt đầu. Người đọc sẽ hiểu, thâm nhập sâu vào hệ thống ý nghĩa và hình tượng trong tác phẩm, rồi phát hiện ra những khía cạnh mới, những lối nghĩ mới trong không gian đa chiều của tác phẩm. Thế đứng và vai trò của tác phẩm trong đời sống lịch sử cũng nhờ thế mà được khẳng định một cách sâu sắc hơn. Nhưng số phận của tác phẩm không chỉ ở người đọc, mà còn ở “phẩm chất bên trong” (Phạm Văn Đồng), nên người đọc cũng nên tránh những lối đọc xa rời thực tế, xa rời ý nghĩa ban đầu.

Bằng những yếu tố nêu trên, có thể, có thể thấy, tiếp nhận văn học là một khái niệm rất đa dạng, đa chiều, nhưng vô cùng quan trọng đối với cuộc đời của tác phẩm và của nhà văn. Để đánh giá một tác phẩm hay hay dở, sẽ phụ thuộc vào phẩm chất nhà văn, những giá trị mà nó đem lại trong đời sống văn học và tác động của những giá trị đó đối với những biến chuyển của xã hội. Còn thực chất, chẳng thể nói rõ cho được, tác phẩm nào là thành hay bại. Đã là một đứa con tinh thần được nhà văn thai nghén suốt bao tháng ngày, là một sản phẩm chứa đựng thế giới tinh thần và xúc cảm của nhà văn, thì nó không bao giờ là điều thất bại.

Trong khi tác phẩm cùng thời chỉ tập trung vào việc đề cao, phóng đại hóa cái chân – thiện – mỹ, thì William Golding lại đi vào những điều trần trụi nhất, phũ phàng nhất của thế giới loài người - cái ác bản năng. Trong khi ai ai cũng tin rằng “Nhân chi sơ, tính bổn thiện” (Khổng Tử) thì ông tuyên bố cái ác có sẵn trong tâm tưởng mỗi người. Đi ngược thời đại như vậy, “Chúa Ruồi” của William Golding đã gây rất nhiều tranh cãi. Ông đề những tâm hồn lương thiện nhất, non nớt nhất, ở một nơi chẳng hề có luật lệ, và xem xét sự tương quan giữa chúng, giữa cái cách mà hoàn cảnh tác động lên bản tính người. Ở nơi hoang sơ như vậy, lũ trẻ buộc phải giết những sinh vật khác để sinh tồn, như cách mà bao đời nay vẫn thực hiện để bảo toàn chuỗi thức ăn. Nhưng trong những cảnh giết chóc đó, một điều gì đó đã được bùng lên, một dạng khoái cảm, thỏa mãn khi được nắm quyền sinh sát, được là kẻ cai trị, được ném trái cảm giác của máu, của những tiếng than khóc, và sự tuyệt vọng. Có câu chuyện là một chuỗi những sự lựa chọn, văn minh hay mọi rợ, luật lệ hay không luật lệ, giết hay sống. “Chúa Ruồi” được sinh ra khi lòng trắc ẩn không còn được rung lên nữa, người sống không còn là người, mà đã trở về với nguyên bản, với dạng hoang dã, với sự biến mất của những bữa trà chiều, những tiếng nói trọn vẹn, và thay vào đó, là những mái tóc dài, những vón vện, những cuộc săn người man rợ.

Người ta thường nói nhiều về những giọt nước mắt. Nước mắt của hạnh phúc vỡ òa, của những nỗi buồn thương, của mùa mai chua xót. Nam Cao, nhà văn cả cuộc đời mình mài miết viết chỉ để giữ gìn sự trong sáng của giọt lệ, đã để Chí Phèo, trong những khoảnh khắc cuối cùng, là “hình như mắt hắn ướt ướt”. Dầu chỉ là thoáng qua, là mong manh, nhưng Chí Phèo cũng đã khóc. Còn khóc là còn ánh lên chút thiện trong bản tính người. Trong “Chúa Ruồi”, William Golding cũng để Ralph khóc. “Khóc cho sự ngây thơ đã chết và lòng dạ đen tối của con người”. Khóc cho em, và cho cả cuộc đời. Khóc thay cho những tháng năm về sau sống trong bóng tối và ám ảnh, vì đã nhìn thấy những góc khuất, những đớn đau của cuộc đời này quá sớm, khi mà em còn chưa được trang bị gì, chưa phải va vấp gì. Đời đã ném em vào hố đen, và giờ chỉ còn mình em khuất bóng trong những năm tháng về sau. Và người lớn, chừng như còn biết bao điều phải lo nghĩ, phải bộn bề giữa trăm nghìn công việc, nên chẳng hề quan tâm đến cái nỗi đau hồ mơ, chênh vênh của một đứa trẻ vật. Nhưng con người thì hoàn toàn, mãi mãi, có thể làm những gì đáng sợ ấy lại một lần nữa, trên hòn đảo vô danh của Thái Bình Dương nắng gắt.

Khi mới được xuất bản, “Chúa Ruồi” không được nước sở tại, đất nước quê hương của tác giả đón nhận. Anh vừa trải qua bao cuộc chiến tranh khốc liệt, và người ta cho rằng, không cần thêm bất cứ một sự u ám, một sự khốc liệt và trần trụi nào nữa. Tác phẩm đã không được công nhận theo đúng tâm vóc và vị trí mà nó xứng đáng phải có. Nhưng khi được đưa qua Mỹ, “Chúa Ruồi” lại được đón tiếp nồng nhiệt. Vốn với tư tưởng phóng khoáng, yêu thích những gì mới, những điều khác lạ, “Chúa Ruồi” như một làn gió hạ mang theo hương mùa, phả lên cảnh vật những điều tươi mới nhất. Công chúng Mỹ đã đón nhận tác phẩm một cách nồng nhiệt. Cho đến quãng thời gian sau này, “Chúa Ruồi” cũng tìm được chỗ đứng của nó trong lòng độc giả quê nhà. Tác phẩm của William Golding được giảng dạy trong trường học, để giáo dục và mặt nhân thức. Nhận thức về thế giới, rằng con người nói nhiều về quá khứ, về những người đã chết vì chiến tranh, mà không hề hay biết, lịch sử chưa bao giờ dừng lại. Thế giới sẽ đi về đâu, trong một xã hội mà những cuộc chiến tranh cứ liên tiếp nổ ra, do nhân loại và để tiêu diệt chính nhân loại?

Không chỉ ở nước ngoài, mà văn học Việt Nam cũng có những khía cạnh tiếp nhận rất thú vị. “Người đàn bà ngồi đan” của Ý Nhi đã khiến bao thế hệ thiếu nữ Hà Nội, sống và học theo cung cách đó.

“Giữa chiều lạnh

Một người đàn bà ngồi đan bên cửa sổ

Vẽ vừa nhẵn nạy vừa vội vã

Nhẵn nạy như thể đó là việc phải làm suốt đời

Vội vã như thể đó là lần sau chót.

Không thở dài

Không mỉm cười

Chị đang giữ kín đau thương

Hay là đang hạnh phúc

Lòng chị tràn đầy niềm vui

Hay là đang ngờ vực”.

Người đàn bà của Ý Nhi đan những sợi tơ trong guồng quay cuộc đời. Sợi rồi, sợi quăn, sợi quăn vào nhau, như những nghĩ suy đan xen phức tạp. Bởi chị đang đan những sợi tơ lòng. Tiếng nói chẳng còn, xúc cảm cũng không thể biểu lộ, chị chỉ còn biết gửi tâm tư vào trong bao sợi tơ lòng. Đan rồi, tơ ơi, liệu cô còn phải phải chờ đợi? Liệu có còn phải sống giữa những lặng câm, giữa những kim nén để thấy mình mạnh mẽ? Tơ lòng, rối rắm, buồn thương. Tơ lòng, đan xen, vắt vương. Tơ lòng, chênh vênh.

Còn với Ý Nhi, chị đan vào lòng những người con gái Hà Nội biết bao sợi tơ thơ. Khiến những người con gái Tráng An, giữa bao bận bề đau thương, biết sống dịu dàng, đoan trang, biết sống hiền thực, nữ tính. Nhưng quặng với đó, là bao mạnh mẽ, sức sôi, bao sức sống và xúc cảm đang chờ ngày được tỏ bày. Tơ thơ của Ý Nhi đã đan cài vào cả một thế hệ. Biết yêu, biết sống, những cũng biết chờ đợi, biết nhớ mong. Biết thương, biết buồn, nhưng cũng biết xoa dịu, mạnh mẽ. Tơ Thơ đi vào lòng người nhẹ nhàng và thâm lặng như chính bản thân của nó. Tơ mà, mong manh, dịu nhẹ, nhưng đan quện cũng rất đậm, rất sâu.

Có thể thấy, tiếp nhận văn học không chỉ giúp tác phẩm, nhà văn có được chỗ đứng, mà còn giúp người đọc sống được nhiều cuộc đời. Nếu đã từng trải, có dịp chiêm nghiệm và nhận xét. Nếu chưa từng trải bao giờ, có dịp trải như chính cuộc đời mình. Từ đó tự quan sát, soi xét lại mình, thanh lọc bản thân để trở thành một con người tốt hơn. Văn học giáo dục con người là như vậy. Nhờ văn chương mà thay đổi được cả một lớp người, biến chuyển được cả một thời đại, cũng là nhờ những thần kỳ mà ta có được nhờ văn chương. Nói đến văn chương là nói đến tình cảm, mà tình cảm thì thâm sâu, thâm lâu. Những gì nhờ tình cảm mà có cũng được náu giữ lâu dài. Văn là tình, người cũng là tình, văn nhờ người mà sống, người cũng nhờ văn mà trở nên hoàn thiện, toàn vẹn hơn, ngày càng hướng đến chân – thiện – mỹ.

Tác phẩm, xét cho cùng, cũng nhờ phẩm chất nhà văn mới có. Nhà văn phải có đủ tài – tâm – thức, thì văn mới sâu, ý mới rộng, người mới nhờ đó mà tỏ, mà sáng biết bao chuyện ở đời. Vậy nên, một khi quá trình tiếp nhận diễn ra thành công, tác phẩm đến được với lớp lớp người đọc nhà văn luôn cần được đề cao về vai trò, về năng lực sáng tác. Tác phẩm có chỗ đứng trong tiến trình văn học, trong đời sống nội tại, trong lịch sử xã hội, thì cũng đồng thời với việc nhà văn đó

được công nhận, có vị trí trong lòng người đọc. Hai mối quan hệ này luôn bổ sung lẫn nhau, và không thể tách rời. Cũng như tác phẩm không có tiếp nhận sẽ không được toàn vẹn. Haniki Munraka từng nói: “Một khi cơn bão đã thực sự chấm dứt, khi ta bước ra, ta sẽ không còn là người khi đã bước vào”. Và những thay đổi ấy chưa bao giờ là xấu, chưa bao giờ là muộn.

Văn học trường tồn và đi mãi với thời gian, vượt qua những vô thường và bao sự vô tâm của dòng đời, chính là vì nó mang trong mình tổ hợp của những giá trị. Văn học được dựng xây bởi giá trị. Mà giá trị thì không bao giờ bị những bão giông của năm tháng làm cho vụn vỡ. Nó được lưu truyền và gìn giữ trong lòng người, trong suy nghĩ và tâm tư của thế nhân, từ đó nảy nở biết bao tư tưởng của thời đại. Tiếp nhận sẽ mãi và luôn luôn, được khai hoa kết quả trong tác phẩm, trong lòng người đọc, và trong cuộc đời nhà văn. Để rồi, từ đó, nó trả hương cho nhân thế.

“Nền đất âm, chiều manh, trang giấy trắng

Ta hi sinh bao nhiêu vật cho đời

Nên ta chết như chuyện đi dài hạn

Bởi họ sống thay ta, có mặt giữa muôn đời.”

(Đào Càng).

Bài viết của Đặng Mỹ Linh, 11 Văn 1.

Nguồn bài viết: Nangkhieu.vn

Từ cách hiểu gần gũi trên, chúng ta có thể dễ dàng phân biệt được hai khái niệm *văn bản văn học* và *tác phẩm văn học*, từ đó tạo cơ sở nền tảng để nghiên cứu về những đặc điểm của tác phẩm văn học một cách dễ dàng hơn.

2. Đặc điểm của tác phẩm văn học

2.1. Đặc điểm về ngôn từ

“Thơ văn quý ở chỗ *cong*”.

(Viên Mai)

“Thơ là thơ, đồng thời là hoa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng.”

(Sóng Hồng)

“Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật

Một giọt mật thành, đời vạn chuyển ong bay”

(Chế Lan Viên)

“Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gọi.”

(Lưu Trọng Lư)

a. Đặc trưng của mỗi một loại hình nghệ thuật bắt nguồn từ chất liệu mà nghệ thuật ấy sử dụng. Chất liệu của âm nhạc là âm thanh và tiết tấu; của hội họa là nét, màu sắc, ánh sáng; của điêu khắc là mảng khối; của sân khấu và điện ảnh là diễn viên và đạo cụ;... Chất liệu của văn học là *ngôn từ*. Văn học sử dụng ngôn từ như là chất liệu và phương tiện để miêu tả đời sống và biểu hiện tư tưởng - tình cảm của nhà văn trước cuộc đời.

b. Ngôn từ cũng là một dạng của lời nói, nhưng là lời nói được sử dụng nhằm xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm. Vì thế, ngôn từ trong tác phẩm văn học đặc trưng trước hết ở *tính hình tượng* của nó. Tính hình tượng của ngôn từ nghệ thuật thể hiện ở khả năng gọi lên những hình ảnh, đường nét, màu sắc, âm thanh, mùi vị... của sự vật hiện tượng được miêu tả, gây cho người đọc những ấn tượng thị giác, thính giác, xúc giác... khiến cho họ có thể cảm nhận một cách cụ thể, cảm tính, rõ ràng và xác thực đối với cảnh vật, sự kiện và con người được tái hiện trong tác phẩm.

c. Ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm văn học còn đặc trưng ở *tính biểu cảm*. Tính biểu cảm của ngôn từ nghệ thuật thể hiện ở khả năng bộc lộ mạnh mẽ cảm xúc, thái độ, cách đánh giá của nhà văn đối với các hiện trạng của đời sống, đồng thời lan truyền và đẩy lên những cảm xúc phong phú, dồi dào trong lòng người đọc.

d. Ngôn từ trong tác phẩm văn học cũng là thứ ngôn từ có *tính hàm súc* cao. Đó là ngôn ngữ đã được nhà văn chọn lựa, chất lọc một cách kĩ càng sao cho bằng lượng từ ngữ cô đọng nhất cũng có thể gọi lên một cách chính xác bản chất của sự vật hiện tượng, sao cho nói ít mà gợi nhiều, “ý tại ngôn ngoại”, hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa.

e. Ngôn từ cũng là lời nói được sử dụng vào văn học với tất cả những *phẩm chất thẩm mĩ* và *khả năng nghệ thuật* của nó. Khác lời nói thông thường, đặc trưng của ngôn từ thể hiện ở chỗ chức năng thẩm mĩ của nó là bắt buộc và thường xuyên. Nói một cách khác, ngôn từ - như là chất liệu và phương tiện của văn học - phải là lời nói hay, lời nói đẹp, là lời nói có khả năng làm lay động lòng người và khơi dậy cảm xúc thẩm mĩ. Người đọc văn không chỉ được thưởng thức “tình hay ý đẹp” mà còn say đắm với vẻ đẹp của con chữ trong tác phẩm.

2.2. Đặc điểm về hình tượng

“Các bạn hãy học viết ở tất cả các nhà văn có phong cách điêu luyện nhưng các bạn hãy tìm lấy nốt nhạc và lời ca của chính mình.”

(M. Gorki)

“Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi

Còn một nửa cho mùa thu làm lấy

Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá

Nó không là anh nhưng nó là mùa”

(Chế Lan Viên)

a. Ở các loại hình nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, sân khấu,... hình tượng nghệ thuật khá cụ thể, rõ ràng, ta có thể nhìn bằng mắt, nghe bằng tai. Thế nhưng, hình tượng văn học lại được xây dựng bằng chất liệu ngôn từ, bằng những con chữ xếp ngay ngắn, thẳng hàng trên trang giấy. Điều đó cho thấy ta chỉ có thể hình dung ra hình tượng văn học bằng *trí tưởng tượng* và *khả năng liên tưởng* của mình. Một Thúy Kiều trong văn chương sẽ mang vẻ đẹp riêng tùy theo trí tưởng tượng của từng người chứ không có một khuôn mẫu nào quy ước được.

b. Hình tượng văn học không tác động trực tiếp vào các giác quan bên ngoài của chúng ta mà chỉ là sự xuất hiện bằng ngôn ngữ. Điều này khiến cho sự miêu tả hình tượng thường chậm. Và vẻ đẹp của hình tượng văn học phải là một quá trình ngẫm nghĩ, tự cảm thụ dài lâu.

c. Nhà văn khi xây dựng hình tượng văn học đôi khi chỉ là những nét phác thảo, thường bỏ qua nhiều chi tiết trong việc miêu tả đối tượng, có khi chỉ là “gợi” và “chừa lại đất” cho người đọc tự cảm thụ lấy. Vì vậy, hình tượng văn học cũng thường kém độ sáng rõ so với hình tượng của các loại hình nghệ thuật khác.

d. Hình tượng văn học không phải là hình ảnh đầy đủ được đưa sẵn bởi nhà văn. Nhà văn thực chất không đưa cho người đọc một hình ảnh trọn vẹn nào mà chỉ là những con chữ. Để có thể cảm thụ được tác phẩm văn học, người đọc buộc phải tái tạo lại hình tượng từ những con chữ trong văn bản bằng trí tưởng tượng và khả năng liên tưởng của mình. Do đó, hơn bất kì loại hình nghệ thuật nào khác, hình tượng văn học có thể mạnh trong việc phát huy cao độ vai trò “đồng sáng tạo”, nuôi dưỡng và kích thích mạnh mẽ óc tưởng tượng phong phú và khả năng liên tưởng sắc bén của người đọc.

e. Được sáng tạo bởi trí tưởng tượng phong phú của những cá nhân người đọc khác nhau, hình tượng văn học do đó thường rất đa dạng, và cũng chính vì thế mà thường rất đa nghĩa. Điều đó góp phần tạo nên sức hấp dẫn, sự sinh động thú vị trong quá trình tiếp nhận hình tượng văn học.

❖ Con người là hình tượng trung tâm của tác phẩm văn học

“Con người, tiếng ấy thật tuyệt diệu, nó vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao.”

(M.Gorki)

“Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy.”

(Chekhov)

“Con người với tất cả đời sống tự nhiên và xã hội của nó chính là đối tượng và cũng là đặc trưng cơ bản nhất của văn học.”

(Lê Ngọc Trà)

“Thiên chức của nhà văn là đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người.”

(Nguyễn Minh Châu)

Đối tượng phản ánh đặc thù của văn học là *con người*. Cho dù phạm vi miêu tả của các tác phẩm văn chương vô cùng rộng lớn, đó có thể bao gồm cả những biểu hiện phong phú và sinh động của thế giới tự nhiên hay những sự kiện, vấn đề xã hội nóng bỏng, thế nhưng văn học bao giờ cũng đặt con người vào vị trí trung tâm, lấy con người làm đối tượng chủ yếu của sự phản ánh. Với văn học, con người luôn là nơi quy chiếu của mọi vẻ đẹp và mọi giá trị của đời sống mà ngòi bút của nhà văn hướng tới và tìm tòi.

Con người được miêu tả và phản ánh trong các tác phẩm văn học không phải là kiểu con người chung chung trừu tượng. Họ thường là những con người *cụ thể, sinh động và hấp dẫn* như những gương mặt đời thường ta vẫn gặp: một người nông dân quê mùa lam lũ, một người thầy trên bục giảng, người thợ cắt tóc nơi quán nhỏ bên đường... Dù không tên hay có tên, dù chỉ thoáng qua hay lưu lại đậm nét trong tác phẩm... những con người được miêu tả trong văn học đều là những cá thể rất riêng: dung mạo riêng, điệu bộ riêng, ngôn ngữ riêng, hành động và tính cách riêng, suy nghĩ và cảm xúc riêng, hoàn cảnh riêng, thân phận và số phận riêng.

Con người được miêu tả trong văn học cũng là *con người toàn vẹn* với tất cả đời sống tự nhiên và xã hội. Đó là con người của cõi nhân sinh với hạnh phúc và khổ đau, niềm vui và nỗi buồn, lỗi lầm và ân hận, yếu đuối và mạnh mẽ, cam chịu và vùng lên... Nó là muôn vẻ của đời thường được nhà văn đưa vào trang sách.

Ví dụ:

Điển hình cho một con người toàn vẹn trong văn học, với tất cả những gì tự nhiên và tiêu biểu nhất của đời sống xã hội, có lẽ chúng ta không thể không nhắc đến hình ảnh chị Dậu - điển hình của người phụ nữ thời kì 1930- 1945. Đó là hình ảnh một người phụ nữ luôn hết lòng vì chồng con, mang nặng đức hi sinh nhưng không còn sự yếu đuối nhu nhược của người phụ nữ thời kì phong kiến mà đã có sự phản kháng mạnh mẽ chống lại những thế lực luôn chèn ép, đè nén những người nông dân thời kì bấy giờ. Cũng có thể vì lẽ đó, với cách miêu tả đắt giá về sự trỗi dậy của sức sống tiềm tàng trong chị Dậu, đoạn trích "*Tức nước vỡ bờ*" là một trong những đoạn văn đắt giá nhất trong tác phẩm "*Tắt đèn*" của Ngô Tất Tố mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc để lại trong lòng người đọc cho tới tận hôm nay.

Việc miêu tả con người trong văn học không phải chỉ nằm ở việc miêu tả chân dung hay hành động, mà điều quan trọng là ở việc phản ánh tính cách, thân phận và những suy tư của họ trước đời sống. Đó là hình ảnh những con người luôn băn khoăn, trăn trở đi tìm ý nghĩa của đời sống, của những giá trị đích thực bị chìm lấp đi trong cái "chùng chình, vòng vèo" của cuộc đời.

Ví dụ:

Việc miêu tả con người trong văn học không chỉ phản ánh tính cách, thân phận và những suy tư của họ trước đời sống, mà còn tỏ rõ cho người đọc thấy được sự khác biệt giữa suy tư của con người ở mỗi thời. Qua đó càng nhấn mạnh hơn cho chúng ta tư tưởng, sự tiến bộ trong cả tư duy trong cuộc sống lẫn tư duy văn học của tác giả. Chúng ta xét đến Nguyễn Minh Châu và tác phẩm *Bến quê* để làm rõ cho nội dung này:

Năm 1980, năm lịch sử Việt Nam có nhiều biến động về an ninh quốc phòng, về kinh tế, văn hóa tư tưởng... Với Nguyễn Minh Châu nó còn là thời điểm, một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp văn chương của ông. Nhà văn có nhiều tìm tòi đổi mới về đề tài và phong cách sáng tác. Có thể kể đến *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ lau*... và một *Bến quê* với dấu ấn khó quên có ý nghĩa tổng kết cuộc đời một con người. Đây được coi như bản di chúc nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.

Bến quê được rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên, là một trong những truyện ngắn đặc sắc của nhà văn để lại nhiều dư ba tốt đẹp. Qua một cốt truyện giản dị, một tình huống nghịch lý nhưng cũng rất đời thường, nhà văn đã phát hiện ra những chiều sâu mới của đời sống với bao quy luật và nghịch lý, vượt ra khỏi giới hạn chật hẹp của những cách nhìn, cách nghĩ trước đó của xã hội và của chính tác giả. Triết lí trong *Bến quê* góp phần chứng minh các cuộc đời đa sự, con người đa đoan và cuộc đời con người chẳng giản đơn chút nào.

Cốt truyện được xây dựng trên một tình huống chứa đựng mâu thuẫn. Nhân vật chính là anh Nhĩ, người đã từng đi khắp đó đây, biết nhiều hiểu rộng, thế giới với anh là không xa lạ nhưng cuối đời lại bị cột chặt trên giường bệnh bởi căn bệnh hiểm nghèo. Cái trở trêu của cuộc đời là ở chỗ đó, khi có thể Nhĩ đã không làm cái điều anh nên làm; còn khi nhận ra cái mình phải thực hiện, anh lại không thể làm được. Cuộc đời con người là xâu chuỗi những nghịch lý.

Nằm trên cái giường đặt cạnh cửa sổ, Nhĩ có thể quan sát được toàn cảnh. Nhưng nhất cử nhất động phải nhờ vào mọi người. Những ngày tháng nằm trên giường bệnh toàn thân bại liệt như thế, Nhĩ đã có những suy nghĩ gì? Tình huống nghịch lý thứ hai lại xuất hiện không kém phần kịch tính: Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ vào một buổi sáng chớm thu mà bình thường anh đã vô tình không nhận ra dù nó ở quanh anh, rất gần. Nhĩ đã nhờ con trai giúp mình thực hiện khát khao đó, nhưng rồi cậu ta mãi chơi và để lỡ chuyến đi ngang.

Tạo ra một chuỗi những tình huống nghịch lý như trên, tác giả muốn người đọc suy nghĩ về một vấn đề của cuộc đời: cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài dự định ước muốn, từ đó mở ra một nội dung triết lý mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả đời người, của tính người: “Con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình...”. Đồng thời, qua câu chuyện về cuộc đời nhân vật Nhĩ với đầy rẫy những nghịch lý, Nguyễn Minh Châu cũng đã xây dựng và làm nổi bật được hình ảnh những con người luôn băn khoăn, trăn trở đi tìm ý nghĩa của đời sống, của những giá trị đích thực bị chìm lấp đi trong cái “chùng chình, vòng vèo” của cuộc đời.

Văn học không phải không miêu tả thế giới tự nhiên hay sự vật. Nhưng cái mà người nghệ sĩ quan tâm lại là những gì thuộc về con người nằm trong mối liên hệ với sự vật hiện tượng, chứa đựng trong sự vật hiện tượng. Đó có thể là kỉ niệm, ước mơ, niềm đau, thân phận,... Cho nên, sự vật được miêu tả thường chất chứa bao nỗi niềm, như hạt bụi mang theo thân phận của con người, sắc hoa tigon mang theo hình bóng trái tim tan vỡ, “nhành mai sân trước” mang theo thông điệp của sự sống luôn vận hành trong cõi nhân sinh...

Ví dụ về hình ảnh nhành mai trong tác phẩm *Cáo bệnh bảo mọi người* của Mãn Giác Thiền sư:

Tuổi già đến cũng là một quy luật mà con người có chống cũng không nổi. Huống chi Mãn giác Thiền sư có thừa thông tuệ để thấu đáo và xem như một điều tất yếu. Hình ảnh nhành mai mà Thiền sư miêu tả ở cuối bài thơ này vừa không nằm ngoài quy luật vĩnh hằng sinh – lão – bệnh – tử ấy của con người, nhưng lại đồng thời thể hiện nổi bật được lòng ham sống, ý thức trách nhiệm của một con người có tấm lòng cao thượng, luôn sống và biết suy nghĩ cho nhân dân.

Một chút bụi ngùi chợt lắng xuống nhường chỗ cho tâm thế tích cực, lạc quan vút lên trong hai câu thơ cuối:

Chớ tường xuân tàn hoa rụng hết,

Đêm qua xuân trước một nhành mai.

Những câu thơ đang từ thể ngũ ngôn chuyển sang thất ngôn một cách uyển chuyển, nhịp nhàng bộc lộ một tình cảm yêu đời thiết tha, một tư tưởng lạc quan đáng khâm phục. Đáng nói là trong mạch cảm xúc của bài thơ thì hai câu cuối này thật sự gây một ấn tượng mạnh mẽ. Nếu bốn câu trước như một lời tri nhận những quy luật bất biến của thiên nhiên và cuộc sống thì hai câu cuối này lại như đảo dòng quy luật ấy. Đảo dòng nhưng không hề phi lý mà vẫn thuyết phục người đọc một cách tài tình. Ai cũng hiểu, xuân tàn hoa sẽ rụng nhưng ai cũng sẽ vui mừng khi đâu đó chợt bắt gặp một cành mai nở muộn cuối mùa. Điều đó đặc biệt như một món quà của thiên nhiên và từ đó khái quát thành tư tưởng sống tích cực, sống có ích, sống đẹp dù đang ở bất kì mùa nào của tuổi tác. Càng đáng quý hơn khi đó là lời khuyên của một bậc Thiền sư đang trong những ngày đau ốm, bệnh tật. Rõ ràng, hình ảnh “nhành mai sân trước” này đã mang theo thông điệp của sự

sống luôn vận hành trong cõi nhân sinh, đồng thời cũng ngợi ca một tinh thần tích cực, lòng khao khát sống, khao khát cống hiến của Thiền sư Mãn Giác.

Như vậy, chính giá trị nhân bản đó đã tạo nên cái đẹp và giá trị thẩm mỹ của sự vật hiện tượng được miêu tả trong tác phẩm. Bản thân người đọc chúng ta cũng sẽ hiểu được rõ ràng hơn dụng ý nghệ thuật của tác giả khi miêu tả cảnh vật, sự vật thiên nhiên và đặt con người trong mối quan hệ mật thiết với khung cảnh thiên nhiên đó.

2.3. Đặc điểm về ý nghĩa

a. Tác phẩm văn học luôn phản ánh hiện thực đời sống

“Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật.”

(Belinsky)

“Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực.”

(Stendhal)

“Nhà văn là thư kí trung thành của thời đại, tác phẩm của anh là tấm gương xê dịch trên quãng đường đời.”

(Balzac)

“Tác phẩm văn học là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.”

(Sóng Hồng)

“Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn.”

(Thạch Lam).

“Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương”.

(Tổ Hữu)

“Hình tượng nghệ thuật không phải chỉ mang bóng dáng của hình ảnh đời sống mà còn chứa đựng cả quan niệm của nhà văn về nó.”

(Lê Ngọc Trà)

“Sống đã, rồi hãy viết.”

(Nam Cao)

Văn học bắt nguồn từ đời sống và phản ánh đời sống, phản ánh đời sống như là một thuộc tính tất yếu của văn học. Điều đó có nghĩa là: dù tác phẩm văn học có phong phú đa dạng đến đâu thì bất kì tác phẩm nào - hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, ở mức độ này hay mức độ khác - đều mang trong nó hơi thở của cuộc sống, bóng dáng của thời đại và hiện thực cuộc đời mà ở đó nó được sinh ra.

Không nên hiểu sự phản ánh hiện thực đời sống bằng văn học một cách thô thiển như là một sự sao chép y nguyên hiện thực và mô tả nó một cách máy móc. Sự phản ánh hiện thực đời sống của nhà văn thực chất là trình chất lọc, nhào nặn, tổ chức lại những chất liệu đời sống theo

trí tượng phong phú và dựa trên một ý đồ nghệ thuật nào đó của người nghệ sĩ. Nói một cách khác, đó là sự phản ánh thông qua hư cấu nghệ thuật và bằng hư cấu nghệ thuật. (Chúng ta có thể hiểu “hư cấu nghệ thuật” chính là những sáng tạo của người nghệ sĩ trong tác phẩm, mang những ý đồ về nội dung, tư tưởng nào đó. Nó bắt nguồn từ cuộc sống, nhưng lại không hoàn toàn giống cuộc sống 100%. Sau những nhào nặn, thêm da đắp thịt của tác giả, người đọc vẫn cảm nhận được hơi thở của sự sống toát ra từ “hư cấu nghệ thuật”, vừa hiểu được dụng ý sáng tác của nhà văn). Vì vậy, bức tranh đời sống được miêu tả trong tác phẩm văn học bao giờ cũng vừa thực lại vừa hư, vừa giống lại vừa không giống, vừa là sự phản chiếu hình ảnh của thực tại, lại vừa là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nhà văn. Nó có thể thống nhất với đời sống nhưng không đồng nhất với đời sống.

Văn học phản ánh hiện thực theo ý thức chủ quan của nhà văn. Nhà văn cảm thụ, nắm bắt và mô tả hiện thực đời sống bằng cái nhìn độc đáo và cảm xúc riêng tư của anh ta với đời sống. Do vậy, bức tranh đời sống trong tác phẩm văn học luôn chứa đựng trong nó cách nhìn và quan niệm rất riêng của người nghệ sĩ về cuộc đời và con người, luôn thấm đẫm những suy tư và cảm xúc mới mẻ của nhà văn đối với các sự vật và hiện tượng trong cuộc sống. Tác phẩm văn học vì thế vừa là sự thật đời sống, vừa là tâm sự, là suy tư, là sự nghiền ngẫm của nhà văn về đời sống và ý nghĩa của đời sống.

Người đọc có thể dễ dàng nhìn ra những quan niệm riêng này của tác giả trong mỗi tác phẩm. Nó có thể được nhà văn phát ngôn trực tiếp, hoặc thông qua lời nói, suy nghĩ của nhân vật hay rất nhiều cách khác nữa. Giống như trong tác phẩm *Lão Hạc*, Nam Cao đã không trực tiếp mà để nhân vật ông giáo phát ngôn giúp mình những chiêm nghiệm về cuộc sống:

- “Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất...”
- “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương.”

Tác phẩm văn học chứa đựng trong nó nhiều vẻ đẹp: vẻ đẹp của bản thân đời sống được chất lọc, vẻ đẹp của trí tưởng tượng và tài năng nghệ thuật, vẻ đẹp của tư tưởng tình cảm của người nghệ sĩ.

b. Tác phẩm văn học luôn thể hiện những tâm tư, tình cảm, trần trụi, nghĩ suy... của nhà văn

“Thơ là lửa, thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt.”

(Balzac)

“Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.”

(Anatole France)

“Thơ khởi phát ở trong lòng người.”

(Lê Quý Đôn)

“Hãy hát lên khi mỗi tâm hồn anh là một sợi dây đàn.”

(Platon)

“Thơ là một điệu hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu.”

(Tố Hữu)

“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”

(Nguyễn Đình Thi)

“Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng hét khổ đau hoặc lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc không trả lời những câu hỏi đó.”

(Belinsky)

Là một loại hình nghệ thuật, văn học không chỉ có chức năng phản ánh mà còn là sự bộc lộ một cách trực tiếp tâm trạng của người sáng tác trước các sự vật, hiện tượng và trạng thái của đời sống.

Với văn học, người sáng tác giải bày những ý nghĩ và cảm xúc đang trào dâng trong lòng mình. Đó là những điều “không nói ra không được” và cũng là những điều “chỉ nói được bằng thơ”, cảm xúc và ý nghĩ của con người trong văn học là phong phú vô vàn và biểu hiện hầu như trên mọi cung bậc. Đó có thể là những e ấp ngại ngùng thẹn thùng ban đầu, những thôn thức đau thương, những da diết bồi hồi hay rạo rực niềm yêu, những đón đầu căm giận... Đó còn là những tâm tư, suy nghĩ, trăn trở, cảm thông, thấu hiểu,... về nhân sinh, về cuộc sống. Chính sự chiêm nghiệm và giải bày ấy đã làm nên nội dung chủ yếu và giá trị nhân văn quý báu của thơ văn.

Tình cảm trong văn chương bắt nguồn từ đời sống, điều đó đòi hỏi nhà văn phải sống thật với đời. Trái tim người nghệ sĩ phải là trái tim đủ nhạy cảm, dễ rung động và giàu cảm thông để có thể thấu hiểu và đồng cảm với niềm vui và nỗi đau nhân thế. Tiếng nói trong thơ văn, do đó, còn là tiếng nói chứa chan đồng điệu, tiếng nói sẻ chia của tâm hồn con người. Thơ văn là điệu hồn tìm đến với điệu hồn trong cõi nhân gian.

c. Tác phẩm văn học thường đa nghĩa

“Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...”

(Nguyễn Đình Thi)

“Tác phẩm văn học không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện.”

(Aimатов)

Văn học phản ánh đời sống. Sự phản ánh đời sống trong văn học không chỉ là sự tái hiện một cách sinh động bức tranh của hiện thực mà còn là sự bày tỏ quan niệm của nhà văn trước những hiện tượng và trạng thái của đời sống. Vì vậy, nội dung của một tác phẩm văn học luôn hàm chứa trong nó phần khách quan của sự thật đời sống được tái hiện lẫn phần chủ quan của thế giới tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Hai phương diện ấy của nội dung tác phẩm trong thực tế hòa quyện, xuyên thấm vào nhau trong từng câu, từng chữ, từng hình tượng. Ví dụ như Nguyễn Du

viết: “Đau đớn thay phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”, ông đâu chỉ nói lên một sự thật về bi kịch của người phụ nữ thời phong kiến xưa, mà còn thể hiện sự đồng cảm sâu sắc, nỗi đau, niềm trân trọng và cả sự bẽ tắc trước bi kịch của cuộc đời.

Những nghệ sĩ lớn, những nhà văn xuất sắc thường nhìn thấy và phản ánh trong tác phẩm của họ những hiện tượng đời sống tinh tế hay những vấn đề lớn lao, mang ý nghĩa phổ quát của đời sống; đồng thời bộc lộ quan niệm và những cảm xúc mới mẻ đối với đời sống theo cái nhìn tiến bộ của họ.

Đọc tác phẩm văn chương, ta không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sự thật của đời sống trong tác phẩm mà còn phải khám phá cái nhìn, thái độ, cách đánh giá và cảm hứng của nhà văn ra sao đối với cuộc đời.

Nội dung của tác phẩm văn học còn đặc trưng ở *tính chất “mở”*. Đó là cái nội dung được biểu đạt một cách hình tượng, bằng hình thức nghệ thuật. Cho nên, nội dung của tác phẩm không thể nào nói được hết, bao quát được hết trong một lần cắt nghĩa. Tác phẩm văn học là đa nghĩa. Mỗi một lần cắt nghĩa, tác phẩm có thể lại bộc lộ thêm một lớp ý nghĩa mới của nội dung. Cứ như thế, nội dung của tác phẩm mở ra hầu như khôn cùng trong sự cảm thụ, sự tiếp nhận của cá nhân người đọc qua các thế hệ, các thời đại. Tác phẩm văn học chứa đựng “một năng lượng nghĩa khổng lồ” và cho phép nhiều cách hiểu, cách cắt nghĩa khác nhau về nó.

Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học và đặc tính mở của nội dung nghệ thuật góp phần tạo nên sức sống, sức hấp dẫn của tác phẩm trong quá trình tiếp nhận; đồng thời cho phép phát huy cao độ khả năng sáng tạo của người đọc trước tác phẩm của mỗi nhà văn.

2.4. Đặc điểm về cá tính sáng tạo của nhà văn

“Khi một nhà văn mới xuất hiện, chúng ta bao giờ cũng tự hỏi: Anh ấy là người như thế nào? Liệu anh ta có mang lại điều gì mới trong cách nhìn đời cho chúng ta?”

(Lev Tolstoi)

“Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này, nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có hình sắc riêng.”

(Hoài Thanh)

“Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo càng hay.”

(Xuân Diệu)

“Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có.”

(Nam Cao)

a. Nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng đòi hỏi sự lặp lại, cũ kĩ, sáo mòn. Bởi chính sự lặp lại, cũ kĩ, sáo mòn sẽ mang lại cái chết cho nghệ thuật. Nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo, những điều mới mẻ và độc đáo.

b. Văn học phản ánh đời sống theo ý thức chủ quan của nhà văn. Sự sáng tạo trong văn học không chỉ đòi hỏi tác phẩm phải phản ánh những khía cạnh mới mẻ của đời sống hiện thực, mà còn đòi hỏi nhà văn phải đóng góp một diện mạo riêng, bản sắc riêng, dấu ấn riêng, phong cách riêng. Nhà văn phải là một cá tính sáng tạo.

c. Dấu ấn sáng tạo của nhà văn góp phần vào sự phong phú, đa dạng của thế giới văn chương. Dấu ấn ấy thể hiện trước hết ở phong cách nghệ thuật của nhà văn. Đó là những chỗ độc đáo được biểu hiện trong sáng tác hình thành nên bản sắc và dung mạo riêng của mỗi nhà văn, nhà thơ. Có thể thấy trong phong trào Thơ mới một Nguyễn Bính “chân quê”, một Xuân Diệu “nồng nàn, rạo rực”, một Huy Cận “sầu mộng”, một Lưu Trọng Lư “mơ màng”... Tất cả gương mặt thơ ca “mỗi người mỗi vẻ” ấy đã góp phần tạo nên một khu vườn thơ ca đầy hương sắc.

d. Dấu ấn sáng tạo của nhà văn có thể biểu hiện trên bất kì phương diện nào của sáng tác từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Tuy nhiên, biểu hiện quan trọng nhất vẫn là ở cái nhìn nghệ thuật của nhà văn về cuộc đời và con người. Cái nhìn ấy bộc lộ một quan niệm nghệ thuật khác biệt, mới mẻ và trình độ tư duy nghệ thuật của nhà văn. Đó cũng chính là cái cốt lõi tạo nên cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Cùng với cái nhìn độc đáo, nhà văn giàu cá tính đồng thời cũng sáng tạo những phương thức biểu đạt mới.

e. Bản sắc và dấu ấn sáng tạo của nhà văn không phải là sự lập dị đi ngược với quy luật sáng tạo nghệ thuật, phản văn hoá, phản nhân văn. Đó phải là đặc điểm sáng tác độc đáo có phẩm chất thẩm mỹ và đóng góp những giá trị thẩm mỹ trong sự vận động và phát triển của văn học.

3. Chức năng của văn học

“Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ; núi non hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh; tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay. Lời ấy tưởng không có gì là quá đáng.”

(Hoài Thanh)

“Ngoài việc phản ánh đầy đủ sự thật của đời sống, văn học còn có nhiệm vụ buộc người đọc nhìn chăm chú hơn, nghiêm khắc hơn vào bản thân mình, từ đó hiểu được sâu sắc hơn sự thật của bản thân mình.”

(Hoàng Ngọc Hiến).

“Đối với tôi, văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn.”

(Thạch Lam)

“Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và cảm hơn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn.”

(Nguyễn Đình Thi).

Chức năng của mỗi sự vật, hiện tượng là vai trò của nó trong đời sống. Chức năng của văn học cũng chính là vai trò, nhiệm vụ của nó trong đời sống con người. Nó bao gồm cả nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài.

Văn học có nhiều chức năng. Các chức năng của văn học cũng có thể vận động, biến đổi theo sự thay đổi của xã hội. Tuy nhiên, nhiệm vụ cơ bản nhất là nghệ thuật là bồi đắp tình đời, tình người, làm cho đời sống con người phong phú hơn, giúp con người hướng đến những giá trị chân – thiện – mỹ.

Về cơ bản, văn học có những chức năng chủ yếu sau đây:

3.1. Chức năng giáo dục

Văn chương góp phần giáo dục luân lý, truyền bá đạo đức cho con người. Các tác phẩm văn học tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, làm thay đổi “mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”. Đặc trưng của giáo dục bằng văn học là sự giáo dục mang tính tự giác, dưới một hình thức nghệ thuật tươi mát, hấp dẫn. Nó có tác dụng thâm sâu, lan toả dài lâu trong tâm hồn con người. Văn học nghệ thuật mang lại sức sống cho tâm hồn. Văn học nghệ thuật xây dựng đời sống tâm hồn, tình cảm cho con người, cho toàn xã hội.

Qua các tác phẩm, văn học mang đến cho ta những bài học, giáo dục lí tưởng, phẩm chất đạo đức, góp phần cấu tạo thế giới quan và những quan niệm nhân sinh của con người bởi vì “*Văn học là nhân học*” (M. Gorki). Nói cách khác, tác phẩm văn học sẽ dạy ta những bài học thiết thực nào đó theo cách của riêng nó. Có thể, qua một bài thơ, ta hiểu thế nào là tình yêu thiên nhiên, qua một tiểu thuyết ta học được những bài học làm người sao cho xứng đáng. Như thế, sự rèn luyện những phẩm chất đạo đức qua tác phẩm văn học còn được gọi là sự tự giáo dục. Nói cách khác, qua hình tượng nghệ thuật, mỗi độc giả tự cảm nhận được điều bổ ích với chính mình. Tính giáo dục của tác phẩm văn học thông qua con đường của trái tim nên tác dụng của nó cực kì mãnh liệt (Chức năng giáo dục của Văn chương là ở chỗ: văn chương giáo dục con người thông qua con đường tình cảm). Nó làm thay đổi tâm hồn, làm phong phú tình cảm, làm thay đổi những suy nghĩ, trần trở của người thường thức.

Chức năng giáo dục của văn học thể hiện trong những nội dung sau:

- Văn học có khả năng hướng thiện: Luôn hướng con người đến cái thiện thông qua việc hình thành những quan điểm đạo đức, những giá trị nhân sinh quan. Ví dụ: Từ những hình tượng như Lạc Long Quân, Âu Cơ, Thánh Gióng, cô Tấm, Thạch Sanh, ... trong truyện cổ tích; hình tượng Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, ... trong văn học trung đại đến hình ảnh nhiếp ảnh Phùng, bé Thu, hình tượng nhân vật Luôm ... trong văn học hiện đại đã có ảnh hưởng ít nhiều đến quan niệm về đạo đức của lớp lớp thế hệ người Việt Nam.
- Văn học là nơi nuôi dưỡng tình cảm yêu thương: Tác phẩm văn học là nơi nhà văn nhắn gửi, thể hiện tình cảm cũng như tư tưởng, quan điểm nhân sinh của mình, từ đó có khả năng khơi dậy trong chúng ta khả năng đồng cảm; là cho ta biết vui, biết buồn; dạy cho ta biết yêu, biết ghét, biết khinh bỉ sự tàn nhẫn, lừa dối, xấu xa.

Ví dụ:

Truyện Kiều của Nguyễn Du thể hiện rõ sự bất bình, căm ghét đối với xã hội phong kiến, thái độ xót thương vô hạn của nhà thơ đối với những người phụ nữ.

Truyện *Lão Hạc* của Nam Cao cũng chính là bài học về nhân cách, lương thiện, về lòng tự trọng, về đức tính chất phác, thuận hậu, qua đó thể hiện niềm yêu mến, cảm phục đối với những người nông dân nghèo khổ mà vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp.

Tác phẩm *Làng* của Kim Lân chẳng những thể hiện được niềm yêu mến, trân trọng của tác giả đối với nhân vật, mà còn nói lên sự chuyển biến tích cực cả trong nhận thức và tình cảm của người nông dân thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu gửi gắm suy nghĩ, bài học nhân sinh về cuộc đời của mỗi con người.

Văn học khơi dậy trong ta bài học giáo dục sâu sắc, niềm tin vào chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái công bằng đối với cái bất công. Ví dụ, cô Tấm hay Thạch San, dù có phải trải qua bao nhiêu khó khăn, sóng gió hay thử thách trong hành trình của cuộc đời mình nhưng cuối cùng vẫn giành được thắng lợi, vẫn có được tình yêu, hạnh phúc mà không hề đánh mất đi sự trong sáng, lương thiện và những phẩm chất tốt đẹp của mình.

Trong các chức năng cơ bản của Văn học thì chức năng giáo dục được đánh giá là quan trọng nhất. Đây là chức năng cơ bản, bao gồm những thành phần quan trọng giúp cho văn học luôn có được chỗ đứng vững chắc trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử.

3.2. Chức năng nhận thức

Những hiểu biết mà văn chương mang đến cho chúng ta phong phú và đồ sộ. Đó là những "tri thức cụ thể" từ phong cảnh thiên nhiên, phong tục tập quán vùng miền, những sinh hoạt vật chất và tinh thần, đến những sự kiện chính trị xã hội, những biến cố của quốc gia, dân tộc qua mọi thời đại. Các tác phẩm văn chương giúp cho ta hiểu biết các vấn đề xã hội, xu hướng bản chất của từng thời đại. Thế nhưng nhận thức quan trọng nhất mà văn học mang lại chính là sự hiểu biết về con người qua từng thời đại. Đó là những con người với đời sống tự nhiên và xã hội, con người lao động, con người chiến đấu, con người với chiều sâu cảm xúc, vẻ đẹp tâm hồn riêng... Đặc trưng của chức năng nhận thức chính là *tính tự giác, tự ngộ, tự nhận thức* của bản thân bạn đọc.

Chức năng nhận thức của Văn học với khả năng đem lại cho con người những hiểu biết mới về đời sống để bổ sung, làm giàu vốn kiến thức cho mình. Những tri thức mà văn học đem lại cho con người phong phú, đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, xã hội, văn hóa, tư duy, đời sống tinh thần, tình cảm của con người.

Ví dụ:

Văn học dân gian (Truyện thuyết, truyện cổ tích, ca dao, tục ngữ, ...) được xem như bộ "Bách khoa toàn thư về kiến thức, tôn giáo, triết học" của nhân dân. Văn học dân gian lưu giữ và lưu truyền hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội, tâm linh, kinh nghiệm sống, ứng xử, ... Vì thế, văn học dân gian giống như người thầy lớn, mang lại cho nhân loại những bài học sinh động, gần gũi và sinh động về mọi phương diện của đời sống.

Đọc *Lão Hạc* của Nam Cao, ta sẽ có được cái nhìn toàn cảnh:

- Về Kinh tế: Cuộc sống của người nông dân lúc bấy giờ nghèo đói, chủ yếu dựa trên nền kinh tế nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, lạc hậu.
- Về xã hội: Xã hội nông thôn trước Cách mạng tháng Tám.

- Về văn hóa: Còn những hủ tục lạc hậu (thách cưới quá cao khiến anh con trai của Lão Hạc không đủ tiền cưới vợ, lão đành ngậm ngùi khuyên con tìm đám nào nhẹ tiền hơn thì sẽ liệ)
- Con người: Những người nông dân chất phác, thuần hậu đã quen với cuộc sống ở làng quê Việt Nam.

Từ những nhận thức về kinh tế, văn hóa, đời sống xã hội và con người như vậy, văn học đã giúp đỡ chúng ta có được những những bổ sung cho kiến thức và bồi dưỡng tâm hồn của chính mình, để từ đó có thái độ, việc làm thích hợp với cuộc sống xung quanh.

Đọc những câu thơ của Hồ Xuân Hương, “Vội đây đôi phận làm trai được” ta thấy rõ hơn khát vọng sống, khát vọng nữ quyền mãnh liệt của người phụ nữ dưới thời phong kiến: muốn được tự do, muốn làm nên sự nghiệp như những đám mây râu nhưng bị các thế lực thống trị dày dụa, yù dập, ... Từ đó, trên cơ sở so sánh với xã hội hiện nay, ta sẽ có được những cảm nhận sâu sắc về cuộc đời chìm nổi của những người phụ nữ trong xã hội cũ và biết trân trọng xã hội mới đã mang đến cho con người quyền sống chính đáng. Do đó, chức năng nhận thức của Văn học còn nhằm mục đích giúp con người khám phá, nhận thức chính bản thân mình.

3.3. Chức năng thẩm mĩ

Văn học đáp ứng và thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người bằng cách phản ánh cái đẹp. Đó là cái đẹp vốn có trong tự nhiên muôn màu muôn vẻ; trong đời sống đa dạng, phong phú đến vô cùng. Cụ thể như cái đẹp của thế giới khách quan, cái đẹp của sự vật hiện tượng nhà văn sáng tạo, cái đẹp của cảm xúc thăng hoa, cái đẹp của ngôn từ... Văn học thoả mãn cho ta nhu cầu về cái đẹp, tạo nên những rung động thẩm mĩ trong lòng ta. Ngoài ra, bằng những năng lực trí tuệ riêng, người nghệ sĩ còn phát hiện ra những cái đẹp, những cái mới vốn “ẩn náu” trong cuộc sống để cho chúng ta những bài học trông nhìn và thưởng thức. Cho nên, văn học chính là phương tiện chủ yếu để hình thành, phát triển năng lực, thị hiếu thẩm mĩ cho con người.

Khi đề cập đến chức năng thẩm mĩ trong văn chương, nghĩa là ta đang hướng đến cái đẹp. Văn học phản ánh cái đẹp. Cái đẹp trong văn chương được khám phá, sáng tạo bởi ngòi bút tài hoa của người nghệ sĩ, hướng độc giả đến với cái đẹp bằng sự chân thành và những gì tinh tế nhất. Thế nhưng, cái đẹp trong văn học chỉ có thể khám phá ở bề sâu và nó đòi hỏi một quy trình khám phá chứ không hề thể hiện một cách rõ ràng. Đặc biệt, cái đẹp “ẩn náu” trong bề sâu ấy bao giờ cũng để lại cho ta nhiều ấn tượng sâu sắc và khó quên hơn.

Mỗi người sẽ có định nghĩa khác nhau về cái đẹp, nên không có một thước đo chuẩn xác cho cái đẹp, bởi lẽ nó khởi phát trong lòng người. Nhưng chức năng của cái đẹp, sự tác động của cái đẹp thì ta có thể thấy rõ và cảm nhận được. Cái đẹp xoa dịu tâm hồn con người, gạt bỏ mọi điều xấu xa khỏi tâm hồn con người chỉ để lại những gì thanh khiết trong tâm hồn con người.

Cái đẹp có chức năng cứu rỗi là vì thế. Chính nhờ có cái đẹp mà con người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc đời này, thấy cuộc sống có thêm ý nghĩa. Đó chính là giá trị chức năng đặc trưng của các loại hình nghệ thuật nói chung, của văn học nói riêng.

Cái đẹp của văn học đến từ cả hai phương diện hình thức và nội dung. Hình thức của văn học chính là thể loại chính là ngôn ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng. Nếu họa sĩ dùng màu sắc để vẽ tranh, nhà điêu khắc dùng đường nét để khắc họa, nhạc sĩ dùng âm nhạc để nói nên nỗi lòng mình thì nhà văn lại dùng ngòi bút để tạo nên đứa con tinh thần của mình. Ngôn ngữ chính là chìa khóa vạn năng để thi nhân mở ra cánh cửa của muôn vàn cảm xúc. Nhà văn nhà thơ là người chất lọc và sử dụng ngôn ngữ để diễn tả nỗi lòng của mình. Cái đẹp ấy chính là ngôn ngữ.

Như câu thơ của Quang Dũng trong bài Tây Tiến dù cách đây đã lâu nhưng vẫn đủ sức làm lay động trái tim người đọc mọi thời đại

"Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"

Câu thơ với cách ngắt nhịp 4/3 cùng với sự lặp lại từ "dốc" ở đầu mỗi phần ngắt nhịp đã tạo nên một hình ảnh độc đáo. Sự bề dôi của câu thơ cũng đã phần nào diễn tả được độ dốc của địa hình. Và câu thơ có nhiều thanh trắc càng gợi được sự khó khăn trắc trở trên bước đường hành quân của người lính.

Nhịp thơ như chính hơi thở của người lính trên hành trình leo dốc đầy gian nan này. Trên bước đường hành quân, khó khăn gian khổ là điều không thể tránh khỏi nhưng quan trọng là cách ta đối diện với khó khăn. Những người lính Tây Tiến cũng thế. Họ chấp nhận khó khăn và đối diện nó một cách đầy hiên ngang nhưng không kém phần tinh nghịch.

Biện pháp đảo ngữ đưa từ láy "heo hút" lên đầu đã nhấn mạnh sự vắng vẻ của khung cảnh nơi đây đồng thời còn nhấn mạnh sự hoang sơ của khung cảnh nơi đây không một bóng người. Thường với không gian hoang vắng như thế, con người sẽ oán than cuộc đời hoặc cảm thấy mình bé nhỏ cô độc nhưng những người lính không thế. Họ nhìn xa hơn vào cái hoang vắng ấy để thấy "súng ngửi trời".

"Súng ngửi trời" là một hình ảnh nhân hóa đầy thú vị. Súng đeo trên vai luôn theo sát người lính ở mọi bước đường hành trình. Đi trên con dốc khiến người lính có cảm tưởng như chạm đến mây. Hình ảnh ấy gợi được độ cao của con dốc. Nhưng qua cái nhìn của người lính Tây Tiến khung cảnh hiện lên có cảm giác thật nhẹ nhàng, tinh nghịch như một bộ phim hoạt hình. Thế nhưng chính sự lạc quan tươi vui ấy lại là một phẩm chất cần có ở người lính. Bởi lẽ nó là chất xúc tác giúp người lính có thể vượt qua mọi khó khăn.

Câu thơ "Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống" là một nét phác họa gợi cho ta liên tưởng đến một bức tranh thủy mặc thời cổ của một thi sĩ nào đó. Chính nét phác họa ấy đã tạo nên một bức tranh nhiều chiều, dường như không chỉ là độ cao mà nó còn là độ sâu nữa. Dù hình ảnh người lính không xuất hiện trực tiếp nhưng trên phong nền hùng vĩ của thiên nhiên ấy, ta có thể tưởng tượng hình ảnh người lính xuất hiện hùng tráng biết bao như các chiến sĩ thời trung đại.

Có lẽ chính vì có lí tưởng, có mục đích chiến đấu cao cả nên người lính Tây Tiến không hề bé nhỏ cô đơn mà ngược lại. Kết thúc bức tranh núi rừng tây tiến hoang sơ nhưng hùng vĩ ấy là một hình ảnh thật nên thơ mộng với "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi". Câu thơ chỉ toàn thanh bằng khiến người đọc có một cảm giác thật nhẹ nhàng lãng mạn....

Trong những giây phút dừng chân hiếm hoi, người lính Tây Tiến phóng tầm mắt ra xa tìm kiếm một nơi ấm, một mái nhà ấm áp. Chỉ bấy nhiêu đó thôi cũng đủ làm đầy lên trong lòng họ ngọn lửa ấm áp. Đó chính là cái đẹp mà văn học mang lại nhưng cái đẹp đó không đơn thuần là ở bên ngoài mà còn tác động đến tầng sâu cảm xúc làm lắng đọng những suy tư. Chính vì vậy, cái đẹp của văn học mới có thể tồn tại.

Những lát cắt của cuộc sống, số phận của con người chứa rất nhiều điều hay cùng những vẻ đẹp thuần khiết mà nhất là một trái tim rung động cảm xúc thâm mĩ của nhà văn, nhà thơ thì những cái hay, cái đẹp ấy mới được đem hoa kết trái, bởi *“công việc của nhà văn là phát hiện cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức”* (Thạch Lam). Về phía độc giả, văn học đánh thức trong họ những khoái cảm thâm mĩ cảm xúc đa dạng như yêu, ghét, giận, hờn, ... cùng những nỗi khát khao say mê cái đẹp của cảm xúc, cái đẹp của tinh thần. Ở mỗi tác phẩm văn học, chúng đều toát lên một nét đẹp diệu kì khó có thể cưỡng lại, kể cả khi đã đặt cuốn sách xuống, trong lòng độc giả vẫn còn vương những cảm xúc bịn rịn, lưu luyến dâng trào. Còn về phía người nghệ sĩ sáng tạo văn chương, họ là những người dẫn lối đưa đường giúp độc giả đến được với xứ sở của cái đẹp, đó là niềm vui, đồng thời cũng là nhiệm vụ cao quý mà họ khao khát làm được cho độc giả thân yêu của mình.

Trong tác phẩm *Làng* của Kim Lân, nỗi đau giằng xé ở ông Hai là những sự dụng công xây dựng, thúc đẩy giá trị thâm mĩ của người nghệ sĩ. Giây phút ông Hai *“cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng vui tươi rạng rỡ hẳn lên”* và hạnh phúc chạy sang nhà bác Thứ để khoe với bác và tất cả mọi người rằng *“Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!”* quả thật là một điểm sáng văn chương mà Kim Lân dụng công xây dựng. Cái đẹp vô ngần được bày biện ra ở đây chính là vẻ đẹp của một tâm hồn chân chất, yêu thương tha thiết đối với ngôi làng của mình. Chi tiết này nói riêng, và cái đẹp của tác phẩm này nói chung được hiện lên ở chỗ nhà văn đã khéo léo xáo trộn cảm xúc của độc giả, để rồi vỡ òa theo niềm hạnh phúc của nhân vật khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây được cải chính. *“Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp”* (Pautopxki) và Kim Lân đã dẫn đường cho độc giả đến với xứ sở của cái đẹp như thế!

3.4. Chức năng giao tiếp

Văn học bên cạnh chức năng giáo dục, thẩm mĩ còn có chức năng giao tiếp. Chức năng giao tiếp của văn học không trực tiếp cụ thể mặt đối mặt như các kiểu giao tiếp thông thường trong cuộc sống mà nó là sự đối thoại đặc biệt giữa tác giả và người đọc. Tác giả sẽ truyền tải câu chuyện thông điệp vào trong từng trang viết.

Chức năng giao tiếp của văn học được hiểu là khả năng kết nối con người, giúp con người xích lại gần nhau hơn. Mỗi trang viết là một cuộc giao tiếp ngầm giữa độc giả và người nghệ sĩ thông qua tác phẩm. Như nhà nghiên cứu, phê bình Chu Văn Sơn có nói: *“Văn học không chỉ khơi dậy sự đồng cảm mà còn có khả năng cuốn hút ta vào những cuộc đối thoại: đối thoại giữa các nhân vật, đối thoại với các tác giả và đối thoại với chính bản thân mình”*.

Quả đúng như vậy! Trước hết, chúng ta có thể khẳng định tác phẩm văn chương là sợi dây liên kết giữa nhà văn và độc giả. Sợi dây liên kết ấy tạo ra những cuộc đối thoại, giao lưu lúc thì mềm mại, nhẹ nhàng nhưng khi thì lại gay gắt, cau có, ... giữa các nhân vật trong tác phẩm, giữa người nghệ sĩ với bạn đọc, giữa độc giả này với độc giả kia, và cũng có thể là chính bản thân người sáng tác hay người cảm nhận đang tự đối thoại với chính mình. Hiểu cho đơn giản hơn, người nghệ sĩ và độc giả đều có rất nhiều tâm sự, cảm xúc khác nhau và họ đều mong muốn qua tác phẩm văn học sẽ được giải bày nỗi lòng của mình. Mỗi quan hệ giữa hai đối tượng này chặt chẽ và gắn bó với nhau. Nhưng giờ đây, phạm vi giao tiếp, đối thoại đã được mở rộng hơn. Nhiều khi nhà văn viết ra là để tự mình đọc, tự thẩm thía, tự răn dạy mình và người đọc khi tiếp nhận tác phẩm thì tự giao tiếp với bản thân hoặc tranh luận với những độc giả khác. Nhưng tựu trung lại, mục đích của những cuộc đối thoại ấy đều hướng đến những giá trị cao đẹp, làm rõ tư tưởng chủ đề mà thời đại giao phó cho người sáng tác thông qua tác phẩm văn học.

Cuộc đời thi nhân dường như trải ra tâm trạng của người viết cũng được phơi bày một cách trung thực nhất không giấu giếm không lừa dối. Bởi lẽ thơ ca chỉ có thể tác động đến trái tim người đọc khi nó đi ra từ chính trái tim của người viết. Trái tim mới có thể đi đến trái tim. Nếu như những gì anh viết không phải là tình cảm nồng hậu chân thành thì làm sao có thể rung lên ở người đọc vô vàn xúc cảm. Như đọc những vần thơ của Xuân Diệu:

"Tôi khờ khạo lắm ngu ngơ quá

Chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì"

Hay những vần thơ của Hàn Mặc Tử:

"Làm sao giết được người trong mộng

Để trả nợ duyên kiếp phũ phàng"

Nếu đó không phải là những vần thơ xuất phát từ trái tim của thi nhân – một trái tim cô đơn khát khao tìm kiếm tình yêu thì làm sao những vần thơ ấy còn được lưu truyền đến ngày nay. Thời gian là dòng chảy khắc nghiệt nhất phũ phàng nhất có thể hủy hoại hết mọi thứ. Nhưng với tác phẩm văn học, thời gian lại chính là thước đo giá trị chính xác nhất.

Bởi tác phẩm sẽ còn tồn tại, nhà văn nhà thơ sẽ còn tồn tại đến khi nào người đọc thôi nhớ, thôi xúc động khi đọc tác phẩm. Muốn như thế thì trước hết tác phẩm phải là cái tình của nhà thơ. Đó là lí do vì sau đã hơn nghìn năm nhưng mỗi lần đọc lại những câu ca dao xưa ông bà để lại ta không khỏi xúc động trước một nỗi niềm

"Em trông giếng nước sâu

Em nổi sợi gàu dài

Ai ngờ giếng nước cạn

Em tiếc hoài sợi dây"

Nhưng sự đối thoại giữa người đọc và tác giả lại được diễn ra gián tiếp thông qua tác phẩm. Nếu như nhà văn là người mang đưa con tinh thần của mình đến với người đọc thì người đọc lại chính là người mang lại hơi thở, sự sống cho tác phẩm. Và lời hồi đáp của người đọc dành cho tác giả chính là những nỗi niềm trân quý, sự rung lên trong tâm hồn và sự thay đổi của người đọc. Tất cả đều góp phần kiến tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn.

Văn học là thế, không cần những mỹ từ ngợi ca mà nó được người đời tung hô bởi những giá trị tự thân, mà giá trị ấy do nhiều yếu tố hợp thành như nhà văn, tư tưởng của tác phẩm, người đọc,... Một tác phẩm hội tụ đầy đủ những giá trị chwusc năng này ắt hẳn sẽ không phải là một tác phẩm nông cạn, trôi tuột trong kí ức người đọc mà ngược lại sẽ neo đậu trong lòng người đọc bao thế hệ.

4. Thể loại tác phẩm văn học

Phần lớn các nhà nghiên cứu đều tán thành phân chia các tác phẩm văn học theo ba loại hình lớn: *trữ tình* (lấy cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng con người làm đối tượng thể hiện chủ yếu), *tự sự* (dùng lời kể, lời miêu tả để xây dựng cốt truyện, khắc hoạ tính cách nhân vật, dựng lên những bức tranh về đời sống) và *kịch* (thông qua lời thoại và hành động của các nhân vật mà tái hiện

những xung đột xã hội). Loại trữ tình có các thể: thơ ca, khúc ngâm,... Loại tự sự có các thể: truyện, kí,... Loại kịch có các thể: chính kịch, bi kịch, hài kịch,...

Ở cấp THPT, học sinh được tìm hiểu cả tác phẩm trữ tình, tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch. Tuy nhiên, chủ yếu vẫn là các tác phẩm trữ tình và tác phẩm tự sự. Vì vậy, trong phạm vi cuốn sách, nhóm biên soạn sẽ chỉ nói về hai loại hình văn học này.

4.1. Tác phẩm trữ tình

Khái niệm trữ tình được hiểu theo hai nghĩa:

- Thứ nhất, trữ tình là một trong ba phương thức miêu tả trong văn học
- Thứ hai, trữ tình là một loại văn học bên cạnh các loại tự sự, kịch.

Ở nghĩa thứ nhất khái niệm trữ tình để chỉ phương thức miêu tả của văn học, đó là phương thức thiên về diễn tả, bộc lộ cảm xúc. Nguyên nghĩa từ Hán Việt “trữ tình” cũng có ý nghĩa như vậy: “trữ” là thổ lộ; “tình” là tình cảm, cảm xúc. Phương thức này chủ yếu được dùng trong các tác phẩm trữ tình như thơ trữ tình, kí trữ tình,... Tuy nhiên, ở một số đoạn trong các tác phẩm tự sự hay kịch cũng có thể sử dụng theo phương thức này. Chẳng hạn đoạn miêu tả cảnh buổi sáng Chí Phèo tỉnh rượu; hay đoạn “Đêm trăng thề hẹn” trong bi kịch Romeo và Juliet đều là những đoạn rất trữ tình. Do vậy, đôi khi người ta dùng cách nói như “chất trữ tình”, “tính trữ tình” là để diễn tả đặc điểm này.

Ở nghĩa thứ hai, khái niệm trữ tình để chỉ một loại tác phẩm văn học mà ở những tác phẩm này chủ yếu dùng phương thức trữ tình để miêu tả, các tác phẩm loại này được gọi là tác phẩm trữ tình. Chẳng hạn như bài thơ Núi đôi của Vũ Cao, Lá diêu bông của Hoàng Cầm, tùy bút Sông Đà của Nguyễn Tuân đều được gọi là tác phẩm trữ tình.

Trong chương trình THPT, chúng ta tiếp cận nhiều với các tác phẩm trữ tình được hiểu theo cách thứ hai. Thêm nữa, thơ trữ tình chiếm bộ phận lớn nhất trong loại tác phẩm trữ tình. Thế nên, không chỉ riêng trong chương trình THPT, mà hầu hết các tác phẩm trữ tình được học trong nhà trường phổ thông, đều nằm trong nhóm thơ trữ tình. Vì vậy, trong phạm vi giới hạn, nhóm biên soạn cuốn sách này chỉ nhắc đến tác phẩm trữ tình trong phạm vi hẹp của nó, đó là thơ trữ tình.

Cho đến nay đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về thơ. Trong *Từ điển văn học*, Nguyễn Xuân Nam cho rằng: “Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ trong một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”. Các tác giả *Nhập môn văn học* lại quan niệm “Thơ là bộc bạch cảm xúc hoặc suy tư”. Xuân Diệu từng cho rằng “Thơ là lọc lấy tinh chất, là sự vật được phản ánh vào tâm tình”.

Thế nhưng, tựu trung lại, chúng ta cần hiểu rằng, thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

a. Tác phẩm văn học nào cũng biểu hiện tư tưởng, tình cảm nhưng tác phẩm trữ tình thể hiện tình cảm theo cách riêng. Ở tác phẩm tự sự, tác giả xây dựng bức tranh về cuộc sống, trong đó các nhân vật có đường đi và số phận của chúng. Bằng những đối thoại và độc thoại, tác giả kịch thể hiện tính cách và hành động con người qua những mâu thuẫn, xung đột. Ở tác phẩm trữ tình có

khác, thế giới chủ quan của con người, cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ được trình bày trực tiếp và làm thành nội dung chủ yếu.

Đặc điểm nổi bật nhất của tác phẩm trữ tình là bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp. Nếu ở tác phẩm tự sự tác giả chú ý hướng về miêu tả sự kiện, ở tác phẩm kịch hướng về hành động thì trữ tình hướng về bộc lộ cảm xúc, tình cảm. Đó có thể là những nỗi niềm riêng tư về hạnh phúc lứa đôi, về tình yêu tan vỡ, niềm vui gặp gỡ, nỗi buồn chia li. Đó cũng có thể là những cảm xúc, những suy tư về nhân tình thế thái, về số phận con người, thăng trầm của xã hội, những cảm xúc về Tổ quốc, đất nước, dân tộc v.v

Trữ tình là bộc lộ cảm xúc, nhưng đó là những cảm xúc được bộc lộ qua những sự việc, những biến cố nhất định. Do vậy trong tác phẩm trữ tình không phải không miêu tả các sự kiện. Tuy nhiên các sự kiện này thường chỉ được thuật lại, kể lại một cách chi tiết như trong tự sự. Trong tác phẩm trữ tình có thể có một câu chuyện tình, một lần gặp gỡ, một buổi chia li hay một sự kiện vui buồn nào đó, nhưng người đọc cảm nhận được cảm xúc từ câu chuyện, sự kiện đó nhiều hơn là bản thân câu chuyện đã xảy ra như thế nào.

Câu thơ của Nguyễn Bính trong bài *Chân quê*:

Hôm qua em đi tỉnh về

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

gợi cho người đọc nỗi lo âu pháp phông của chàng trai đang yêu là chính. Còn cái sự kiện “đi tỉnh” chỉ là duyên cớ của nỗi lo âu pháp phông kia mà thôi. *Núi đôi* của Vũ Cao là câu chuyện tình yêu có khởi đầu và kết thúc, nhưng tác giả không chú ý kể một cách đầy đủ, mà chủ yếu là nhắc đến để mà nhớ lại, mà bồi hồi, mà đau xót, mà nguyện sống xứng đáng với người đã mất. *Sông Lấp* của Tú Xương có nói đến dòng sông đã bỏ lầy, nhưng chủ yếu vẫn là nỗi niềm của tác giả về non sông đất nước.

Tóm lại, bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp là phương thức phản ánh của loại tác phẩm trữ tình. Căn cứ vào đặc điểm này, sẽ nhận diện ra các tác phẩm trữ tình nói chung trong quan hệ với các loại tác phẩm văn học khác.

b. Cũng có bài thơ có kể ít nhiều sự kiện có tính liên tục nào đó. Nhưng chức năng chủ yếu của hệ thống sự kiện là tái hiện các đối tượng để chủ thể bộc lộ quá trình cảm xúc, suy tưởng của mình. Chúng làm cho tình cảm được thổ lộ dễ dàng, gợi cảm, dễ hiểu. Nhưng như vậy hoàn toàn không có nghĩa là sự miêu tả các sự vật, chi tiết, hiện tượng đời sống khách quan không có tầm quan trọng. Ngược lại, chính những chi tiết chân thực, sống động được phát hiện từ cuộc đời mới có thể khơi dậy những tình cảm sâu sắc, mới mẻ.

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

Là vị lãnh tụ giàu tâm hồn thơ ca, Bác Hồ thường dùng ngòi bút ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và bày tỏ lòng yêu nước trước vận mệnh của đất nước. “*Cảnh khuya*” là một trong những bài thơ hay tiêu biểu của Bác, được viết năm 1947 ở Chiến khu Việt Bắc – căn cứ địa Cách mạng trong thời chống Pháp. Giữa đêm rừng Việt Bắc thanh vắng, tiếng suối ở đâu róc rách, rì rào... Lúc ấy, tiếng suối ngân vang trong trẻo như chiếm lĩnh cả không gian rừng khuya yên vắng. Tiếng suối trong đêm ấy là Bác liên tưởng mới lạ của Bác liên tưởng đến âm thanh gì? Đó chẳng phải là cung đàn đơn lẻ, mà đối với Bác, âm thanh trong ngân ấy như “tiếng hát xa”. Là lòng làm sao, nhưng chính liên tưởng mới lạ của Bác đã giúp ta hiểu được rằng dù Việt Bắc có gian lao đến đâu, những tiếng suối – tiếng hát của rừng núi của các chiến sĩ đồng bào luôn vang xa trong đêm vắng, trong trẻo lạc quan... Âm thanh trong thơ Bác không lẻ loi như tiếng đàn cầm trong thơ Nguyễn Trãi mà vang lên như có sức sống, đầy vui tươi. Trong tiếng vang róc rách, thiên nhiên như phô bày hết vẻ đẹp trong sáng của mình: “Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa” - vẻ đẹp đậm ấm, quần quýt của thiên nhiên.

Cảnh khuya đẹp thật đấy, và con mắt bác đã thu hết cảnh vật ấy vào tâm hồn của mình, nhưng trong lòng bác còn có một nỗi niềm thao thức lớn – đó là “nỗi nước nhà”, là vận mệnh của cả dân tộc, là cuộc chiến đấu còn vô vàn thử thách gian lao. Dấu ngã trong từ “nỗi” có một cái gì đó như day dứt, trần trụi kéo dài, và tuy không xoáy vào tâm trí ta như dấu hỏi nhưng nó cũng thể hiện tâm trạng băn khoăn, day dứt däu dặt, trong hình ảnh quần quýt đậm ấm của đêm rừng Việt Bắc, nỗi thao thức của người như lớn dần lên, ngày càng day dứt không nguôi.

Như thế, sự miêu tả các sự vật, chi tiết, hiện tượng đời sống khách quan có một vai trò vô cùng cần thiết trong thơ trữ tình. Nó không chỉ mang đến cho người đọc sự nhận thức về cuộc sống qua những chi tiết chân thực, sống động được phát hiện và miêu tả qua cái nhìn của người nghệ sĩ; mà đồng thời còn nhấn mạnh được cảm xúc – yếu tố quan trọng nhất mà thơ trữ tình muốn thể hiện, in dấu trong lòng độc giả.

c. Tác giả trữ tình bộc lộ những nỗi niềm chủ quan, thâm kín nhưng những rung động chủ quan, thâm kín ấy không chỉ là rung động của một người mà còn có *giá trị nhân sinh phổ quát*. Tiếng lòng của một cá nhân phải hoà quyện với những tình cảm lớn của cả cộng đồng, thời đại thì tác phẩm trữ tình mới có giá trị.

Có thể tiếp tục xét đến bài thơ Cảnh khuya để làm rõ nội dung này. Những gì thuộc về tô quốc đã trở thành nỗi lo, thành tình thương của Bác. Bác bày tỏ lòng mình trong “Cảnh khuya”, như muốn nói: cảnh vật thiên nhiên của chúng ta diệu kì như vậy đây, và chính vì vẻ đẹp của núi rừng càng làm cho niềm thao thức của người lớn hơn, canh cánh bên lòng – làm sao để gìn giữ vẻ đẹp ấy, làm sao để giang sơn mãi bình yên như bức tranh Việt Bắc trong đêm? Nỗi lo không làm cho những vần thơ tả cảnh mất đi nét đẹp lung linh trong sáng – điều đó thể hiện con người bác, tâm hồn thơ và tâm hồn lãnh tụ luôn hòa hợp.

Như thế, người đọc yêu mến và trân trọng những vần thơ này, không chỉ vì vẻ đẹp lung linh, trong sáng của cảnh vật nơi thiên nhiên núi rừng Việt Bắc; mà còn đặc biệt dành sự yêu thương, kính trọng với tâm hồn của Hồ Chí Minh. Tiếng lòng yêu thiên nhiên của người hòa quyện trong một tình cảm lớn lao hơn thế - tình yêu nước. Để rồi, những vần thơ mang đậm hơi thở của thời đại đó đã khẳng định được giá trị trong lòng bạn đọc suốt bao thập kỉ qua.

d. Nội dung tác phẩm trữ tình được thể hiện gắn liền với hình tượng *nhân vật trữ tình*. Đó là hình tượng người trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng trong tác phẩm. Nhân vật trữ tình (cũng có thể gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp bày tỏ, thổ lộ cảm xúc, suy

nghĩ hay những sự rung động trong tác phẩm. Nhân vật trữ tình không có diện mạo, lời nói, hành động, quan hệ cụ thể như nhân vật tự sự và kịch, nhưng nhân vật trữ tình được cụ thể trong giọng điệu, cảm xúc, trong cách cảm, cách nghĩ, cần phân biệt *nhân vật trữ tình* và *nhân vật trong tác phẩm trữ tình* (là đối tượng để nhà thơ gửi gắm tình cảm).

Nhân vật trong tác phẩm trữ tình là đối tượng để nhà thơ gửi gắm tình cảm, là nguyên nhân trực tiếp khơi dậy tình cảm của tác giả.

Ví dụ:

Trong bài thơ *Chân quê* của Nguyễn Bính, nhân vật trữ tình xuất hiện song song với một nhân vật khác:

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng

Áo cài khuy bấm em làm khổ tôi

- Nhân vật trữ tình: tôi
- Nhân vật trong thơ trữ tình: em

Như vậy, có 2 chủ thể trong bài thơ, “tôi” mới là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, là nhân vật trữ tình. Nhân vật “em” là nhân vật có tính dung chứa những cảm xúc ấy, hiểu một cách đơn giản, nhân vật “em” chính là nơi mà cảm xúc của nhân vật anh hướng đến.

Tương tự, trong bài thơ *Lượm*, chú bé Lượm là nhân vật trong thơ trữ tình, còn tác giả Tố Hữu chính là hiện thân của nhân vật trữ tình.

Nhân vật trữ tình trong thơ thường là hình tượng khái quát, đại diện cho một lớp người, một kiểu người, một thế hệ người. Vì thế trong thơ, ngoài việc xưng *tôi*, các tác giả còn xưng *ta*, *chúng ta*, *lũ chúng tôi*,...

c. Ngôn ngữ trong tác phẩm trữ tình chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình, là ngôn ngữ của hình ảnh, nhạc điệu. So với văn xuôi, ngôn ngữ thơ trữ tình có rất nhiều đặc điểm khác biệt.

Trong dòng chảy của văn học, mỗi loại hình nghệ thuật lại có những đặc trưng khu biệt với những loại hình nghệ thuật khác, đó chính là những yếu tố cơ bản cốt lõi để phân định các loại thể trong văn chương. Thơ là một loại hình đặc biệt, được xếp trong sự phân khu của các phương thức trữ tình và là một trong những thể loại xuất hiện sớm nhất. Một cách khoa học mà nói, đặc điểm giúp phân biệt thơ và các thể loại văn chương khác một cách rõ ràng nhất đó là ngôn ngữ thơ. Nói một cách cụ thể thì với bản chất và thiên chức riêng, thơ là sự thể hiện của tính hàm súc, giàu tính nhạc và giàu tính họa:

- Tính hàm súc

Tính chất này xuất phát từ một lẽ “bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ tinh tế của ngôn ngữ” nên ngôn ngữ thơ biểu hiện cao độ tính hàm súc. Tính hàm súc là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ.

So với nhiều thể loại khác thơ thường có dung lượng khiêm tốn hơn. Để phản ánh thế giới hiện thực muôn màu, thế giới tình cảm phức tạp của con người ngôn ngữ thơ phải thực sự hàm

súc, là kết quả của sự chất lọc công phu của người nghệ sĩ, Maiacopxki từng nhận định: “Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ”

Một cách rõ ràng, tính hàm súc của ngôn ngữ thơ là lời ít ý nhiều, lời hết mà ý chưa cạn, nói như Lưu Trọng Lư, “một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi”. Tính hàm súc được người nghệ sĩ tạo ra theo nhiều cách riêng. Đó có thể là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã “giết chết” các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh – “Ghế trên ngời tốt sỗ sàng”, cái gian manh của Sở Khanh – “Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào”, cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến – “Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình”.

Nói cách khác, hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sĩ dựa trên cơ sở vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như ẩn dụ, so sánh... tạo nên nhiều lớp nghĩa cho câu thơ. Trong thơ Trung đại, tính hàm súc thường đến từ thủ pháp chấm phá, gợi tả. Nguyễn Du phác nên một bức tranh mùa xuân tươi sáng và đầy sức sống không cần nhiều hơn hai chi tiết:

“Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”.

Theo lẽ đó, thơ không có chỗ đứng cho hư từ mà chỉ có thực từ, trong thơ, ý phải tỏa vào lời, lời phải đỡ với ý, ý phải sâu nhưng lời cũng phải chặt. Một điều đáng nói là, tính hàm súc thường chỉ xuất hiện trong mực thước văn học truyền thống bởi tính chặt chẽ và quy phạm của từ ngữ, đến giai đoạn văn học đương đại, đặc điểm này bị đe dọa bởi sự dài dòng và nông cạn của một số tác giả. Nó đặt ra yêu cầu về sự cân bằng giữa truyền thống và hiện đại giữa hai thuộc tính này.

- Tính nhạc

Từ xa xưa, cô nhân đã cho rằng: “thi chung hữu họa, thi chung hữu nhạc”, thơ là tiếng nói trữ tình của người làm thơ, nó mang trong mình cái nhạc tính từ khi sinh ra. Bởi thế mà “Ly khía với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc tro trên thiếu duyên” (Tam Ích). Hơn bất cứ ngôn ngữ ở thể loại nào khác, ngôn ngữ thơ với tính cách là một thứ ngôn ngữ giàu nhịp điệu, phong phú về cách hòa âm, tiết tấu, giàu từ láy âm, tượng hình, chính là thứ ngôn ngữ giàu tính nhạc.

Nhạc tính trong thơ được tạo nên từ nhiều yếu tố như nhịp điệu, cách gieo vần, phối thanh... Đặc điểm này của ngôn ngữ thơ xuất phát từ tính chất giàu nguyên âm, phụ âm, thanh điệu của tiếng Việt. Về nhịp điệu của thơ, nó tạo nên tính nhạc nhờ sự lặp đi lặp lại cùng một chu kỳ về bằng – trắc, về vần (nguyên âm và phụ âm). Nói về vai trò của nhịp điệu trong thơ, Maiacovski từng khẳng định: “Nhịp điệu là sức mạnh cơ bản, năng lượng cơ bản của câu thơ”.

Theo GS. Hà Minh Đức: “Nhịp điệu là kết quả của một sự chuyển động nhịp nhàng, sự lặp lại đều đặn của âm thanh nào đó trong thơ”. Nhịp điệu phụ thuộc nhiều vào trạng thái cảm xúc, nhanh hay chậm. Vì vậy nhiều bài thơ không có phép tu từ nào nhưng nhờ nhạc mà văn thơ trở nên xuất sắc:

"Hôm qua đi chùa Hương

Hoa cỏ mờ hơi sương

Cùng thầy me thức dậy

Em vẫn đầu soi gương"

(Đi chùa Hương – Nguyễn Nhược Pháp)

Bên cạnh nhịp, vần là một yếu tố quan trọng tạo nên tính nhạc trong thơ, là yếu tố truyền thống và mặc định cho thể loại. Vần là sự lặp lại những âm thanh tương tự để tạo chỗ dựa cho nhạc tính. Có nhiều cách phân loại, song chủ yếu vẫn là theo vị trí, bao gồm vần chân và vần lưng. Vần chân phổ biến nhất là trong thơ Đường luật, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, gieo vần tại cuối mỗi câu 1,2,4:

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà."

(Cảnh khuya – Hồ Chí Minh)

Ngoài ra, ở thơ Mới và thơ đương đại, quy luật hiệp vần thường không còn bị bó buộc theo quy tắc trên mà theo trật tự riêng, không gieo vần mà ngỡ như có vần ("Màu thời gian" – Đoàn Phú Tứ, "Lí ngựa ô" – Phạm Ngọc Cảnh,...) Song song với cách hiệp vần, việc kiến tạo âm điệu cũng là cách để tác phẩm trữ tình trở nên giàu nhạc tính hơn. Nó trở thành cầu nối giữa thơ và người đọc, bắc nhịp đưa người đọc vào thế giới màu nhiệm của thơ ca:

"Ô hay buồn vương cây ngó đồng

Vàng rơi, vàng rơi thu mệnh mông"

Âm điệu trong ngôn-ngữ thơ được tạo nên nhờ thanh âm bằng – trắc, là sự sắp xếp có chủ ý của tác giả. Không chỉ là gieo vần và âm điệu, cách ngắt nhịp cũng góp phần tạo nhạc tính đáng kể cho mỗi câu thơ.

"Thuở còn thơ/ ngày hai buổi/ đến trường

Yêu quê hương /qua từng trang sách nhỏ

"Ai bảo/ chăn trâu/ là khổ"

Tôi mơ màng/ nghe chim hót/ trên cao"

(Quê hương - Giang Nam)

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhất trí xem nhạc tính là đặc trưng cơ bản của tác phẩm trữ tình. Như vậy, giải mã một bài thơ, chúng ta không chỉ giải mã từ ngữ mà còn phải quan tâm đến nhạc tính. Có như thế mới hiểu trọn vẹn ý nghĩa bài thơ.

Có thể chúng ta đã từng đưa ra câu hỏi, tại sao các nhạc sĩ lại phổ nhạc cho các bài thơ, chứ không bao giờ phổ nhạc cho truyện hay kịch, cho dù rất nhiều tác phẩm tự sự hay kịch cũng

có dung lượng ngắn, phù hợp với số lượng ca từ của một bài hát. Thế nhưng, khi học về ngôn ngữ thơ, với những đặc điểm cụ thể về nhịp điệu, vần điệu hay tính nhạc, chúng ta mới thực sự có được câu trả lời. Rõ ràng, tính nhạc là một trong những đặc trưng, cũng là một khía cạnh rất lớn giúp chúng ta cảm nhận được rõ nét hơn giá trị, vẻ đẹp của những tác phẩm trữ tình.

- Giàu tính họa

Leonardo De Vinci cho rằng: “Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm”. Còn Sóng Hồng nhận định: “Thơ là thơ nhưng đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng”. Một trong những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ ca là tính họa hay còn gọi là tính hình tượng.

Đó là khả năng của ngôn ngữ văn học có thể tái hiện lại những hiện tượng của cuộc sống một cách cụ thể, sinh động bằng những từ ngữ gợi cảm, gợi hình, gợi thanh. Nói cách khác, ngôn ngữ có tính hình tượng là ngôn ngữ rất giàu hình ảnh, đường nét, màu sắc, âm thanh... có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ, tác động sâu xa vào trí tưởng tượng và cảm nghĩ của người đọc.

Hình ảnh là đơn vị nhỏ nhất diễn tả cảm xúc của nhà thơ. Nhà thơ nói bằng hình ảnh chứ không nói bằng khái niệm. Thơ bao giờ cũng tồn tại với một hệ thống hình ảnh luôn luôn được làm mới. Tính họa của ngôn ngữ thơ nằm trong chuỗi những sáng tạo hình ảnh mang vẻ đẹp trực quan, sinh động.

Hình ảnh trong thơ được tạo nên bởi nhiều phương thức khác nhau: Ẩn dụ (“Tôi chỉ là cây kim bé nhỏ/ Mà vạn vật là muôn đá nam châm” – Xuân Diệu), nhân cách hóa (“Đàn cò áo trắng, nghiêng nắng qua sông” – Xuân Diệu); Góc độ các kiểu tư duy – hình ảnh bằng thị giác (“Nơi lá chuối che nghiêng như một cánh buồm” – Lưu Quang Vũ), hình ảnh của thính giác (“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn/ Trơ cái hồng nhan với nước non” – Tự tình, Hồ Xuân Hương), hình ảnh hiển thị bằng cảm giác hoặc siêu cảm giác (“Người đi một nửa hồn tôi mất/ Một nửa hồn tôi hóa đại khờ” – Hàn Mặc Tử).

Có những hình ảnh đẹp đẽ, hài hòa, thơ mộng, mềm mại, nhưng cũng có những hình ảnh khắc khổ, góm ghềnh..., mỗi một hình ảnh đều nhằm tái tạo lại thị giác, cảm quan của thi nhân. Ngôn ngữ mang tính hình tượng phải hợp lý, tránh khiên cưỡng, gò ép, áp đặt. Nó là kết quả của khả năng quan sát tinh tế, nhạy bén, vốn sống phong phú và trình độ sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của người nghệ sĩ.

Không những quan sát và diễn tả, nhà thơ phải nâng sự quan sát của họ lên đến một mức độ nhạy bén, hoa mỹ- đây chính là sự khác biệt giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ truyện cũng như ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật khác. Bằng chất liệu ngôn từ, nhà văn không những tái tạo được những cái hữu hình mà còn tái hiện sinh động và gợi lên một cách trực quan những cái vô hình, những cái mong manh mơ hồ nhất mà các loại hình nghệ thuật khác không làm được.

Nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã từng tái hiện sinh động màu sắc và hương vị của thời gian qua tâm trạng hoài niệm:

“Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh”

(Màu thời gian)

Thơ là tiếng nói của tình cảm và chiều sâu của thế giới nội tâm, “là một loại thể có bản chất đa dạng với nhiều biến thái và màu sắc phong phú” (GS. Hà Minh Đức). Do đó, thơ luôn mang những đặc điểm riêng về ngôn ngữ, giúp khu biệt nó với các loại hình khác một cách rõ ràng.

Nói một cách hệ thống, ngôn ngữ thơ mang những đặc điểm về tính hàm súc, tính nhạc, tính họa là đều là sự bắt nguồn từ những đặc điểm riêng của tiếng Việt và thể loại trữ tình. Với những tính chất riêng biệt đó, thơ luôn đem đến những tầng nghĩa sâu sắc ẩn sau lớp bề mặt ngôn từ đầy tinh thâm mỹ, đặt ra những vấn đề nghiêm túc và có chiều sâu trong quá trình sáng tác cũng như tiếp nhận thế giới thơ trong văn học.

Như thế, để xây dựng nên được hệ thống ngôn ngữ thơ vừa mang được cá tính sáng tạo, lại vừa thể hiện chi tiết cảm xúc, tác giả trữ tình luôn có ý thức lựa chọn những từ ngữ, phương thức tu từ để làm nổi bật nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán của chủ thể với đối tượng được đề cập. Ngôn ngữ thơ vì thế có sức mê hoặc. Tình cảm của người viết sẽ tác động mãnh liệt đến tình cảm của người đọc. Như nhịp đập của trái tim khi xúc động, ngôn ngữ thơ có nhịp điệu riêng của nó. Thơ là một cấu trúc đầy âm vang. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy.

4.2. Tác phẩm tự sự

Trong nhà trường phổ thông, chúng ta thường sử dụng định nghĩa về tác phẩm tự sự theo một phạm vi hẹp của nó, chính là truyện. Truyện là thể loại văn học sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu là tự sự (tái hiện sự việc, diễn biến các sự việc theo một trình tự hợp lý). Các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận được sử dụng chỉ là phương tiện kết hợp nhằm làm cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, lời cuốn hơn.

a. Đặc điểm nổi bật và xuyên suốt của các tác phẩm văn học thuộc thể loại tự sự là sự *trình bày câu chuyện bởi một ngôi kể nào đó*. Câu chuyện được kể thường có một cốt truyện là một chuỗi liên kết các sự kiện diễn biến qua các giai đoạn từ *mở đầu, thắt nút, phát triển đến cao trào và kết thúc*. Câu chuyện được kể cũng bao gồm các nhân vật, các tình tiết, tình huống, các sự kiện, biến cố, không gian và thời gian làm bối cảnh cho sự việc diễn ra.

b. Tác phẩm tự sự không thể thiếu các nhân vật. Đó là *hình tượng con người* (có khi là loài vật hay đồ vật mang đặc điểm của con người) được miêu tả trong tác phẩm. Nếu sự vật, loài vật được miêu tả trong tác phẩm, chắc chắn nó phải ít nhiều mang bóng dáng, tính cách của con người thông qua những phương thức biểu hiện nghệ thuật như con người. Tác phẩm văn chương không thể thiếu nhân vật bởi đó là một trong những phương tiện cơ bản, quan trọng để nhà văn khái quát hiện thực một cách rõ ràng hơn.

Để có thể khái quát, diễn tả một đối tượng nào đó, nêu cao giá trị tư tưởng nào đó của chính nhà văn về một vấn đề hiện thực nào đó, nhà văn sẽ có sự sáng tạo nhân vật tính tế khác nhau. Con

người của hiện thực không được biểu hiện giống hoàn toàn vào tác phẩm, mà tác giả sẽ gia công, thêm thắt, sáng tạo, đổi mới từ người nghệ sĩ qua các đặc điểm về tiểu sử, ngoại hình, tính cách, các mối quan hệ với nhân vật khác, ...

Nhân vật trong tác phẩm văn học cũng rất đa dạng như nhân vật chính, nhân vật phụ, ... Đặc biệt, các nhân vật chính được xem như là phương tiện để nhà văn tiến hành khái quát hiện thực, bởi nhân vật là nơi quy tụ vẻ đẹp cùng sự phức tạp của thế giới nhân sinh mà tác giả muốn phản ánh, đồng thời cũng là nơi thể hiện tập trung quan niệm nghệ thuật của nhà văn về cuộc đời và con người.

Thực tiễn sáng tác cho thấy, có thể căn cứ vào chủng loại nhân vật - tập hợp nhân vật thể hiện tư tưởng và phong cách tác giả để hỗ trợ cho quá trình phân tích:

- Nguyễn Tuân: Tập hợp các nhân vật bao gồm: Huân Cao (Chữ người tử tù) cụ Hồ Viễn và cậu Chiêu (Ngôi mã cũ), ông Cừ Hai (Thả thơ)... là những nghệ sĩ hoặc tuy không hành nghề nghệ thuật nhưng rất tài hoa trong nghề nghiệp của mình. Đây là loại nhân vật kết tinh tâm huyết và phong cách Nguyễn Tuân.

- Nam Cao: Xuất hiện hệ thống các nhân vật xấu xí, dị dạng như Chí Phèo, Thị Nở (Chí Phèo), Mụ Lợi (Lang Rận), Trương Rự, Đức (Nửa đêm), Trạch Văn Đoàn (Đôi móng giò)... là dụng ý của tác giả. Với loại nhân vật này, Nam Cao muốn nhấn mạnh tính chất khốc liệt và tàn bạo của xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám (làm méo mó, dị dạng cả tâm hồn lẫn thể xác của người lao động lương thiện) đồng thời bộc lộ quan điểm rất hiện đại về con người: không có con người hoàn toàn thánh thiện, không có con người hoàn toàn xấu xa, con người hiện diện với tất cả sự phức tạp của các mặt đối lập.

- Thạch Lam: Tập hợp những nhân vật như: Liên, An (Hai đứa trẻ), Thanh (Dưới bóng hoàng lan), Tâm (Cô hàng xén)... là kiểu con người nội tâm, với những trạng thái cảm giác, cảm xúc mơ hồ, mong manh, tinh tế, những rung động khẽ khàng như cánh bướm non...

Tuy nhiên, các nhân vật đều có cùng một loại, chủng loại nhưng rất đa dạng, không nhân vật nào giống nhân vật nào. Bởi vì, bản chất lao động nghệ thuật là sáng tạo để mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung. Vì vậy, để chiếm lĩnh các giá trị của hình tượng nghệ thuật còn phải phân tích hình tượng với tư cách là sản phẩm tinh thần của một cá tính sáng tạo độc đáo. Phân tích nhân vật tự sự là tìm hiểu các phương diện mô tả nhân vật, gắn với sự tìm tòi, sáng tạo của người nghệ sĩ, để làm nổi bật tính cách, số phận, bản chất xã hội của nhân vật.

So với tác phẩm trữ tình, nhân vật trong tác phẩm tự sự thường được miêu tả chi tiết và đầy đặn hơn. Việc miêu tả nhân vật trong tác phẩm tự sự có thể bao gồm nhiều phương diện: lai lịch, ngoại hình, cử chỉ, điệu bộ, lời nói, hành động, suy nghĩ nội tâm... Nhờ vào sự miêu tả phong phú, các nhân vật trong tác phẩm hiện lên một cách sinh động như chính con người trong cuộc đời thực. Tuy nhiên, mục đích cuối cùng của việc miêu tả chính là sự bộc lộ tính cách và số phận của nhân vật.

c. Tình huống truyện (đặc biệt trong truyện ngắn) là một trong số những yếu tố quan trọng góp phần biểu hiện tính cách, số phận của nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện. Tình huống truyện có thể được hiểu như một hoàn cảnh đặc biệt hay một tình thế bất thường mà trong đó suy nghĩ và hành động của nhân vật bộc lộ rõ nhất bản chất của mình; đồng thời cũng tạo nên sự thay đổi trong

nhận thức hay bước ngoặt trong số phận của nhân vật. Các tình huống truyện được xây dựng trong tác phẩm tự sự rất đa dạng, nhưng thường chứa đựng ít nhiều những nghịch lí.

Chúng ta phân tích tình huống truyện trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu để hiểu rõ hơn về các khái niệm này:

Nguyễn Minh Châu là một cây bút lớn của nền văn học Việt nam hiện đại. Ông có nhiều đóng góp cho văn chương của dân tộc trong thời kì kháng chiến chống mỹ cứu nước. Đặc biệt tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của tác giả sau năm 1975. Nhà văn đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo.

Đối với truyện ngắn, tình huống truyện là yếu tố then chốt và có vai trò quan trọng. Tình huống truyện cũng là cơ sở để tác giả xây dựng câu chuyện độc đáo, thu hút sự chú ý của người đọc.

Trong truyện ngắn, “Chiếc thuyền ngoài xa” bao trùm tác phẩm là cách Nguyễn Minh Châu xây dựng tình huống nhận thức mang ý nghĩa khám phá và phát hiện đời sống. Truyện xoay quanh đến chuyến đi thực tế của nhân vật Phùng ở vùng biển miền Trung. Trong chuyến đi này, nhân vật Phùng có những chuyển biến nhận thức rất sâu sắc.

Tình huống truyện diễn ra với hai phát hiện đầy trái ngược của nhiếp ảnh Phùng. Phát hiện thứ nhất là vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trong sương sớm. Sau mấy ngày chờ đợi, Phùng bắt gặp khám phá vẻ đẹp của con thuyền được bao bọc “trong bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào”. Đối với Phùng đang đi tìm kiếm cái đẹp thì đây là một cảnh đất trời cho. Khung cảnh ấy hiện lên như một bức tranh toàn bích. Và đối với một người nghệ sĩ như Phùng, đứng trước cảnh đẹp đó, Phùng vô cùng xúc động và hạnh phúc. Anh đã liên tục bấm máy ghi lại khoảnh khắc đất giá mà hiếm khi có được lần hai như này.

Tuy nhiên, đây mới là phát hiện thứ nhất của nhân vật Phùng. Khi con thuyền vào gần bờ cũng chính là lúc Phùng phát hiện ra nghịch cảnh trái ngược hoàn toàn với lần phát hiện thứ nhất. Bước xuống từ con thuyền kia là hình ảnh con người nhưng xấu xí và thô kệch. Từ ngoại hình cho đến tính cách đều toát lên là những con người lam lũ nghèo khổ. Và tiếp nữa, Phùng phát hiện ra cảnh bạo hành ngay trước mặt mình. Hình ảnh người đàn ông vùng biển đánh đập dã man người vợ của mình. Kèm theo đó là những lời chửi rủa vô cùng thậm tệ. Đáng ngạc nhiên hơn là hình ảnh trẻ thơ như thằng Phác cũng lao vào đánh bổ để bảo vệ mẹ. Những cảnh này xưa nay vốn trái lại với luân thường đạo lý. Nhưng hôm nay đây, Phùng được chứng kiến tận mắt những hình ảnh chân thực nhất. Sau những phát hiện đầy bất ngờ như vậy, dường như trong nhận thức của nhân vật Phùng đã có sự thay đổi.

Tình huống truyện tiếp theo là cuộc đối thoại giữa Phùng, Đẩu và người đàn bà làng chài ở tòa án huyện. Nhân vật Phùng tiếp tục được thay đổi nhận thức và Đẩu cũng là nhân vật rút ra được nhiều bài học cuộc sống. Trái với lời khuyên của Đẩu dành cho người đàn bà làng chài là hãy bỏ chồng vì không thể nào sống được với gã đàn ông vũ phu đầy dọa người phụ nữ như vậy. Nhưng không, tương chừng là những lời khuyên chân thành ấy người phụ nữ sẽ nghe theo nhưng người phụ nữ ấy lại xin tòa không ly hôn với người đàn ông đó. Tương chừng như đầy trái ngược vì không ai muốn sống cùng với người đàn ông vũ phu. Ngay cả Đẩu và Phùng cũng đều hết sức ngạc nhiên. Nhưng sau tất cả những điều phi lí ấy lại trở thành những lí lẽ vô cùng thuyết phục trong hoàn cảnh của người phụ nữ làng chài. Cả Phùng và Đẩu đều được nghe những câu chuyện gan ruột từ đáy lòng của người phụ nữ làng chài trong cuộc sống mưu sinh trên biển phải cần đến

bàn tay của người đàn ông. Cuộc trò chuyện này cũng giúp Đầu và Phùng nhận ra được nhiều chân lý của cuộc sống và giúp hai nhân vật nhận thấy được còn rất nhiều góc khuất đằng sau cuộc sống.

Thông qua tình huống truyện của “Chiếc thuyền ngoài xa”, Nguyễn Minh Châu thể hiện rất nhiều thông điệp có ý nghĩa sâu sắc. Không thể đơn giản, sơ lược khi nhìn nhận đánh giá một hiện tượng mà cần có cái nhìn đa diện, nhiều chiều. Thông qua đó, nhà văn cũng nêu lên thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời. Người nghệ sĩ không thể đứng từ xa để nhìn ngắm cuộc sống mà phải kéo gần khoảng cách giữa nghệ thuật và cuộc đời. Tình huống truyện cũng góp phần tô đậm giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Đối với nhà văn tài năng thì có khi người đọc chỉ cần đọc cái tên truyện là đã nhận chân ra được phong cách của ông ta. Các tiêu đề truyện Bức tranh, Một lần đối chứng, Mảnh trăng cuối rừng, Chiếc thuyền ngoài xa... đã góp phần làm rõ hơn nội dung tác phẩm, rõ cái dấu ấn của nhà văn Nguyễn Minh Châu. Ở đây “chiếc thuyền” nghệ thuật đang trôi trên “ngoài xa” cuộc đời đã nói lên rất hay mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ thuật nằm trong cuộc sống này, biểu hiện cuộc sống. Người nghệ sĩ chèo lái con thuyền nghệ thuật ấy vừa phải hiểu sâu sắc con thuyền nghệ thuật vừa phải nắm bắt rõ những luồng lạch, độ nông sâu của biển cả cuộc đời. Có vậy mới đưa nghệ thuật tới chân trời lý tưởng của hạnh phúc và cái đẹp của con người.

e. Tác phẩm tự sự cũng không thể thiếu *hình tượng người kể chuyện*. Đó là nhân vật được tác giả tạo ra, đóng vai trò trung gian giữa tác giả và người đọc, có vai trò dẫn dắt, gợi ý và định hướng cho người đọc trong việc hiểu câu chuyện. Câu chuyện có thể được kể bởi người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi” hay “chúng tôi” trong văn bản. Người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là một nhân vật tham dự vào câu chuyện hoặc đứng ngoài câu chuyện, và anh ta kể lại những gì anh ta nhìn thấy, theo quan điểm của riêng mình. Người đọc chỉ có thể biết những gì anh ta biết và không thể nắm bắt được ý nghĩ của các nhân vật khác. Người kể chuyện ngôi thứ ba thường được hiểu như là một nhân vật kể chuyện hàm ẩn, không trực tiếp xưng “tôi” hay “chúng tôi”. Người kể chuyện ngôi thứ ba có thể thấu suốt toàn bộ câu chuyện hoặc một phần câu chuyện. Việc câu chuyện được kể từ ngôi thứ ba giúp người đọc có thể bao quát được nhiều phía của sự kiện và nắm bắt được tâm lý của các nhân vật khác. Có lẽ chính vì lý do này mà người kể chuyện theo ngôi thứ ba còn được gọi là người kể chuyện “biết tuốt”, “toàn tri” (biết hết tất cả, toàn bộ mọi chuyện).

Gắn với ngôi kể là *điểm nhìn trần thuật*. Truyện có thể được kể từ điểm nhìn bên trong hay bên ngoài nhân vật, từ một hay nhiều điểm nhìn, hoặc có sự di động linh hoạt các điểm nhìn. Việc lựa chọn người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật có tác động đến nhiều yếu tố khác của tự sự, mang lại những hiệu quả nghệ thuật khác nhau đối với quá trình tiếp nhận của người đọc.

Ví dụ: Trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu:

Từ câu chuyện về một bức tranh nghệ thuật và sự thật cuộc đời đằng sau bức ảnh, truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” mang đến một bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người: một cách nhìn đa diện, nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật sau vẻ đẹp bên ngoài của hiện tượng.

Cái nhìn này được thể hiện chủ yếu qua nhân vật Phùng- kiểu nhân vật tư tưởng, có sự thay đổi trong tư tưởng, quan niệm nghệ thuật vừa là nhân vật chính trong truyện đồng thời lại là người kể chuyện, tạo nên tính đa dạng về điểm nhìn; được khắc họa với đời sống nội tâm sâu sắc. Nhân vật được đặt trong hai hoàn cảnh đặc biệt: liên tiếp đối mặt với hai cảnh đời trái ngược, qua đó, làm nổi lên các bình diện nhân cách của kiểu nhân vật nghệ sĩ. Mọi diễn biến của tác phẩm đều

được soi chiếu quay lời kể và suy nghĩ của anh. Qua tác phẩm, Phùng đã có những phát hiện quan trọng về cuộc sống và nghệ thuật.

- Một phương diện rất thành công của truyện ngắn là cách chọn điểm nhìn trần thuật. Nhà văn trao điểm nhìn trần thuật cho Phùng, nhân vật – người kể chuyện là cách chọn tối ưu. Phùng kể lại kể chuyện mình trực tiếp chứng kiến, trực tiếp tham gia vào biến cố câu chuyện (nói chuyện với Phác – đứa con; đánh lại gã chồng để tránh đòn cho người đàn bà; nghe lời trần tình, giải bày của người vợ) nên câu chuyện kể ra rất thật, vì đó là chuyện của người kể, kể lại chuyện của mình. Người kể chuyện đóng vai nhân vật nhảy vào các biến cố, tham gia trực tiếp vào các diễn biến của cốt truyện, rồi kể lại cho bạn đọc nghe; điều đó đã tạo ra xu hướng trần thuật tiệm tiến gần hơn với sự thật ngoài đời.

Thứ nữa, Phùng là người trải nghiệm, giàu vốn sống (từng có mười năm cầm súng đánh giặc, nay làm nghề chụp ảnh được đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người) nên lời văn trần thuật chứa nhiều yếu tố triết lý, ví như “ở đời cái gì cũng thế, con người bản tính vốn lười biếng, đôi khi mình hãy cứ để cho mình rơi vào hoàn cảnh bị ép buộc phải làm, không khéo lại làm được một cái gì”. Phải là người như Phùng, nghề nghiệp như Phùng bạn đọc mới tin và thấm thía triết lý này. Hơn nữa Phùng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh nên tất yếu phải có yếu tố nghề nghiệp trong lời kể. Thế cho nên lời văn ở đây tràn đầy chất thơ, chất trữ tình và cũng đậm chất họa, chất điện ảnh thì đó cũng là điều dễ hiểu. Và các thủ pháp nghệ thuật trong lời kể cũng rõ cái dấu ấn nghề nghiệp gắn với nhân vật ví dụ một phép so sánh tả một ngư phủ. Ngư phủ thì bao giờ cũng đi liền với cái thuyền và lưới, thế nên: “Tám lưng rộng và cong như chiếc thuyền”, “Những món tóc vàng hoe có chỗ đỏ quạch như mớ lưới to đã bọt bọt”, “Cặp mắt thật đen gọi cho tôi nghĩ đến con mắt người ta vẽ trên đầu mũi thuyền”

Chủ thể trần thuật là ngôi thứ nhất, người kể chuyện đồng nhất với nhân vật đã thống nhất cả hai điểm nhìn, của nhân vật vốn bị chia cắt vào từng cảnh, của người kể vốn luôn xuyên suốt các sự kiện trên một trục thời gian đã tạo nên sự nhất quán của lời văn trần thuật trong cấu trúc văn bản, vừa đi sâu, cụ thể vào các sự kiện vừa quy chiếu một cách toàn diện, hệ thống cốt truyện.

Ở bậc THPT, khi phân tích tác phẩm, ngoài việc chú ý đến loại thể tác phẩm văn học, học sinh thường phải xoáy sâu vào các chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Chính điều này sẽ làm nên độ tinh, độ sâu của bài viết. Vì vậy, học sinh cần nắm được vai trò, đặc điểm của chi tiết trong tác phẩm.

“Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn.”

(M.Gorki)

“Theo quy luật điển hình hoá của văn học, qua một giọt sương để thấy cả bầu trời. Nghệ sĩ lớn là người có khả năng chưng cất cả đại dương vào trong một giọt nước, cả vũ trụ vào trong một giọt sương. Tầm cỡ nhà văn là viết về những cái không đâu, vật vĩnh nhưng khơi gợi được những vấn đề lớn, liên quan đến số phận con người, nhân loại.”

(Hà Thị Hoài Phương)

Văn học phản ánh hiện thực đời sống bằng hình tượng, thông qua hình tượng. Thế giới của văn học là thế giới của các hình tượng nghệ thuật. Mỗi một hình tượng là một chỉnh thể được xây dựng từ nhiều yếu tố có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó chi tiết được xem như là *yếu tố nhỏ*

nhất để xây dựng nên hình tượng. Do đó, chi tiết trong tác phẩm văn học có tầm quan trọng đặc biệt cả trong quá trình sáng tạo của nhà văn lẫn trong sự cảm thụ của người đọc.

Các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn học là vô cùng phong phú. Trong truyện, đó có thể là chi tiết miêu tả ngoại hình, cử chỉ điệu bộ, hành động hay hoàn cảnh của nhân vật, chi tiết miêu tả không gian và thời gian... Chi tiết có khi nằm trong mạch chính, có khi chỉ xuất hiện thoáng qua trong văn bản nghệ thuật. Trong thơ, chi tiết là “nhân tự”, là tứ thơ lạ; đôi khi chi tiết chỉ là một từ “đắt”, một hình ảnh gây ấn tượng, một sắc màu hay hương vị, âm thanh. ... Chi tiết làm cho thế giới hình tượng trong tác phẩm trở nên sống động, hấp dẫn, gây sự thích thú bất ngờ cho người đọc.

Chi tiết trong tác phẩm bao giờ cũng là những chi tiết được chọn lọc theo dụng ý nghệ thuật nào đó của người nghệ sĩ. Do đó, mỗi một chi tiết đều mang ý nghĩa tiêu biểu, điển hình trong việc miêu tả về đối tượng. Đó là những chi tiết có sức gợi - gợi lên cái tổng thể, góp phần bộc lộ bản chất của đối tượng.

Chi tiết trong tác phẩm nghệ thuật còn cho thấy khả năng quan sát tinh tế, tài năng nghệ thuật, cái nhìn, cách cảm, cách nghĩ độc đáo và mới mẻ của nhà văn. Nó bộc lộ quan niệm nghệ thuật của nhà văn về cuộc đời và con người.

Ví dụ: Chi tiết “tám ảnh nghệ thuật trong bộ lịch cuối năm” trong Chiếc thuyền ngoài xa

– Nguyễn Minh Châu

“Nguyễn Minh Châu là nhà văn của những biểu tượng. Truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 đạt được sự hàm súc, đa nghĩa một phần là nhờ nhà văn đã sáng tạo được những hình ảnh, chi tiết giàu giá trị biểu tượng. Tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa là một trường hợp như vậy.

Hình ảnh tám ảnh trong bộ lịch cuối năm đã khép lại tác phẩm nhưng đọng lại mãi với những suy tư, tự nghiệm của nghệ sĩ Phùng và người đọc: “Không những trong bộ lịch năm ấy ...hoà lẫn trong đám đông”. Không khó khăn mấy người đọc cũng nhận thấy ở đây dường như có hai bức ảnh trong một khuôn hình

Trước hết đó là một bức ảnh thuần nghệ thuật dành cho những nhà sành nghệ thuật: Một bức ảnh mang vẻ đẹp toàn mỹ, vốn là một cảnh đất trời cho, kết tinh công phu và sự may mắn của người nghệ sĩ (sau hàng tuần mai phục, Phùng đã chụp được). Một bức ảnh về con thuyền được chụp từ ngoài xa với vẻ đẹp hài hoà giữa con người và cảnh vật. Một cảnh đẹp được ghi lại bằng một ấn tượng thuần túy nghệ thuật. Một bức ảnh không chỉ đem đến một niềm hạnh phúc cho người sáng tạo mà còn đủ sức thuyết phục với cả những nhà sành nghệ thuật và có sức sống lâu bền “mãi mãi về sau”...

Đằng sau bức ảnh nghệ thuật đó là một bức ảnh cuộc sống hiện thực trần trụi, lam lũ mà trung tâm là hình ảnh người đàn bà vùng biển cao lớn với dáng người thô kệch... bước những bước chậm rãi, bàn chân đặt trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông. Một hình ảnh không còn thơ nữa mà rất đời. Hình ảnh này đã trở thành một ám thị đối với Phùng “mỗi lần nhắm kỹ tôi vẫn thấy”. Nhưng tại sao chỉ riêng Phùng mới thấu thị như vậy mà những người khác thì không? Phải chăng vì Phùng biết nhìn kĩ, nhìn lâu, nhìn thẳng; biết nhìn xuyên qua màu hồng hồng của ánh sương mai, nhìn cho ra được những “thô kệch, ướm sưng, nhọt trắng, bạc phếch...” Và điều quan

trọng nhất là Phùng biết nhìn bằng trải nghiệm. Hay nói khác đi Phùng không chỉ nhìn mà còn sống trong cuộc đời, đau đáu nỗi đau của người đàn bà hàng chài, lắng nghe câu chuyện của chị.

Dùng nghệ thuật tương phản kết hợp với một chút phi lí (bức ảnh đen trắng nhưng lại nhìn ra màu hồng hồng), Nguyễn Minh Châu đã dựng lên một ẩn dụ nghệ thuật với bao nhiêu thông điệp, nhận thức:

Thứ nhất, nghệ thuật cất lên từ cuộc sống nhưng giữa cái đẹp của nghệ thuật và cuộc sống luôn có khoảng cách. Đôi khi ngay đằng sau cái đẹp mơ màng và tưởng như toàn bích kia lại chứa đựng trong đó những hiện thực cuộc sống còn đầy khiếm khuyết, nhurc nhối. Không cần thận cái đẹp thuần túy nghệ thuật lại trở thành cái đẹp giả dối...

Thứ hai, cần phải nhìn thẳng vào cuộc sống dù nó không phải thơ mộng như chúng ta muốn

Thứ ba, cần phải kéo gần khoảng cách giữa nghệ thuật và cuộc sống, muốn phản ánh trung thực cuộc sống người nghệ sĩ phải đi đến với cuộc đời, cúi xuống thật gần những số phận cá nhân vốn nhiều bi kịch, lắng nghe câu chuyện của họ...

Chi tiết này đã gieo ra một tình huống tự nhận thức mà ở đó người ta thấy rõ hơn về nhân vật Phùng: Phùng không phải tìm kiếm ở đâu mà anh đang cày xới, lật lại, đào sâu hơn vào chính bức ảnh của mình, chính thứ nghệ thuật tưởng như đã hoàn mĩ của mình. Không ai bắt anh làm thế và không ai biết anh làm thế, nhưng với trách nhiệm, lương tâm của một nghệ sĩ chân chính buộc anh phải liên tục trăn trở như vậy. Con người Phùng hay cũng chính hình ảnh tác giả bởi nhà văn đã từng đặt mệnh lệnh cho mình: Không có quyền miêu tả cuộc sống một cách hời hợt. Sự lo lắng cho con người đã trở thành nỗi quan hoài thường trực.

Không phải đến cuối chi tiết bức hình mới xuất hiện và cũng không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Minh Châu lại kết thúc truyện ngắn của mình bằng chi tiết này: Phùng nhận nhiệm vụ chụp ảnh cho bộ lịch cuối năm là anh đã khoác vào mình một thiên chức quan trọng của nghệ thuật (làm sao phải đẹp để thoả mãn nhà xuất bản và thị hiếu mọi người nhưng đồng thời lại nói được trung thực nhất về cuộc sống). Phùng đã làm nên bức ảnh bằng tất cả niềm đam mê và trách nhiệm và anh đã có được niềm vui của một người nghệ sĩ chân chính. Nhưng khép lại tác phẩm, chính bức ảnh ấy lại làm anh không dứt khỏi những ưu tư, vỡ ra bao nhiêu nhận thức. Chi tiết bức ảnh đã trở thành một câu tứ cho truyện ngắn này.

Riêng tôi vẫn tự đặt câu hỏi: Nếu được chụp lại bức ảnh Phùng sẽ chụp như thế nào? Điều đó hẳn cũng có nhiều thú vị!"

(Nội dung phân tích ví dụ được sưu tầm từ internet)

III – CÁCH ĐƯA LÍ LUẬN VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT

1. Cách đưa Lí luận văn học vào bài viết

Một vài ví dụ để chúng ta biết cách sử dụng kiến thức lí luận vào bài thi THPTQG. Không nên vội nghĩ rằng lí luận văn học chỉ dùng để đi thi HSG, nếu làm được tốt điều này thì bài viết của chúng ta sẽ sâu sắc hơn rất nhiều và cũng mới mẻ hơn nữa. Kiến thức lí luận cơ bản đã được đưa đến ở phần II. Thế nhưng, việc vận dụng các kiến thức này như thế nào trong bài viết lại không hề đơn giản. Chúng ta sẽ tham khảo một số cách sau đây:

a. Ngay từ mở bài, chúng ta đã có thể vận dụng kiến thức lí luận văn học bằng cách đưa ra những vấn đề về nền văn học nước nhà, hay hiện thực sáng tạo, tình cảm nhà văn... đều được.

Ví dụ:

"Nhà thơ xứ Daghestan Raxun Gamzatov đã từng viết với lòng biết ơn "Thơ ca nếu không có người tôi đã mồ côi". Thơ ca đã ra đời và song hành với nhân loại, như một phương tiện đặc lực và đầy xúc cảm, giúp con người bày tỏ nỗi niềm và đi sâu khám phá thế giới nội tâm sâu kín, bí hiểm. Tôi chợt nhớ thi sĩ Xuân Quỳnh và bồi hồi hình dung nhà thơ ấy sẽ cô đơn biết bao nếu không thể trao gửi tâm tình vào nghệ thuật. Bài thơ "Sóng" là tất cả nỗi niềm của nội tâm sâu kín ấy. Là sóng biển, sóng lòng mà người con gái miền La Khê đã tha thiết gửi trao trong từng dòng, từng chữ....

Với cách viết như thế này, chúng ta có thể tránh đi việc nêu ra thơ ca về tình yêu đơn thuần rồi mới đi vào tác phẩm, đồng thời cách diễn đạt cũng rất bắt tai.

b. Ở thân bài, trước khi phân tích tác phẩm theo yêu cầu của đề bài, chúng ta có thể sử dụng lí luận để tránh đi việc nêu ra hoàn cảnh ra đời một cách khô cứng. Chẳng hạn như, vẫn là viết về Tô Hoài lên Tây Bắc rồi có cảm hứng sáng tác tác phẩm "Vợ chồng A Phủ". Thế nhưng, với cách diễn đạt của lí luận văn học sẽ biến nó trở thành như thế này:

Ví dụ:

Mỗi tác phẩm nghệ thuật phải thực sự là "tiếng sáo thổi lòng thời đại, thành giao liên dẫn dắt đưa đường". Dường như ý thức rõ về điều này, nhà văn Tô Hoài trong những ngày tháng sống ở Tây Bắc đã viết nên "Vợ chồng A Phủ". Áng văn là "tiếng sáo", là "giao liên" dẫn ta tới hiện thực cuộc sống lặng im Tây Bắc và cho chúng ta thấy những khát khao đẹp đẽ về tự do và hạnh phúc của con người.

- Khi viết những nội dung mang tính lí luận này, chúng ta cũng có thể sử dụng kiến thức về quan niệm nghệ thuật của các tác giả để bài viết có chiều sâu và phong phú hơn.

Ví dụ:

Nguyễn Tuân từng muốn mỗi ngày đều có "cái say của rượu tân hôn", kì vọng mỗi trang đời là một trang nghệ thuật. Luôn luôn đổi mới cảm giác, nhận thức cũng như phương châm cảm thụ cái đẹp, ông coi đời là những "trang hoa" luôn mở dưới ánh sáng nghệ thuật mới. Và chuyến đi Tây Bắc của nhà văn sau Cách mạng là một "trang hoa" như thế. Để từ đây, vẻ đẹp thiên nhiên và con người được mở ra "dưới ánh sáng nghệ thuật" của "Người lái đò Sông Đà"... (diễn tiếp để vào phân tích)

- Khi diễn đạt những nội dung này trong phần thân bài, chúng ta cần chú ý các đoạn phân tích câu thơ, câu văn đều dùng lí luận văn học được. Tuy nhiên, cần diễn đạt sao cho khéo léo, để các nội dung về lí luận không bị đặt sai chỗ hay là hiểu sai nghĩa.

Ví dụ:

Khi phân tích đoạn thơ của Việt Bắc: "Những đường Việt Bắc của ta...", chúng ta cần chỉ ra được nhạc tính của đoạn thơ, sau đó nhấn mạnh vào tính nhạc trong thơ bằng cách diễn đạt như sau:

Đọc những dòng thơ ấy tôi thấy bồi hồi xao xuyến và nhớ lại sinh thời Huy Cận ngợi ca:

“Yêu thơ thơ kể lại hồn ông cha

Đòi bao tâm sự thiết tha

Nằm trong tiếng nói lòng ta thuở nào”

Cách diễn đạt này sẽ khiến bài viết của chúng ta, vừa có yếu tố lí luận, lại vừa diễn đạt được tự nhiên hơn.

c. Sử dụng lí luận khi nâng cao khẳng định vấn đề

Sau khi phân tích xong những nội dung theo đúng trọng tâm đề yêu cầu, chúng ta không nên vội vàng kết mà hãy nán lại để khẳng định bình luận. Ở phần này, chúng ta có thể viết về sinh mệnh văn chương, sức sống trường tồn của nó với thời gian/trong lòng độc giả hay khẳng định tài năng của nhà văn nhà thơ....

Ví dụ:

Nếu như tương lai của một nhà văn được đánh giá qua văn học anh ta để lại như lời của Albert Camus thì tôi nghĩ Nguyễn Minh Châu có thể tự hào về những gì mà ông đã để lại cho đời. Trang sách của Nguyễn Minh Châu đã làm đúng công việc của một kẻ sĩ "nâng giấc cho những người cùng đường tuyệt lộ", làm đúng công việc của một kẻ sĩ luôn "quan hoài thường trực cho số phận con người". Chiếc thuyền ngoài xa sẽ tồn tại trong dòng văn học như một chân giá trị để cảnh tỉnh con người về cuộc đời đa sự, và giữ cho chúng ta một cách tiếp cận đời sống sâu sắc... đại ý là như vậy. Chúng ta có thể thêm vào những cảm nhận của mình về tác phẩm (đó là tiếp nhận văn học đấy).

d. 14 cách lập luận tiêu biểu cho bài nghị luận văn học

Nếu cảm thấy quá khó khăn để đưa các yếu tố lí luận, các nhận định vào trong bài viết, đặc biệt là ở những phần lập luận trong bài, chúng ta có thể tham khảo 14 cách lập luận tiêu biểu như sau:

1. Có ai đó đã từng nói rằng: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không vội, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Ngày ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn luôn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vội đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chờ nắng gió cuộc đời tưới mát muôn cây. Bởi lẽ vậy thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống, phản ánh cuộc đời thông qua sáng tạo nghệ thuật song sự phản ánh ấy không phải là ghi chép máy móc mà là quá trình trải nghiệm, chọn lọc, hư cấu của người nghệ sĩ. đến với thơ ca cũng vậy, trải qua biết bao “nắng gió cuộc đời” để góp nhặt vào trang thơ.

2. Bạch Cư Dị từng nói: “Cảm động lòng người, trước hết không gì bằng tình, đầu tiên không gì bằng lời, tha thiết không gì bằng thanh, sâu xa không gì bằng nghĩa. Vậy đối với thơ tình là gốc, lời là cành, thanh là họa, nghĩa là quả”. Có thể nói, tình cảm là yếu tố sinh mệnh của thơ ca, thiếu tình cảm thì chỉ có thể trở thành người thợ làm những câu có vần chữ không làm được nhà thơ. Đồng thời, thơ ca không bộc lộ tình cảm một cách bản năng, trực tiếp mà nó được ý thức, được siêu thăng, được lắng lọc qua cảm xúc thẩm mỹ gắn liền với ý thức về mình, về đời.

3. Belinxki đã từng nói: “Bất cứ thi sĩ vĩ đại nào, sở dĩ họ vĩ đại bởi vì những đau khổ và hạnh phúc của họ bắt nguồn từ khoảng sâu thẳm của lịch sử xã hội, bởi vì họ là khí quan và đại biểu của xã hội, của thời đại và của nhân loại.” Thơ ca cũng như văn chương và các loại hình nghệ thuật khác, nếu không hút nhựa sống dạt dào ngấm chảy trong lòng cuộc sống thì nó sẽ mãi mãi là một cây non ẻo lợt, không mang trên mình những cành cây sần chắc, những chiếc lá xanh tươi phơi phới dưới ánh mặt trời. Là nhà thơ, ngòi bút của anh phải chìm vào nghiền mực của cuộc đời thì thơ anh mới tươi màu, neo chặt trong bến tâm hồn người thưởng thức. Và hơn cả, để trở thành “thi sĩ vĩ đại” đòi hỏi anh ta có một trái tim đồng cảm với những linh hồn đơn côi quạnh quẽ, anh ta phải lắng nghe tiếng khóc khổ đau của nhân loại từ đó biến tác phẩm của anh thành tiếng nói đại diện cho những kiếp người mòn mỏi trong đời sống xã hội.

4. Ngày xưa ngày xưa, chuyện kể rằng một người hành khất đã giết giặc bằng giọng hát kì diệu của mình. Văn học cũng vậy, nó giống như “thế trận đỏi nghìn quân giặc”. Để cho khi quân thù phan trái tim nhỏ bé của người hành khất đang phập phồng nơi lồng ngực thì tiếng hát cất lên cao mãi cùng với non sông. Câu chuyện ấy gợi cho ta liên tưởng về sự biết diệt của văn chương – dòng chảy hùng tráng của mọi thời đại, và cứ như thế, những văn thơ, những áng văn bất hủ sẽ “làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đời với con người và khát vọng đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người” (Sô – lô – khốp).

5. Mạch nước âm i dưới vách núi đã đổi thay qua những ngày xuân xanh đến những chiều thu buồn. Những đèn đài rồi xụp đổ dưới ánh chiếu của thời gian, những tranh tượng rồi tiêu tan hoá thành bụi vàng của quá khứ. Ấy vậy mà có những tác phẩm vẫn tồn tại bền bỉ tựa dòng suối chảy mãi trong tâm hồn bao thế hệ hôm qua, hôm nay và ngày mai. Như trong "Nghĩ lại về Paustovsky" Bằng Việt từng chiêm nghiệm:

"Những trang sách đi suốt đời vẫn nhớ.

Như những đám mây ngũ sắc ngủ trên đầu".

Ấn chứa trong những tác phẩm ấy là thế giới được nhà văn phác họa một cách nhẹ nhàng mà lắng đọng, đẹp đẽ mà không khoa trương, giản dị mà chẳng kém phần tinh tế.

6. Văn chương tồn tại để thực thi sứ mệnh giúp nhân loại nhìn thấy được những "rang đồng sáng ngời" ẩn giấu nơi ngõ ngách nào đó của cõi trần. m diệu của văn chương chính là hợp xướng của dàn đồng ca nhiệm màu về tình yêu thương chạm khê đến ngưỡng rung động vĩnh hằng, là tiếng hát ngân vang của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn, nơi người nghệ sĩ gửi gắm những bồi hồi, xao xuyến của một linh hồn đa cảm trước cuộc đời. Như Nguyễn Ngọc từng quan niệm “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Tình và tư tưởng trong văn như gió ngày xuân, như nắng hạ sang, như trận mưa cuối thu, như hoa tuyết giữa trời đông. Ta dùng đôi mắt để nhìn, dùng trái tim để cảm. Từ ấy, người thưởng văn bắt chợt tìm thấy "những ngọn lửa nhóm lên từ trang sách".

7. Phiên chợ "Cuộc đời" phồn tạp bày bán đủ mặt hàng hi nộ ái ố nhưng không có sự cảm thông. Chính vì nhà văn bất mãn trước những nghịch cảnh trên tinh cầu của mình nên anh đã trao ban những ngọt ngào vốn của riêng dành tặng cho nhân thế. Độc ngao trên đường trường độc đạo, tự ly khai mình thoát khỏi những tạp niệm và "tư tưởng đám đông", nhà văn giữ vững bản ngã, thu mình lại một góc, và viết. Viết cho ai? Về cái gì? Và vì điều gì? Anh cũng không biết nữa. Bởi khi anh chấm ngòi bút vào nghiền mực rồi, hồn riêng anh nhưng chữ của trái tim. Nhuận nhĩ trong

những trần trở về sáng tác của đời thi sĩ, A. De Musset trong "Những bậc thầy văn chương" viết rằng:

"Những lời tuyệt vọng nhất là những lời ca hay nhất

Ta biết có những lời bất hủ song chẳng qua là những tiếng nức nở mà thôi".

8. Thơ là thánh ca của trái tim, là trạm dừng chân tinh thần, là sợi giây giao cảm kết nối những tâm lòng cảm thông, đồng điệu. Nương dòng văn học cổ kim cho tới văn học hiện đại, đã có biết bao thi nhân, văn nhân đã gom góp, hiến dâng cho đời những áng thơ kinh động lòng thế nhân, chao đảo hiện thực một thời và ám ảnh mọi thời. Suy cho cùng, thơ vì cuộc sống mà tạo thành. Những bản văn sâu sắc, thấm thía mang tiếng nói trào phúng hay giọng điệu đanh thép đều khởi phát từ nước mắt, từ niềm yêu khổ nạn gò luyện nên, trở thành "lời phát biểu" đắt giá bất diệt.

9. Văn học không tự sinh ra cũng chẳng tự gầy dựng giá trị. Tất cả những tiếng cười hoan hỉ hay khô hạn khóc liệt trong đời văn, đời chữ đều là phản ánh chân thực thời đại nó sinh ra. Thực tế, văn chương không phải tấm áo ngôn từ, càng không phải cường điệu hóa nỗi đau mà trở thành âm ảnh bất biến. Văn chương chỉ tái hiện lại vẻ đẹp của giọt nước mắt bằng cung cách khiêu gợi nhất mà trong đó vẫn chứa đựng giá trị bất chuyển. Là đóa hoa tỏa hương êm dịu cho cuộc sống đầy rẫy đớn đau của con người.

10. Nhà văn Nguyễn Đình Tú quan niệm rằng: "Vén mây thấy núi, sau núi lại có mây. Cứ vén từng lớp màn cuộc sống lên, bạn đọc sẽ thấy vô vàn những điều bí ẩn trong đó. Nhà văn đang giúp bạn đọc nhìn sâu vào đời sống này bằng cách riêng của mình" Thiên chức của những người nặng lòng với trang sách, hữu duyên với bút mực chỉ được thực thi khi nhà văn thực sự "sống" giữa cuộc đời, tha thiết gắn bó và khao khát hòa nhập với cuộc đời. Người làm nghệ thuật không thể ngoảnh mặt trước những vấn đề lớn lao của dân tộc, không thể đứng ngoài những vận hội, những biến cố có thể xây nên của thời cuộc, không thể mang một trái tim lạnh cảm với những trang đời và vẻ đẹp của con người. Người nghệ sĩ chân chính phải thâm nhập vào nhân quần, trải nghiệm, thấm thấu và nhặt lấy tinh chất quý giá của đời. Song, hồn cốt của một tác phẩm văn học còn tùy thuộc vào tài năng và "đôi mắt" của mỗi tác giả. Bởi vậy, sau khi ngụp lặn trong biển hiện thực, anh phải ngoi lên khỏi đại dương cuộc đời để dùng chính lí trí và cảm xúc, cái say và cái tỉnh của mình để nâng bút viết nên những trang sách bất tử. Xét đến cùng, người nghệ sĩ phải "Đi trọn đời trên con đường chân thật" (Phùng Quán) và thấm nhuần một điều rằng: càng cá thể càng độc đáo càng hay thì mới có thể thai nghén nên những tác phẩm khắc họa hiện thực đời sống cả trên bề rộng lẫn chiều sâu.

11. Cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời ẩn chứa muôn vạn những mảng màu, từ đẹp đến xấu xa, từ thấp ngai nguy nga đến tấp lều gian dị. Đặc biệt là thế giới tâm hồn của con người lại càng phong phú, phức tạp hơn. Vì vậy, có những điểm mù, những vùng trời, những vẻ đẹp mà chẳng có một ngôn ngữ nào, không có một loại hình nào có thể miêu tả cho vẹn toàn. Nghệ thuật khao khát được vẽ trọn một khung cảnh kì diệu lên trang giấy, văn học cũng muốn múa bút mà viết nó thành văn. Có những khoảnh khắc nghệ thuật rơi vào nỗi bất lực bởi chẳng thể phản ánh được cái hình sắc "nguyên bản" nhất. Nhưng nghệ thuật không từ bỏ, văn học cũng chẳng buông xuôi vì tác phẩm nghệ thuật luôn có sứ mệnh chờ đi những tư tưởng lớn của người nghệ sĩ, của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống.

12. Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ lại tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao

nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: “Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người”. Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là “một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: “nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người”. Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cằn, chai sạn lắm bởi văn chương cho ta được là CON NGƯỜI với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp.

13. Từ cổ chí kim, văn chương vẫn luôn lấy con người và cuộc đời làm cứu cánh. Đến với văn chương là đến với thế giới, là được thanh lọc, giáo dục, mở rộng tâm hồn. Khi bàn luận về đặc trưng của văn học, Tô Hoài cho rằng: “Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”. Đó chính là lẽ tất yếu của văn chương nghệ thuật. Tác phẩm phải trở thành một tấm gương phản ánh, soi chiếu đời sống, phải là một khúc xạ của đời sống. Mỗi tác phẩm đều phải “soi bóng thời đại”, phải cho con người ta thấy được bản chất của sự sống, của cuộc sống thực tại. Nhưng nếu chỉ đơn thuần mang trong mình hơi thở của thời đại thì vẫn chưa đủ làm nên sức nặng của tác phẩm: Trong mỗi trang văn cùng đồng thời cần hiện lên một thế giới mới – thế giới được tạo lập từ những người nghệ sĩ tài hoa, là thế giới của ước mơ và hy vọng.

14. Thời gian cứ trôi đi lặng lẽ mà vô tình nhưng thời gian cũng chính là thứ nước rửa ảnh làm nổi bật lên những tác phẩm hay, độc đáo. Có một nữ văn sĩ từng nói đại ý rằng: “Sẽ không bao giờ chúng ta gặp lại mình như chiều nay”. Nguyễn Tuân cũng từng nói: “Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần có sự độc đáo hơn trong bất kì lĩnh vực nào khác”. “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Mỗi khoảnh khắc trôi đi không bao giờ trở lại. Sẽ chẳng bao giờ ta gặp lại một Nam Cao, một Nguyễn Tuân, Xuân Diệu hay Thạch Lam,... thứ hai trên cõi đời này nữa. Bởi lẽ văn chương không bao giờ là sự lặp lại và mỗi nhà văn có một tạng riêng, một phong cách riêng. “Mỗi công dân có một dạng vân tay. Mỗi nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ không trộn lẫn” (Lê Đạt)

2. Một số gợi ý về cách vận dụng Lí luận văn học vào bài viết

a, Mở bài bằng Lí luận văn học

+ *Vận dụng kiến thức:* Mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống

MB1:

Có ai yêu một loài hoa không sắc không hương? Có ai quyến luyến những vần thơ khô khan không cảm xúc? Văn chương phản ánh hiện thực nhưng nó không phải là một tấm hình khô cứng và vô hồn, mà đó là tiếng lòng thổn thức từ những câu chuyện của cuộc đời – câu chuyện được ngân vang trên ngọn đời tuyết phủ trắng trời, thấp thoáng những đóa sơn trà e ấp trong làn sương giăng mờ ảo. Chính hiện thực cuộc sống luôn là cảm hứng cho sáng tác văn học, là cội nguồn gọi thức con chữ, là cầu nối tâm hồn đồng điệu của người nghệ sĩ với độc giả. Chính vì vậy, ... đã khẳng định: ...

MB2:

“Anh đi qua trái đất để lại chừng thơ ấy
 Hãy thương anh! Anh nào có chi nhiều
 Một chút nắng tàn, một dòng nước chảy
 Trái tim nghèo, nhưng cũng đã tin yêu”.

Nếu hội họa dùng đường nét và màu sắc để phác họa nên bức tranh cuộc sống, âm nhạc dùng ca từ và giai điệu để tạo nên những tiếng ca thì văn học dùng ngôn ngữ và hình ảnh để làm chất liệu cho sáng tác. Hiện thực đời sống luôn là nguồn cảm hứng vô tận sáng tạo nên văn chương, người nghệ sĩ phải đứng vững trên mảnh đất đời sống, lấy đó làm điểm tựa, điểm xuất phát thì mới mong tạo ra được thứ gì đó để đời. Nói như ...:

+ Vận dụng kiến thức: Chức năng giáo dục của văn học

MB1:

Như bông cúc nhỏ sinh ra để luôn tự hát về vùng đất mệnh mang nắng gió; như ánh mặt trời sinh ra để thiêu đốt đi cái lạnh giá vĩnh cửu của mùa đông, văn học sinh ra để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người bị đẩy vào cùng đường, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Nói như...:

MB2:

Sáng tác văn học được ví như công việc của một người chèo thuyền trên sông. Nước chảy thuyền trôi ... Con thuyền đi qua mọi bên bờ của thời gian, không gian và ở một nơi xa nào đó trên bờ hoang vắng đầy cô đại, nó đã cập bến, mang theo những khuôn hàng để trao tay đến độc giả những bài học, những cảm xúc và suy nghĩ của nhà văn trong suốt chặng đường lênh đênh sóng nước. Một tác phẩm chân chính phải có chức năng hàng đầu là giáo dục và hướng con người đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Nói như...:

+ Vận dụng kiến thức: Giá trị thẩm mỹ của văn học

MB1:

Ta say đắm trước áng mây hồng của buổi sớm mai bình minh hay áng mây buồn khi chiều tàn khuất lối? Ta rung động trước đóa hoa đẹp lung linh dưới ánh mặt trời hay những cánh đồng đã úa tàn không còn sinh khí? Cuộc đời là hành trình đi tìm cái đẹp và luôn vì cái đẹp mà tồn tại. Xuất phát từ đặc trưng của văn học, đã là văn chương thì phải đẹp, đẹp là chức năng hàng đầu, cũng là đạo đức của văn chương. Chính vì vậy, ... đã khẳng định:

MB2:

Nếu phải chọn một loài hoa đẹp nhất, tôi sẽ chọn lấy một cành hồng còn e ấp trong sương đêm. Nếu phải chọn một thanh âm cao nhất, tôi sẽ chọn lấy tiếng hót thiết tha của loài chim họa mi. Nếu phải chọn một bản nhạc hay nhất, có lẽ tôi sẽ chọn văn chương. Tiếng ca từ văn chương bao giờ cũng vui tươi và rạo rức, giai điệu của văn chương bao giờ cũng đậm thắm và ngọt ngào. Khi những cung bậc cảm xúc ấy được cất lên, chúng giống như một nốt nhạc du dương và chạm với tâm hồn người đọc. Từ đó, văn chương sẽ giúp con người có những nhận thức mới mẻ và cảm nhận sâu sắc hơn về cái đẹp của cuộc đời, cái đẹp trong từng trang thơ. Nói như ...:

+ Vận dụng kiến thức: Tính sáng tạo của người nghệ sĩ

MB1:

Ai đó đã nói rằng hoa hồng ở lại giữa đời nhờ hương thơm say đắm, không nồng nàn như hoa cúc hay ngọt ngào như ngọc lan. Loài chim sơn ca ở lại giữa đời bởi tiếng hót thiết tha vút lên giữa dàn đồng ca của núi rừng. Câu chuyện ấy gợi nhắc chúng ta nỗi băn khoăn: Có phải điều còn lại với mỗi nhà văn chính là giọng điệu riêng của mình?

MB2:

Có ai đó đã từng ví, mỗi nhà văn như một loài hoa, một thứ chim trong cánh rừng đại ngàn văn học. Mỗi loài hoa tỏa một hương thơm riêng cũng như mỗi thứ chim cất lên một giọng hót riêng. Mỗi nhà văn sẽ chỉ sống được trong lịch sử văn học, trong tâm hồn người đọc khi anh ta tạo ra một giọng hát, một hương thơm của riêng mình. Nói như ...:

MB3:

Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: Điều gì khiến mỗi tác phẩm mang hình hài một chiếc lá, thả mình theo dòng chảy miên viễn của thời gian? Một cốt truyện li kì hấp dẫn? Một văn thơ sâu thẳm tự tâm hồn? Văn học bật ra từ những cơn mê tỉnh của người nghệ sĩ, từ cõi lòng tinh tế đến nhạy cảm mong manh, để rồi nhìn thấu nỗi đau thực tại, để rồi một đời trần trụi, một đời băn khoăn. Văn học vốn dĩ nặng nợ thế gian, cũng như nỗi niềm muôn đời của người nghệ sĩ đối với văn chương, để rồi từ đó anh cất lên những vần thơ, những câu chữ say đắm lòng người. Nói như...:

b, Kết bài bằng Lí luận văn học

+ Vận dụng kiến thức: Chức năng của văn học

Với cách này, chúng ta cần đưa ra những giá trị của văn chương chân chính để khẳng định thêm về sức sống của nó. Không chỉ dừng lại ở vai trò phản ánh hiện thực, văn học còn nuôi dưỡng tâm hồn và giúp ta rung động một cách chân thành trước những hình tượng nhân vật điển hình, trước cách cảm, cách nghĩ của nhà văn về con người và cuộc đời.

Ví dụ: Kết bài cho MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

Trong lời gửi gắm của "Thư cho em gái", nhà thơ Lưu Trọng Lư từng viết rằng: "Thơ không phải chỉ là thơ mà thôi. Thơ còn là "người" nữa. Anh gửi một tâm hồn. Anh gửi em một người. Một người đã sống. Một người biết sống". Có được những lời sâu sắc này, bởi văn chương nghệ thuật muôn đời đều là câu chuyện đẹp về những con người "đã sống" và "biết sống". Thế nên, sống với khát vọng cống hiến và một tâm hồn yêu đời, yêu đất nước đến mãnh liệt như Thanh Hải trong Mùa xuân nho nhỏ luôn là một điều đáng quý. Sự chân thành trong cách sống, cách khao khát hiến dâng "dù ở tuổi hai mươi/dù là khi tóc bạc" của nhà thơ thực sự đã trở thành một vị thuốc vô giá dành cho tâm hồn mỗi chúng ta.

+ Vận dụng kiến thức: Đặc trưng thể loại

Chúng ta có thể vận dụng các kiến thức về đặc trưng của các thể loại văn học như: thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, ... để nhấn mạnh giá trị của tác phẩm nhé!

Với bậc THPT, chúng ta có thể vận dụng những đặc trưng về cốt truyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật (của truyện ngắn) hoặc những đặc trưng về ngôn ngữ, giọng điệu, ... (trong thơ) để làm tốt kiểu kết bài này.

Ví dụ: Kết bài cho nhân vật CỤ BƠ - MEN trong CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

“Văn học xét đến cùng là câu chuyện của trái tim”. Đặc biệt ở truyện ngắn, những câu chuyện được xây dựng bằng trái tim giàu trắc ẩn, vị tha và tràn đầy yêu thương của tác giả luôn có sức lay động to lớn đến người đọc. Với nhân vật cụ Bơ – men trong “Chiếc lá cuối cùng”, O’ Henry đã thực sự mang đến cho chúng ta cả một bức thông điệp đẹp đẽ và sâu sắc về lòng yêu thương, đức hy sinh trong cuộc sống. Và chắc hẳn, câu chuyện về chiếc lá thường xuân ấy sẽ “xanh” mãi trong trái tim của người đọc chúng ta.

+ *Vận dụng kiến thức:* Phong cách/Cá tính sáng tạo của nhà văn

Với cách này, các cậu chỉ ra một vài nét sáng tạo, độc đáo trong phong cách của nhà văn/nhà thơ để khẳng định nhưng đóng góp của họ thông qua tác phẩm đang được đề cập đến trong bài viết.

Ví dụ: Kết bài cho NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI.

Đọc truyện ngắn của Lê Minh Khuê, dù khốc liệt, gai góc đến đâu nhưng chúng ta vẫn nhận thấy trong các tác phẩm sự nữ tính, nhẹ nhàng, đầy chất thơ như chính con người tác giả. Chính vì thế, khi đến với Những ngôi sao xa xôi và câu chuyện của ba nữ thanh niên xung phong, chúng ta sẽ thực sự bị ấn tượng về vẻ đẹp của những cô gái này. Cả Nho, Thao và Phương Định đều dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm với công việc và luôn yêu thương đồng đội. Với ngòi bút của Lê Minh Khuê, ở họ còn còn sáng lên vẻ đẹp như những ngôi sao xa xôi ở núi rừng Trường Sơn, dù trong gian khổ, hiểm nguy vẫn luôn lấp lánh.

+ *Vận dụng kiến thức:* Tiếp nhận văn học

Kết bài theo tiếp nhận văn học, là khi chúng ta đưa ra những cảm nhận và sự tin tưởng vào văn chương nghệ thuật. Văn chương luôn khơi gợi lên trong ta những cảm xúc đẹp đẽ về cuộc sống, và khiến ta suy nghĩ tích cực hơn, yêu đời và yêu người hơn.

Ví dụ: Kết bài cho nhân vật Lão Hạc

Đề bài:

Nhận định về nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, tác giả Hoàng Thị Thương trong Vẻ đẹp con người có viết: "Tinh thần của lão Hạc mới kiên định làm sao! Như thành trì kiên cố xây bằng LÒNG TỰ TRỌNG và TÌNH THUƠNG. Đói khổ, đớn đau không khuất phục nổi."

Bằng hiểu biết về truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Kết bài:

Suy ngẫm lại nhận định sâu sắc của Hoàng Thị Thương, và nhìn vào cuộc đời lão Hạc, ta lại có thêm cho mình những tin yêu vào cuộc sống. Đói khổ đến cùng cực, cô đơn nhưng lão nông già nua ấy vẫn luôn giữ được trong mình nét đẹp đẽ của lòng tự trọng và tình yêu thương con sâu sắc. Thêm yêu lão Hạc và tin tưởng vào cuộc đời, là một lần chúng ta thêm cảm ơn Nam Cao, vì đã luôn nhìn nhận về con người và cuộc đời bằng cái nhìn nhân văn nhất, và rồi ghi vào lòng độc giả chúng ta những xúc cảm thật đẹp đẽ, thiêng liêng nhất.

LỜI KẾT CHƯƠNG I

Như vậy, qua những kiến thức được hệ thống sao cho phù hợp với chương trình THPT và các ví dụ cụ thể, hy vọng các bạn sẽ có được những kiến thức cần thiết nhất về Lí luận văn học, để vận dụng hợp lí trong các bài viết văn.

Hiểu được các khái niệm cơ bản này không khó, nhưng việc vận dụng chúng vào bài văn đòi hỏi ở mỗi chúng ta khá nhiều kĩ năng. Đầu tiên, bản thân người học cần hiểu rõ về tác phẩm, đồng thời hiểu rõ về các khái niệm lí luận văn học. Từ những hiểu biết đó, chúng ta mới có thể đặt kiến thức lí luận vào những vị trí phù hợp trong bài viết được.

Thêm nữa, khi đưa các kiến thức lí luận văn học vào bài, chúng ta cũng cần có cách diễn đạt khéo léo các nội dung này để chúng không bị khô cứng, mang tính lí thuyết quá nhiều và làm mất đi nét văn mềm mại của mỗi người.

Để vận dụng thành thục các kiến thức này vào bài văn, đừng ngần ngại đặt bút và viết ra những điều mà chúng ta đang suy nghĩ nhé! Văn ôn võ luyện mà! Mỗi lần viết là mỗi lần bộ não chúng ta có sự chỉnh sửa, thêm bớt khéo léo hơn để ngôn từ, cách diễn đạt được lưu loát, sắc sảo thêm.

Để hoàn thiện thêm các kiến thức lí thuyết về Lí luận văn học và cách vận dụng các kiến thức đó vào bài văn, nhóm biên soạn đã dụng công đưa vào tài liệu này chương 2 – với những kiến thức lí luận và nhận định gần gũi, phù hợp nhất với 14 tác phẩm trọng tâm trong chương trình Ngữ văn 12. Mời các bạn đón đọc!

PHẦN THỨ HAI NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC

I – TỔNG HỢP CÁC NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC ĐẶC SẮC

Có thể trước giờ, chúng ta luôn nghĩ “rất nặng” về LÝ LUẬN VĂN HỌC, rằng nó cao siêu, khô khan và rất khó học.

Những nội dung của phần thứ hai trong cuốn sách này hy vọng giúp đỡ các bạn được phần nào những lo toan đó, bằng cách lấy ví dụ về các nhận định văn học nổi tiếng, và hướng dẫn cho các bạn cách để đưa các nhận định này vào bài viết.

1. 100 câu nhận định lý luận văn học về văn xuôi

1. “Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm.”

(Hoài Thanh)

2. “Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn...”

(Theo Giông, Thạch Lam)

3. “Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy.”

(Sê-khốp)

4. “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại.”

(Ban-dắc)

5. “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng.”

(Charles DuBos)

6. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp.”

(Ăi-ma-tốp)

8. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lí.”

(M. Go-rơ-ki)

9. “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than.”

(Trăng sáng, Nam Cao)

10. “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người.”

(Nguyễn Văn Siêu)

11. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên trái đất.”

(Béc-tôn Brếch)

12. “Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ.”

(Thạch Lam)

13. “Sống đã rồi hãy viết, hãy hoà mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân.”

(Nam Cao)

14. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp...”

(Nguyễn Tuân)

15. “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn.”

(Nguyễn Khải)

16. “Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung.”

(Lê-ô-nít Lê-ô-nốp)

17. “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình.”

(Ivan Tuốc-ghe-nhép)

18. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ.”

(Sê-khốp)

19. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.”

(Raxun Gamzatốp)

20. “Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dừng cảm cùng có trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người.”

(Sô-lô-khốp)

21. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.”

(M. L. Kalinine)

22. “Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống.”

(Gioóc-giơ Đuy-a-men)

23. “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kì một câu trả lời cận kề nào.”

(Claudio Magris – Nhà văn Ý)

24. “Một tác phẩm nghệ thuật phải là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng báí ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.”

(L. Tôn-xtôi)

25. “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.”

(Thạch Lam)

26. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật. để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.”

(Thạch Lam)

27. “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.”

(Lê Ngọc Trà)

28. “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn.”

(Nam Cao)

29. “Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện.”

(Đời thừa, Nam Cao)

30. “Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích... thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hoà cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra...”

(M. Go-rơ-ki)

31. “Thi sĩ là một con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình.”

(Selly)

32. “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.”

(An-đéc-xen)

33. “Văn học, nghệ thuật là công cụ để hiểu biết, để khám phá, để sáng tạo thực tại xã hội.”

(Phạm Văn Đồng)

34. “Tu tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nổi thông thường đó là “tình thương, lòng thương người”.

(Lê Trí Viễn)

35. “Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người.”

(Đặng Thai Mai)

36. “Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm.”

(Pautôpxki)

37. “Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.”

(Tổ Hữu)

38. “Nhà văn là người cho máu.”

(Enxa Triole)

39. “Văn học là nhân học.”

(M. Go-rơ-ki)

40. “Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng.”

(M. Go-rơ-ki)

41. “Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc.”

(Phương Lựu)

42. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình.”

(Sách Lí luận văn học)

43. “Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới vẽ ra.”

(Hê-ghen)

44. “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật.”

(Ai-ma-tốp)

45. “Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người.”

(Nguyễn Minh Châu)

46. “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt, nông cạn. Nhà văn không bẻ nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người... Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian...”

(Sách Lí luận văn học)

47. “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời.”

(Vũ Trọng Phụng)

48. “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.”

(M. Go-rơ-ki)

49. “Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người.”

(Einstein)

50. “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhũn nhối của tôi.”

(Nguyễn Hồng)

51. “Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn.”

(Thạch Lam)

52. “Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên.”

(Pu-skin)

53. “Đau đớn thay cho những kiếp sông muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cơn áo ghi sát đất...”

(Sông mơn, Nam Cao)

54. “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại.”

(Đặng Thai Mai)

55. “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình.”

(Sách Ngữ văn 12)

56. “Đồng tiền lăn tròn trên lưng con người. Đồng tiền làm cho trái hoá phải, đen hoá trắng và người đàn bà goá phụ trở thành cô dâu mới.”

(Giá trị của đồng tiền trong Truyện Kiều, Sếch-xpia)

57. “Yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống là chất liệu của văn học.”

(M. Go-rơ-ki)

58. “Ngôn ngữ của tác phẩm phải gãy gọn, chính xác, từ ngữ phải được chọn lọc kỹ càng. Chính các tác giả cổ điển đã viết bằng một ngôn ngữ như vậy, đã kế tục nhau trau dồi nó từ thế kỉ này sang thế kỉ khác.”

(M. Go-rơ-ki)

59. “Ngôn ngữ nhân dân là “tiếng nói nguyên liệu” còn ngôn ngữ văn học là “tiếng nói đã được bàn tay thợ nhào luyện”...”

(M. Go-rơ-ki)

60. “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó.”

(Biêlinxki)

61. “Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bị thâm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời.”

(Trích trong Nhật kí của Nguyễn Văn Thạc)

62. “Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ.”

(Đô-xtôi-ép-xki)

63. “Điều duy nhất có giá trị trong cuộc đời chính là những dấu ấn của tình yêu mà chúng ta đã để lại phía sau khi ra đi.”

(Albert Schweitzer)

64. “Nhà văn phải là người đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người.”

(Nguyễn Minh Châu)

65. “Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những con người bị cùm đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đoạ đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực.”

(Nguyễn Minh Châu)

66. “Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương.”

(Bạch Cư Dị)

67. “Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hoá hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kì, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người.”

(Maxin Malien)

68. “Tôi muốn tác phẩm của tôi giúp mọi người trở nên tốt, có tâm hồn thuần khiết, tôi muốn chúng góp phần gợi dậy tình yêu con người, đồng loại và ý muốn đấu tranh mãnh liệt cho những lí tưởng của chủ nghĩa nhân đạo và sự tiến bộ của loài người.”

(Sô-lô-khốp)

69. “Nói tới giá trị nhân đạo là nói tới thái độ của người nghệ sĩ dành cho con người mà hạt nhân căn bản là lòng yêu thương con con người.”

(Tư điển văn học)

70. “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu.”

(L. Tôn-xtôi)

71. “Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người.”

(Đặng Thai Mai)

72. “Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người.”

(Lê Trí Viễn)

73. “Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người.”

(Sê-khốp)

74. “Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người.”

(Hoài Chân)

75. “Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm.”

(Hoài Thanh)

76. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo.”

(Nguyễn Ngọc)

77. “Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả.”

(Nguyễn Đình Thi)

78. “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng.”

(Charles DuBos)

79. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp.”

(Ai-ma-tốp)

80. “Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ.”

(Thạch Lam)

81. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh khó trở thành nhà văn thực thụ.”

(Sê-khốp)

82. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.”

(M. L. Kalinine)

83. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình.”

(Sách Lí luận văn học)

84. “Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người.”

(Nguyễn Minh Châu)

85. “Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lỗ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận.”

(Nguyễn Tuân)

86. “Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật.”

(Nguyễn Tuân)

87. “Như một hạt giống vô hình, tư tưởng gieo vào tâm hồn nghệ sĩ và từ mảnh đời màu mỡ ấy nó triển khai thành một hình thức xác định, thành các hình tượng nghệ thuật đầy vẻ đẹp và sức sống.”

(Biêlinxki)

88. “Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cảm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống.”

(Nguyễn Minh Châu)

89. “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người. Mỗi tác phẩm văn học chỉ là một lát cắt, một tờ biên bản của một chặng đời sống con người ta, trên con đường dài dằng dặc đi đến cõi hoàn thiện.”

(Nguyễn Minh Châu)

90. “Một tác phẩm nghệ thuật chân chính không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng.”

(Con tàu trắng, Ai-ma-tốp)

91. “Văn học nằm ngoài các định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.”

(Sê-đrin, Nga)

92. “Văn học là tấm gương lớn di chuyển dọc theo đường đời.”

(Xtăng-đan)

93. “Một chữ tình để duy trì thế giới/ Một chữ tài để tỏ điểm cần khôn.”

(Trương Trào, Trung Quốc)

94. “Người làm văn tình cảm rung động mà phát ra lời, người xem văn phải rẽ văn để thâm nhập vào tác phẩm.”

(Văn tâm điều long, Lưu Hiệp)

95. “Văn học là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật, hay thành ông Thánh vô duyên, vô bổ. Văn học là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người. Cái cốt lõi của văn học là tính nhân đạo.”

(Nguyễn Ngọc)

96. “Tác phẩm văn học sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả... nếu nó không là tiếng hét khổ đau hay là lời ca tụng hân hoan; nếu nó không đặt ra những câu hỏi và không trả lời những câu hỏi ấy.”

(Biêlinxki)

97. “Mọi lí thuyết chỉ là màu xám, chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi.”

(Gót)

98. “Văn học đối với tôi là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới.”

(Pau-tốp-xki)

99. “Chỉ có tác phẩm nghệ thuật nào truyền đạt cho mọi người những tình cảm mới mà họ chưa từng thể nghiệm thì mới là tác phẩm nghệ thuật đích thực.”

(Lép-Tôn-xtôi)

100. “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.”

(Hồ Chí Minh)

2. 80 nhận định về thơ

1. Andexen đã lượm lặt những hạt thơ trên luống đất của người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp liêu, từ đó lớn lên và nở ra những đóa hoa thơ tuyệt đẹp, chúng an ủi trái tim những người cùng khổ.

(Pauxtopxki)

2. Nhà thơ như con ong biển trăm hoa thành mật ngọt

3. Mỗi giọt mật thành đời vạn chuyển ong bay.

(Chế Lan Viên)

4. Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi.

5. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang.

(Chế Lan Viên)

6. Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bẻ gãy sinh sôi.

(Puskin)

7. Thơ ca mang đến cho con người những điều kỳ diệu

8. Người giai nhân: bên đợi dưới cây già . Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

(Xuân Diệu)

10. Thơ ca mang đến cho con người những điều kỳ diệu.

11. Thi ca là một tôn giáo không kì vọng

12. Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm.

(Voltaire)

13. Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời.

(Sóng Hồng)

14. Thơ là thần hứng.

(Platon)

15. Thơ là ngọn lửa thần.

(Decgiavin)

16. Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình.

(C. Mac)

17. Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật.

(Bêlinxki)

18. Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy.

(Phạm Văn Đồng)

19. Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi

20. Còn một nửa để mùa thu làm lấy

21. Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá

22. Nó không là anh nhưng nó là mùa.

(Chế Lan Viên)

23. Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.

(Raxun Gamzatop)

24. Thơ chỉ bật ra trong tim khi cuộc sống đã thật tràn đầy.

(Tổ Hữu)

25. Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ. (,

Maiacopxki)

26. Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gọi.

(Lưu Trọng Lư)

27. Cái kết tinh của mỗi vần thơ và muối bể 28. Muối lắng ở ô nẻ, thơ đọng ở bề sâu.

(Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên)

29. Hình thức cũng là vũ khí

30. Sắc đẹp câu thơ cũng phải đấu tranh cho chân lí.

(Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên)

31. Đời thi sĩ là thơ, như đời một nông dân là lúa

32. Nhan sắc của viên ngọc ư! Có khi là nhiệm vụ nó đẩy rồi.

(Sở tay thơ – Chế Lan Viên)

33. Câu thơ phải luôn bất ổn và xôn xao

34. Không thể nằm yên mà ngủ được nào.

(Chế Lan Viên)

35. “Ta là ai?” Như ngọn gió siêu hình 36. Câu hỏi hư vô thổi nghìn nền tắt

37. “Ta vì ai?” Khẽ xoay chiều ngọn bút

38. Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh.

(Chế Lan Viên)

39. Thi sĩ là con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình.

(B. Shelly)

40. Đẽ trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.

(Nguyễn Cư Trinh)

41. Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm.

(Leonardo DeVinci)

42. Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử.

(Shelly)

43. Thơ là rượu của thế gian.

(Huy Trục)

44. Trong tâm hồn của con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được.

(Nhêcoraxop)

45. Trên đời có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ.

(Maiacopxki)

46. Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng.

(Bêlinxki)

47. Thơ là chuyện đồng điệu.

(Tổ Hữu)

48. Thơ là tiếng gọi đàn.

(Xuân Diệu)

49. Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.

(Sóng Hồng)

50. Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay giọt nước mắt đắng cay. (Raxun Gamzatôp) 51. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại...

(LLVH)

52. Tôi thu thập hình tượng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu trên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.

(P. Povienko)

53. Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương.

(Pauxtopxki)

54. Thơ là bà chúa của nghệ thuật.

(Xuân Diệu)

55. Thơ là tiếng nói của tri âm.

(Tổ Hữu)

56. Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ.

(Etga Pô)

57. Thơ ca phải say mới thích.

(Tổ Hữu)

58. Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerô đến kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế.

(Hoài Thanh)

59. Thơ chính là tâm hồn.

(M. Gorki)

60. Thơ là thơ đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng.

(Sóng Hồng)

61. Thơ là tiếng lòng.

(Diệp Tiếp)

62. Thơ là thư kí chân thành của trái tim.

(Duy bra lay)

63. Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Để đạt được một lúc ba điều ấy đối với các thi sĩ vẫn còn là điều bí mật.

(Trần Đăng Khoa)

64. Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.

(Sóng Hồng)

65. Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình.

(Tổ Hữu)

66. Hãy hát lên khi mỗi mảnh hồn anh là một sợi dây đàn

(Platông)

67. Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa.

(Xuân Diệu)

68. Thơ cũng như nhạc có thể trở thành một sức mạnh phi thường khi nó chinh phục được trái tim của quần chúng nhân dân.

(Sóng Hồng)

69. Câu thơ hay là câu thơ có khả năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người.

(Chu Văn Sơn)

70. Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ.

71. Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống trang bản thảo. Hạt ngọc mới nháy của mình tìm được do phong cách riêng của mình mà có.

(Tô Hoài)

72. Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời.

(Tổ Hữu)

73. Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.

74. Thơ là tâm hồn, tình cảm. Nó diễn đạt rất thành công mọi cung bậc tình cảm đa dạng và phong phú của con người: niềm vui, nỗi buồn, sự cô đơn, tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, nổi trăn trở, băn khoăn, sự hồi hộp, pháp phông, một nỗi buồn vu vơ. Một nỗi niềm băng khuâng khó tả, một sự run rẩy thoáng qua, một phút chốc ngán ngờ... Có những tâm trạng và cung bậc tình cảm của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ. Chính vì thế thơ không chỉ nói hộ lòng mình, thơ còn là sự an ủi, vỗ về, động viên khích lệ người ta đứng dậy đi tới.

75. Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ.

(Eptuscencô)

76. Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong.

(R.Tagore)

77. Thơ phát khởi trong lòng người ta.

(Lê Quý Đôn)

78. Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần.

(Ngô Thì Nhậm)

79. Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự sáng tạo không trở thành anh hùng chủ nghĩa.

(Xuân Diệu)

80. "Cái cảm hoá được lòng người chẳng gì trọng yếu bằng tình cảm, chẳng gì đi trước được ngôn ngữ, chẳng gì gần gũi bằng âm thanh, chẳng gì sâu sắc bằng ý nghĩa. Với thơ, gốc là tình cảm, mầm lá là ngôn ngữ, hoa là âm thanh, quả là ý nghĩa".

(Bạch Cư Dị)

3. Nhận định về chức năng của Văn học

1. Anh chỉ mong câu thơ anh sống khỏi một đêm, có ích quá một ngày

Đúng cái đêm bà mẹ chết con cần một câu thơ cho đỡ khổ

Đúng cái ngày người chiến sĩ trên chiến hào ôm xác bạn ngã vào tay.

(Thơ bình phương - Đời lập phương)

2. Khi nào những người đàn ông còn sa đọa vì bản sức lao động, khi những người đàn bà còn trụ lạc vì đói khát, khi trẻ thơ còn cần cỗi vì tăm tối thì cuốn sách này còn có ích"

(Victor Hugo tựa "Những người khôn khổ")

3. "Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý"

(M. Gorki)

4. "Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc biệt mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn".

(Thạch Lam)

5. Mục đích chính của nghệ thuật là nói lên sự thật về tâm hồn con người. Nghệ thuật là chiếc kính hiển vi mà người nghệ sĩ dùng để soi vào những điều bí ẩn của tâm hồn mình và trình bày những điều bí ẩn chung cho mọi người.

(Lev Tolstoy)

6. Tôi nghĩ nếu vẽ một biểu tượng của nghề viết mà tôi đang đeo đuổi, tôi sẽ vẽ hình ảnh của giọt nước mắt hay gần giống như thế. Bởi văn học vẫn còn những rào cản ngôn ngữ. Khi viết về thân phận, nỗi đau, sự bối rối thường trực của con người trước những biến cố của cuộc đời, tôi luôn ao ước những trang viết của mình có được sự rung cảm như những giọt nước mắt.

(Nguyễn Ngọc Tư)

7. Người đau - dù nỗi đau vì mình hay đau trong sử

Cũng chỉ vì mình là người.

Thơ nói cho ra điều đó.

(Thuốc – Lỗ Tấn)

8. Lật trái trang thơ may ra anh đọc được trên kia đời tôi một ít

Thơ không phản ánh đời mình thì nó cũng phản ánh những mùa hoa

(Dệt thảm)

9. Trước một thế giới tan vỡ hay có nguy cơ tan vỡ. Nhà văn nhặt lại những mảnh vỡ để tái tạo lại chính nó đồng thời kích hoạt những dây đàn cảm xúc của con người.

(Trích dẫn từ bài viết trên Tạp chí sông Hương).

10. Đem ánh sáng vào bóng tối trái tim con người đó là nhiệm vụ của người nghệ sĩ

(Robert Schuman)

11. Bạn dùng gương để ngắm gương mặt mình bạn dùng nghệ thuật để ngắm tâm hồn mình

(George Bernard Shaw)

12. Nhà văn rất cần thiết có mặt ở trên đời để làm công việc cảnh tỉnh nhân loại và báo hiệu trước những tai họa.

(Nguyễn Minh Châu)

13. "Tác phẩm văn học sống và phát sinh không phải là hồi quang của một cái gì khác mà là một cấu trúc khép kín"

(Kayser - nhà lí luận văn học theo chủ nghĩa cấu trúc)

4. *Nhận định về nghệ văn, nhà văn, quá trình sáng tạo và phong cách*

1. "Nước mắt là những từ cần được viết ra"

(Paulo Coelho)

2. Người nghệ sĩ phải tạo ra một tia lửa trước khi có thể nhóm lên ngọn lửa và trước khi nghệ thuật sinh ra, người nghệ sĩ phải sẵn sàng để ngọn lửa sáng tạo của chính mình nuốt trọn.

(Auguste Rodin)

3. "Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức."

(Thạch Lam)

4. "Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn."

(Thạch Lam)

5. "Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn."

(Nam Cao)

6. Không có nỗi đau nào lớn hơn việc mang một câu chuyện chưa được kể trong bạn

(Maya Angelou)

7. Không có thi nhân, không có nghệ sĩ, con người sẽ sớm chán ngấy sự đơn điệu của tự nhiên.

(Guillaume Apollinaire)

8. "Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc."

(Phương Lưu)

9. Tôi có thể rũ bỏ mọi thứ khi viết: Nỗi buồn của tôi biến mất, lòng can đảm của tôi được tái sinh"

(Anne Frank)

10. "Con người ai cũng sống trong hai miền đất: bên trong và bên ngoài. Bên trong là miền đất của tinh thần, được thể hiện qua nghệ thuật, văn học, đạo đức và tôn giáo. Bên ngoài là phức hợp của thiết bị, kỹ thuật, thể chế, và công cụ mà ta dùng để sống"

(Martin Luther King)

11. Trong nghệ thuật, bàn tay không bao giờ có thể tạo ra điều gì cao hơn điều trái tim có thể tưởng tượng.

(Ralph Waldo Emerson)

12. Có lẽ đau khổ lại tốt cho con người. Nhà nghệ sĩ có thể làm gì nếu anh ta hạnh phúc? Anh ta liệu có muốn làm bất cứ điều gì không? Nghệ thuật, rốt cuộc chính là chống lại sự khắc nghiệt của cuộc đời.

(Aldous Huxley)

13. Khi các tác gia qua đời họ trở thành những cuốn sách, một sự tái sinh cũng không quá tệ.

(Jorge Luis Borges)

14. "Mỗi tác phẩm phải là mỗi phát minh về hình thức và khám phá về nội dung"

(Léonit Léonop)

15. "Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình"

(Ivan Tuốc ghê nhi ép)

16. "Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ"

(Sê khốp)

17. "Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là 1 nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp 1 cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình -nghĩa là trở thành nhà thơ"

(Raxun Gamzatop)

18. "Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã , nhưng bao giờ cũng dừng cảm cũng có trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người"

(Sô lô khốp)

19. "Văn học thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học".

(Tố Hữu)

20. "Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cận kề nào".

(Nhà văn đương đại Italia Claudio Magris)

21. "Từ bao giờ đến bây giờ, từ Hômero đến kinh thi đến sa đạo việt nam, thơ vẫn là 1 sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế".

(Thi nhân Việt Nam - Hoài Thanh)

22. "Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy".

(Tố Hữu)

23. "Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì 1 xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại".

(L.Tôn x tôi)

24. "Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn".

(Thạch Lam)

25. "Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc 1 bài học trông nhìn và thưởng thức".

(Theo Giông – Thạch Lam)

36. " Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người .Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi.Nó ca tụng lòng thương,tình bác ái,sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn.". Ngoài ra ông cũng cho rằng : "Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện."

(Đời thừa – Nam Cao)

27. Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật."

(Aimatop)

28. Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người."

(Nguyễn Minh Châu)

29. Thơ là thơ, đồng thời là hoa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng."

(Sóng Hồng)

30. "Nhưng nghệ sĩ không ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình đóng góp vào đời sống chung quanh

(Nguyễn Đình Thi)

5. Nhận định về văn học và hiện thực cuộc sống

1.Tôi không tin vào sự tưởng tượng của tôi được. Tôi cho là dù tài hoa đến mấy thì cái chính người viết văn vẫn phải là chất sống

(Bùi Hiền)

2. Đừng bao giờ lười biếng nằm ỳ ra trên một cách viết như một sự tự khuôn mình và cũng đừng bao giờ để cho văn chương trở nên xa lạ với đời sống của dân tộc mình

(Nguyễn Công Hoan)

3. Gieo vắn như thể tay gieo hạt

Nhịp sống làm nên những nhịp thơ

(Huy Cận)

4. Sự thực trên từng dòng, từng trang thấy cả cuộc đời của người cầm bút từ khi còn tấm bé đều được huy động. Toàn bộ cuộc đời anh đều có in dấu trên trang sách.

(Nguyễn Minh Châu)

5. Tác giả tôi không sống trên ngọn hải đăng tỏa ánh trong sạch phát hiện cái đơ bản ở quanh mình, để rồi khi sáng ngời lên vì trong sạch anh ta lên tiếng mắng chửi cái đơ bản ấy. Tác giả tôi sống trên đất đã làm nên anh ta, đau nỗi đau của đất đã làm nên anh ta

(Henrich Boll)

6. Đi ra, lấy cuộc đời dân làm cuộc đời mình

Con nắng, con mưa làm điều suy nghĩ

Một tiếng chim gù cũng đến nơi rừng lạ để mà nghe.

(Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...)

7. Tác phẩm nghệ thuật là một hình ảnh thực tại, nhưng đó là hình ảnh có linh hồn mà chính cái linh hồn này mới làm cho tác phẩm sống. Nghĩa là dù trải qua thời gian vẫn gây được xúc động trong lòng người.

(Nguyễn Đình Thi)

8. Mỗi bài thơ mà hôm nay tôi trao vào tay bạn đọc thân mến là nảy sinh cùng với mầm mống trên cái cây xao động của cuộc đời đang nở hoa. Coi thường quyển sách này sẽ là tàn nhẫn bởi vì nó gắn liền khăng khít với bản thân cuộc đời tôi.

(Lorca)

9. Chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những câu đẹp đẽ

(Nguyễn Tuân)

10. Nếu không chia sẻ với nhân dân trong lửa đạn thì lấy vốn trung thực ở đâu cho tâm hồn mà cầm bút

(Xuân Diệu)

11. Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người.

(Nadim – Hichmet)

12. Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó

(Belinxki).

13. Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ ngoài kia thoát ra từ những kiếp lầm than

(Nam Cao)

14. Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân

(Tố Hữu)

15. Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra ra

(Andecxen)

16. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học

(Tố Hữu)

17. Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách thời hợt hời hợt. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của quá trình nuôi dưỡng cảm hứng thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn sinh động, thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người. Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thật sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi chính sức sống lâu bền bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp 1 giai cấp một thời đại thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại có ý nghĩa nhân loại vĩnh cửu sống mãi với thời gian.

(Sóng Hồng)

18. Các ông muốn tiểu thuyết gì là tiểu thuyết, tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là sự thật ở đời

(Vũ Trọng Phụng)

19. Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy là cuộc sống - trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu bức bối tuổi hồ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại

(Đặng Thai Mai)

20. Văn học thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có

(Tố Hữu)

- Quan niệm về văn chương của các nhà văn, nhà thơ
a, Tổng hợp 19 quan niệm về văn chương của các nhà văn, nhà thơ

1.

“Thơ là thơ, muôn tuổi vẫn xuân xanh.

Thơ là thơ, tiếng nói của tâm tình

Tình khô cạn thì thơ đâu còn nữa

Người trăm tuổi như thơ thì vạn thuở

Vẫn trẻ trung hơn hớ tuổi đôi mươi.

Thơ là thơ đâu sống kiếp con người

Thẽ xác chết nhưng hồn thơ bất diệt.”

(Bàng Bá Lân)

2.

Giữa hai vùng tối sáng

Thì nhân bước lên cầu

Gió với bao đáng tiếc

Sắp ngã dạt về đâu

(Hữu Thịnh)

3.

Là nhà thơ nên hay nghĩ hay lo

Người chưa khổ thì anh đã khổ

Tim mang nặng những sầu thương vạn cổ

Anh khóc than ngay trước cổng Thiên đường.

(Anh Ngọc)

4.

Tùng con chữ knock-out trên trang giấy

Tôi chiến thắng cũng chính tôi chiến bại

Dù khôn ngoan vẫn là khờ dại

Trơ trọi một mình gặm nhấm buồn vui

(Lê Minh Quốc)

5.

Nhà thơ lớn ư? Là để cho nhân loại yêu mình bằng mọi cách
 Khi nâng niu. Khi thì hạch sách
 Khi dày vò mỗi chữ
 Khi trân trọng ngắm từ xa
 Nhà thơ vẫn vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa
 Yêu mà!

(Chế Lan Viên)

6.

Anh chỉ mong câu thơ anh sống khỏi một đêm, có ích quá một ngày
 Đúng cái đêm bà mẹ chết con cần một câu thơ cho đỡ khổ
 Đúng cái ngày người chiến sĩ trên chiến hào ôm xác bạn ngã vào tay.

(Chế Lan Viên)

7.

Chợt một ngày tôi nhận ra tôi
 Từng lang thang dưới bầu trời chữ nghĩa
 Tôi nghe được tiếng hát của mưa
 Tiếng cười của nắng
 Tiếng nói của cỏ cây...
 Tôi nghĩ thế giới này có thể mất đi
 Nhưng còn lại vẫn thơ nhân cách.

(Phùng Hiệu)

8. Tác giả tôi không sống trên ngọn hải đăng tỏa ánh trong sạch phát hiện cái dơ bẩn ở quanh mình, để rồi khi sáng ngời lên vì trong sạch anh ta lên tiếng mắng chửi cái dơ bẩn ấy. Tác giả tôi sống trên đất đã làm nên anh ta, đau nỗi đau của đất đã làm nên anh ta

(Henrich Boll)

9. Tôi nghĩ nếu vẽ một biểu tượng của nghề viết mà tôi đang đeo đuổi, tôi sẽ vẽ hình ảnh của giọt nước mắt hay gần giống như thế. Bởi văn học vẫn còn những rào cản ngôn ngữ. Khi viết về thân phận, nỗi đau, sự bối rối thường trực của con người trước những biến cố của cuộc đời, tôi luôn ao ước những trang viết của mình có được sự rung cảm như những giọt nước mắt.

(Nguyễn Ngọc Tư)

10.

Anh là người định vực sự sống ba chiều

Lên trang thơ hai mặt phẳng.

(Chế Lan Viên)

11.

Như cốm mùa thu nằm mát giữa tờ sen

Màu xanh của cốm nắng trời chừng dịu lại

Những yêu thương của lòng tôi, tôi gói

Trong lá thơ vừa hái ở đời lên

(Chế Lan Viên)

12. Trước một thế giới tan vỡ hay có nguy cơ tan vỡ, nhà văn nhặt nhanh những mảnh vỡ để tái tạo lại chính nó đồng thời kích hoạt những dây đàn cảm xúc của con người.

13. Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng 6 lần xích đạo trong 1 năm 3 tháng và đậu lên 7 triệu bông hoa để làm nên 1 gam mật

(Povlenko)

14. Máu đã khô rồi, thơ cũng khô

(Hàn Mặc Tử)

15. Dù mất lòng tin vào văn chương bao nhiêu, tôi cho rằng con người vẫn không thoát khỏi những khao khát và suy tư về thứ văn chương thực sự cần thiết, vừa xứng đáng vừa khích lệ đời sống con người.

(Phạm Thị Hoài)

16.

Trái Đất rộng thêm một phần vì bởi các trang thơ

Vì diện tích tâm hồn các nhà thi sĩ

(Chế Lan Viên)

17. Nhà văn rất cần thiết có mặt ở trên đời để làm công việc cảnh tỉnh nhân loại và báo hiệu trước những tai họa.

(Nguyễn Minh Châu)

18. Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa.

(Xuân Diệu)

19. Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập

(Marcel Proust)

20. Khi nào những người đàn ông còn sa đọa vì bán sức lao động, khi những người đàn bà còn truy lạc vì đói khát, khi trẻ thơ còn cần cỗi vì tăm tối thì cuốn sách này còn có ích"

(Victor Hugo tựa "Những người khốn khổ")

21. Chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những cái đẹp để

(Nguyễn Tuân)

19.

Mây trôi bằng gió của trời

Là ta ta hát những lời của ta

(Nguyễn Duy)

b, Quan niệm của Tô Hoài về văn chương

1. "Nếu ngôn ngữ ví là cái áo của tư duy thì nhân vật là hình thù con người mặc cái áo ấy"
2. "Nhân vật là nơi tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác. Nhân vật thường quyết định sự thành bại của tác phẩm."
3. "Câu chuyện thành công thì nhân vật phải đặt ở hàng đầu vì nhân vật hay thì câu chuyện mới hay"
4. "Sáng tác chính là tái hiện sự sống nhưng không phải là làm sống lại một cách tự nhiên mà trong nhiệm vụ sáng tác còn mang phần "trang điểm cho sự sống"
5. "Muốn viết được, nhất thiết phải biết quan sát để ẩn sâu thêm trí nhớ, giúp sức cho trí tưởng tượng. Cái cách, cái lối quan sát ấy không có gì đặc biệt và bí ẩn. Đó chỉ là thói quen mài giũa cái nhìn, cái nghe, cái nghĩ, đó là việc bắt sức óc chăm chú tìm tòi ra sự chuyển động của mọi vật"
6. "Tôi thường đề chừng một thói quen dễ mắc: sáng tạo trên cơ sở tiếng nói của quần chúng nhưng tuyệt nhiên không phải là bắt chước, là nhại quần chúng. Học tinh hoa tiếng nói, đưa tinh hoa tiếng nói quần chúng thành phong cách văn mình"

7. "Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống những trang bản thảo, phải là hạt ngọc mới nhất của mình tìm được, do phong cách văn chương của mình mà có. Trang sách mà không có ngọc, trang bản thảo mà không có chữ thần, không có tinh hoa, thì cái hồn tác phẩm, từ tư tưởng đến nhân vật, tất cả bao nhiêu ước vọng và khát khao mà ta gửi gắm vào sáng tác biết lấy gì cho sống được."

8. "Mỗi nhà văn bước vào nghề một cách thì mỗi nhà văn có một lối đi của mình. Cùng một ý tưởng nhưng mỗi người một lối viết, lối cảm nghĩ, một tâm hồn, đó là quang cảnh trăm hoa trong văn học"

9. Người viết văn cũng như ông thầy lang, như nhà bào chế, càng sẵn đầu vị thuốc tốt trong ô càng dễ pha chế được như ý.

10. Người viết có con mắt nhìn sáng rõ mục đích viết để bắt được ý chính của tác phẩm luôn luôn theo một mục đích đó.

11. Người viết văn phải thấy sáng tác là một hình thái lao động dù hình thái đó có phần đặc biệt, nhưng viết văn chính là hình thức lao động

c, Quan niệm của Nguyễn Tuân về văn chương

1. "Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần sự độc đáo hơn trong bất kỳ lĩnh vực nào khác"

2. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp.

3. Nghề văn là một cái gì đối lập với tính vụ lợi kiểu con buôn, và ở đâu có đồng tiền phàm tục thì ở đấy không thể có cái đẹp.

4. "Nghề văn là nghề của chữ ... Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự".

5. Tôi quan niệm đã viết văn thì phải cố viết cho hay và phải viết đúng cái tạng của mình. Văn chương cần có sự độc đáo hơn trong bất kỳ lĩnh vực nào.

d, Quan niệm của Nguyễn Minh Châu về văn chương

1. "Nhà văn không có quyền nhìn sự vật một cách đơn giản, và nhà văn cần phải đầu để đào xới bản chất con người vào các tầng sâu lịch sử"

2. Cái nghề viết văn là nghề các cố. Cái sự các cố ở đây hàm chứa cả về nỗi niềm khắc khoải sâu xa và chân thành của người nghệ sĩ đối với những bước thăng trầm của quê hương, của đất nước lẫn sự nhạy cảm của anh ta đối với những biến chuyển phức tạp của đời sống xã hội.

3. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cảm giữ cái tình yêu ấy trong mình,

nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống.

4. Nhà văn rất cần thiết có mặt ở trên đời để làm công việc cảnh tỉnh nhân loại và báo hiệu trước những tai họa.

5. Sự thực trên từng dòng, từng trang thấy cả cuộc đời của người cầm bút từ khi còn tấm bé đều được huy động. Toàn bộ cuộc đời anh đều có in dấu trên trang sách.

6. “Nhà văn tồn tại ở trên đời có lẽ trước hết là vì thế: để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những người cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn con người ta đến chân tường”... để bênh vực cho những con người không còn ai để bênh vực”.

7. Tôi không nhiệt tình lôi kéo bất kỳ ai, thuyết phục bất kỳ ai về một vấn đề gì mà mình vốn hằng tin. Hãy để cho mỗi người tự đi tìm lấy lẽ phải trái cũng như chân lý và đức tin.

8. Muốn có tác phẩm lớn, nhưng liệu chúng ta có chấp nhận nổi những tính cách ngòi bút của một nghệ sĩ lớn với tâm tư tưởng lớn mà tôi nghĩ bao giờ nó cũng quá chói sáng, với những điều nói thật không phải bao giờ cũng dễ nghe, thậm chí có thể làm đảo lộn mọi quan niệm, với những nỗi dằn vặt, băn khoăn lớn chung quanh cái bề mặt nhẵn tiền và tận chín tầng đất sâu của cuộc sống con người trên dải đất này.

9. Trước những bất công, trước cái ác, anh không có quyền dửng dưng, thấy kệ khi con người bị dày dọ, và công việc đó phải là phản ứng tự nhiên của nhà văn”

10. Nghệ thuật nhìn trở lại cuộc sống, nghệ thuật không bao giờ chết. Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một cái nhìn: sự trường tồn ấy mãi mãi đang nhìn vào khoảnh khắc thực tại. Cái vĩnh cửu đang nhìn cái khoảnh khắc.

11. Văn học bao giờ cũng phải trả lời những câu hỏi của ngày hôm nay, bao giờ cũng phải đối thoại với những người đương thời về những câu hỏi cấp bách của đời sống”.

e. Quan niệm của Nguyễn Huy Thiệp về văn chương

1. “Mỗi người chỉ có một số kiếp và một cõi sống và chính điều đó làm cho lòng ta run lên vì cảm giân. trong tác phẩm của mình những nhà văn giỏi bao giờ cũng có một chút muối rắc đầu đó trên từng trang viết. Muối xát lòng người đọc một thì xát lòng người viết ra nó mười lần.”

2. “Tôi nghĩ có lẽ sức truyền cảm cô đúc trong các con chữ ở những nhà văn lương thiện chính là sự ráo riết ý nghĩa ở từng con chữ ấy. Đây chính là cái đẹp vì từ lâu người ta đã coi cái Đẹp là sự sống và sự giản dị là điều kiện thiết yếu của nó.”

3. “Nhà văn trước sau gì vẫn phải – và chỉ là người đi tìm Đạo mà thôi. Anh ta đại dột chạy té lên trước đề vén tấm màn vô thức lên cho mọi người cảm thấy, trông thấy rồi sau đó để họ về nhà, họ ngẫm nghĩ và ý thức để sống cuộc đời của họ sao cho có Đạo.”

4. “Công việc của nhà văn bắt đầu từ đâu? Tôi nghĩ rằng phải bắt đầu từ việc nghiên cứu bạn đọc, đúng hơn là phải nghiên cứu tâm lý dân tộc trong cả một khoảng thời gian dài. Trên cơ sở đó nhà văn dọn ra món ăn tinh thần cho cả thời đại mình. Lúc ấy tác phẩm của anh mới là một tác phẩm xứng đáng. Tính chất hợp thời của một nhà văn đáng kể ở chỗ này.”

5. “Văn học nước ta mới hình thành chưa được 100 năm. Đã đến lúc văn học phải bước những bước chính xác trên hành trình gian khổ của nó. Chính xác cũng là một trong những điều kiện thiết yếu của cái đẹp.”

6. “Đối tượng của văn học là con người. Văn học là khoa học về con người. Tôi không tin những nhà văn không có lý lẽ xác đáng về con người có thể viết hay được.”

7. “Cách đây hai trăm năm, Diderot đã chỉ rõ: “Cái thật, cái tốt và cái đẹp khăng khít với nhau”. Tư tưởng đó đúng với mọi giá trị hàng hóa, trong đó có văn chương.”

8. “Những nhà văn thiên tài hầu hết phải trải qua những tình huống hết sức oái oăm trong số phận của mình. Những khát khao đều phải trả giá. Những khát khao của cá nhân nhà văn phù hợp với khát khao của nhân loại thì nhà văn sẽ làm lễ đăng quang cùng nhân loại. Ngược lại những khao khát của cá nhân nhà văn bệnh hoạn thì bệnh hoạn sẽ làm ma hậu hĩ cho anh.”

9. “Tôi viết bài này với đức tin văn học có ích thật sự và mang lại niềm vui thật sự cho con người. Tôi cũng giữ đức tin văn học là một sự nghiệp cao cả.”

10.

“Chạy đi sông ời

Băn khoăn làm gì?

Rồi sông đã hết

Anh hùng còn chi?...”

II – CÁCH ĐƯA NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT (dành riêng cho lớp 12)

1. Tuyên ngôn độc lập – Hồ Chí Minh

a, Nhận định về Tuyên ngôn độc lập và Hồ Chí Minh

1. Bác có nói: “Tôi tuy viết nhiều nhưng chưa lần nào tạo được bài viết hữu ích như lần này”

2. “Những ai muốn biết thế nào là một con người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở nơi nào, mùa xuân ở đâu, xin mời đến thăm cuộc đời của chủ tịch Hồ Chí Minh, sự hiện diện mẫu mực của một con người anh hùng của thời đại...”

(Rờ - nê Ê Ê Pê - stre - Cu BaBa)

3. “Bản “Tuyên ngôn Độc lập” là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”.

(Trần Dân Tiên)

4. “Cách lập luận của Hồ Chí Minh về phía ta như một trái táo còn về phía kẻ thù nó giống như một trái lựu đạn nhét vào cổ họng chúng. Nuốt không vô mà khạc cũng không ra”.

(Chế Lan Viên)

5. “Tài nghệ ở đây là dàn dựng một hệ thống lập luận chặt chẽ, đưa ra những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được. Và đằng sau những lí lẽ ấy là một tâm tư tưởng, văn hoá lớn, đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc và nhân loại”.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

6. “Về văn phong cách nói và cách viết của chủ tịch Hồ Chí Minh rất độc đáo: Nội dung khẳng khái, thâm thía và đi sâu vào tình cảm con người, chinh phục cả trái tim và khối óc con người ta. Hình thức sinh động, giản dị, giàu tính dân tộc và tính nhân dân”.

(Đồng chí Trường Chinh)

7. Người ta gọi “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là “thiên cổ hùng văn”. Cũng có thể nói như thế về bản Tuyên ngôn Độc lập” của chủ tịch Hồ Chí Minh.

(GS Nguyễn Đăng Mạnh)

8. “Đoạn mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết rất cao tay: vừa khéo léo vừa kiên quyết lại hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc”.

9. “Đó là một văn kiện lịch sử của mọi thời đại”.

10. “Đó là một áng văn chương chính luận mẫu mực”.

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

+ Đề bài:

Kết thúc bản “Tuyên ngôn Độc lập”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Dựa vào những hiểu biết về tác phẩm “Tuyên ngôn Độc lập”, anh (chị) hãy phân tích đoạn văn trên để làm sáng tỏ những tư tưởng lớn của Người.

Mở bài:

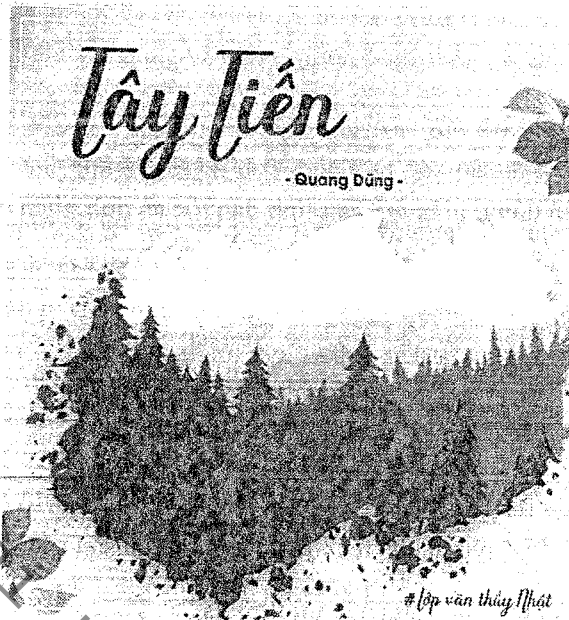
“Tuyên ngôn độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *áng văn chính luận mẫu mực*, là bản khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra một kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. Kết thúc bản “Tuyên ngôn Độc lập”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Đây là một lời tuyên bố đanh thép và hùng hồn, đã kết tinh một cách sáng ngời những tư tưởng nhân văn và khát vọng độc lập tự do của dân tộc.

Kết bài:

“Tuyên ngôn Độc lập” xứng đáng là một áng “*thiên cổ hùng văn*”. Nó đã kế tục truyền thống vinh quang của “Nam quốc sơn hà” và “Bình Ngô đại cáo”. Nó là lời nước non cao cả và thiêng liêng, thể hiện sâu sắc tư tưởng vĩ đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đọc đoạn văn cuối bản “Tuyên ngôn Độc lập”, chúng ta càng thấm thía tự hào về độc lập, tự do mà dân tộc ta đã

giành được bằng xương máu của bao thế hệ, của bao anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống cho chúng ta được tự do như ngày hôm nay.

2. Tây Tiến – Quang Dũng



a, Nhận định về Tây Tiến và Quang Dũng

1. "... Tây Tiến là sự tiếp tục của một dòng thơ lãng mạn nhưng đã được tác giả thổi vào hồn thơ rất trẻ, rất mới, khác hẳn những tiếng thơ bi lụy náo nùng. Cũng khơi nguồn cảm hứng từ một thời gian khổ và oanh liệt của lịch sử đất nước nhưng Tây Tiến đã được thể hiện một cách đặc sắc qua ngòi bút Quang Dũng, với một tâm trạng cụ thể- nỗi nhớ đồng đội trong đoàn quân Tây Tiến. Chính niềm thương nhớ da diết và lòng tự hào chân thành của tác giả về những người đồng đội của mình đã khiến người đọc của nhiều thế hệ rung cảm sâu xa và đó cũng chính là âm hưởng chủ đạo của bài thơ này..."

(Vũ Thu Hương, in trong Về đẹp văn học cách mạng).

2. "... Tây Tiến- tượng đài bất tử về người lính vô danh..."

(Vũ Thu Hương).

3. "... Tây Tiến ... nơi mà con người Tây Tiến, chiến sĩ Tây Tiến, núi rừng Tây Tiến đã vượt ra ngoài những cảm quan ban đầu của hồn thơ Quang Dũng để đến với đại ngàn thi hứng. Nơi ấy, cuộn cuộn dòng chảy lạnh lùng và đa tình, hiện thực và lãng mạn, bi và tráng. Một Tây Tiến không chỉ níu kéo bước chân người lính trong nỗi niềm nhớ... Tất cả đều gợi ấn tượng của sự "lạ hóa", của những vẻ đẹp kì ảo khó gọi tên..."

(Đinh Minh Hằng, in trong Về đẹp văn học cách mạng)

4. "...Tây Tiến- sự thăng hoa của một tâm hồn lãng mạn."

(Đinh Minh Hằng)

5. "... Tôi làm bài thơ này rất nhanh. Làm xong, đọc trước đại hội được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt. Hồi đó tấm lòng và cảm xúc của mình ra sao thì viết vậy. Tôi chả chút lị lự gì về thơ cả..."

(Quang Dũng)

6. Nhận xét về Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến, có ý kiến cho rằng: "Một ngọn hút đầy tài hoa vừa khắc họa được cái dữ dội, hào hùng lại vừa diễn tả được cái tươi mát, sâu lắng, đau thương mà không hề bi lụy".

7. Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Điệp, Phó Viện trưởng Viện Văn học cũng từng nhận xét: "Nếu như Chính Hữu viết về những chàng vệ quốc bằng bút pháp hiện thực thì Quang Dũng đã tái hiện vẻ đẹp người lính bằng đôi cánh lãng mạn đem đến men say cho thi tứ, sự bay bổng của hình tượng... Nếu thiếu đi cái chất lãng mạn, "Tây Tiến" cơ hồ sẽ mất đi vẻ đẹp toàn bích của nó."

8. Nhà thơ Văn Long nhận xét: "Nhà thơ Quang Dũng đọc đáo một cách hồn nhiên, ông cứ sống tự nhiên như chim trên trời, cá dưới nước mà thành độc đáo. Bài thơ "Tây Tiến" hội tụ được cả cái bi, cái tráng của thời đại. Cái buồn lãng mạn của người tiểu tư sản, tiểu trí thức do biết mình được đón nhận một chân lý lớn nhưng cũng đồng thời đón nhận một gian nan lớn".

9. Nhà thơ Phan Quế đã từng bình: "Câu thơ như một tuyệt bút thiên nhiên về sông Mã. Tôi chưa đọc câu thơ nào viết về sông Mã hay hơn thế. Âm vang của câu thơ là khí tiết của con sông chiến trận, quả cảm và dũng mãnh trong độc khúc bình lữ của mình mà tạo nên chất hiệp sĩ của tứ thơ".

10. Nhà thơ Vũ Quần Phương đã nhận xét về bài thơ Tây Tiến: "Quang Dũng đứng riêng một ốc đảo, đặc biệt với bài thơ Tây Tiến, ông không có điểm gì chung với những nhà thơ khác, ông đứng biệt lập như một hòn đảo giữa các nhà thơ kháng chiến".

b. Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ Nhà thơ Vũ Quần Phương đã nhận xét về bài thơ Tây Tiến: "Quang Dũng đứng riêng một ốc đảo, đặc biệt với bài thơ Tây Tiến, ông không có điểm gì chung với những nhà thơ khác, ông đứng biệt lập như một hòn đảo giữa các nhà thơ kháng chiến". Phải chăng cái mới, cái lạ, cái riêng biệt ấy chính là tượng đài những người chiến sĩ, những người anh hùng của dân tộc đã hy sinh vì dân tộc, được tạc dựng lại vừa mang vẻ đẹp của sự anh dũng, kiên cường vừa mang vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn.

"Đó là cuộc chia ly chời ngời sắc đỏ

Tươi như cánh nhận lại bông..."

"Khi Tổ Quốc cần họ biết sống xa nhau"

(Cuộc chia ly màu đỏ – Nguyễn Mỹ)

Chiến tranh đi qua đã để lại cho chúng ta hoài niệm về những tháng năm không thể nào quên, đó là khi con người ta nhận ra sứ mệnh của mình sinh ra là để chiến đấu, là để bảo thù, đó là những con người sẵn sàng gác lại tuổi trẻ, việc học hành, tình cảm cá nhân vì kỉ để đi theo tiếng gọi của Tổ Quốc... Những con người ấy đã đi vào trong thơ ca, nghệ thuật như những huyền thoại

của thế kỉ 20 mà nhà thơ Quang Dũng đã thể hiện thật xuất sắc thông qua lăng kính lãng mạn nhưng vẫn đậm chất hiện thực của mình qua bài thơ *Tây Tiến*. Tác phẩm đã khắc họa thành công bức tượng đài người lính Tây Tiến trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ.

Kết bài

“Tây Tiến” của Quang Dũng là một đỉnh cao của thơ ca viết về người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám – 1945. Qua nỗi nhớ thương đồng đội, nhà thơ đã dựng lên bức tượng đài sừng sững mà bi tráng, rất đẹp và sinh động đề cao ngợi người lính Tây Tiến oai hùng. Bài thơ kết tụ tài hoa nghệ sĩ của Quang Dũng, với ngôn từ đặc sắc, hình ảnh độc đáo, gợi cảm và giàu âm điệu – mà nói như thi sĩ Xuân Diệu: “Nghe như ngâm nhạc trong miệng”.

3. Việt Bắc – Tố Hữu



a, Nhận định về Việt Bắc và Tố Hữu

1: " Thời đại ta đã may mắn có được nhà thơ Tố Hữu".

(Hoài Thanh)

2. Việt Bắc là đỉnh thơ cao nhất mà Tố Hữu đã bước lên.

(Xuân Diệu-"Tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu")

3: “Với Tố Hữu, thơ là vũ khí đấu tranh cách mạng. Đó chính là đặc sắc và cũng là bí quyết độc đáo của Tố Hữu trong thơ ca.”

(Đặng Thai Mai - Lời giới thiệu tập thơ Từ ấy, Văn học, 1959)

4: Cảnh vật và tinh thần Việt Bắc đã nhập vào hồn tôi, máu thịt tôi, Việt Bắc ở trong tôi.

(Tố Hữu-"Nhà văn nói về tác phẩm")

5. Sức mạnh của thơ Tố Hữu trong những ngày đen tối ấy chính là vì nó nói với trái tim, chính là bởi người cách mạng ấy là một thi sĩ chính cống, thật sự.

(Xuân Diệu-"Tố Hữu với chúng tôi")

6: "Tố Hữu không tô vẽ lên nhân vật quần chúng những nét sơn hào nhoáng, giả tạo. Tình cảm của nhân vật thơ anh biểu hiện lên từ bản chất giai cấp, từ đời sống thực. Người bộ đội chiếm một địa vị quan trọng trong tập thơ Việt Bắc, chính là người nông dân nghèo khổ."

(Hoàng Trung Thông - Chặng đường mới của chúng ta, 1961)

7. Thơ của chàng thanh niên Tố Hữu khi ấy từ trái tim vọt ra cũng như thơ của chúng tôi, cũng lãng mạn như thể chúng tôi, nhưng là thứ lãng mạn khác, có nhiều máu huyết hơn; thơ chúng tôi chỉ đập cho mở cửa trời, nhưng thơ Tố Hữu thì mới có chìa khóa: Cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng cho người lao khổ

(Tố Hữu với chúng tôi, 1975, Xuân Diệu)

8: Thơ là đi giữa nhạc và ý. Rơi vào cái vực ý, thì thơ sẽ sâu, nhưng rất dễ khô khan. Rơi vào cái vực nhạc, thì thơ dễ làm đắm say người, nhưng cũng dễ nông cạn. Tố Hữu đã giữ được thế quân bình giữa hai vực thu hút ấy. Thơ của anh vừa ru người trong nhạc, vừa thức người bằng ý.

(Chê Lan Viên-"Lời nói đầu tuyển tập thơ Tố Hữu")

9. Một tiếng nói yêu thương luôn luôn chan hòa ánh sáng, tự nó cũng là ánh sáng, lại hết sức linh hoạt và uyển chuyển, mỗi lúc một khác, mỗi nơi một khác, kể cả những lúc chỉ là sự im lặng giữa các dòng thơ. Phải chăng đây chính là bản sắc riêng của thơ Tố Hữu.

(Chuyện thơ, 1978, Hoài Thanh)

10. Lịch trình tiến triển về thơ của Tố Hữu đi song song với lịch trình tiến triển về tư tưởng và trình độ giác ngộ, về sức hoạt động của Tố Hữu. Thơ Tố Hữu không phải là một trò tiêu khiển mà là một khí cụ đấu tranh, một công tác vận động của người cách mạng. Người Tố Hữu là một thi sĩ, một chiến sĩ nhưng chúng ta đừng quên cốt cách của nó là thi sĩ.

11. Thơ Tố Hữu bao giờ cũng mới, càng ngày càng mới, vì nó thể hiện thế giới quan cách mạng của chủ nghĩa Mác, hệ tư tưởng vô sản, đạo đức cộng sản chủ nghĩa là những tư tưởng càng ngày càng trở thành cách nhìn, nếp sống phổ biến của những con người mới của thời đại.

(Bình luận văn học, 1964, Như Phong,

(Lời giới thiệu tập Thơ của Tố Hữu, Văn hóa Cứu quốc Việt Nam xuất bản, 1946)

12: "Tố Hữu là một nhà thơ lớn. Nói đúng hơn, ông là nhà thơ lãng mạn cách mạng. Cả cuộc đời ông gắn bó với cách mạng. Thơ với đời là một. Trước sau đều nhất quán. Tố Hữu nhìn cách mạng bằng con mắt lãng mạn của một thi sĩ. Thơ ông dường như chỉ có một giọng. Đó là giọng hát tung bừng ca ngợi cách mạng. Đọc ông trong bất cứ hoàn cảnh và tâm trạng nào, ta cũng thấy phấn chấn, náo nức như đi trải hội. Đến đâu cũng nghe vang tiếng trống, tiếng kèn. Mà thơ ông đâu chỉ có trống phách linh đình như một đám rước, ông còn bắn cả 21 phát đại bác vang trời. Cho đến nay, chỉ có ông là nhà thơ Việt Nam duy nhất đã bắn đại bác " trang trọng như thế."

(Chân dung và đối thoại- Trần Đăng Khoa)

13: "Cuối cùng, như mọi kiếp người, ông đã già từ đời sống về nơi cát bụi trong một ngày mùa đông giá rét. Ông không còn được lưu lại trên thế gian để đón thêm một mùa xuân nữa. Từ đây, những câu thơ viết về mùa xuân của ông mà có thời rất nhiều người đọc Việt Nam chờ đợi khi xuân tới sẽ chẳng bao giờ sinh ra. Một lần, tôi gặp ông trong một cuộc hội thảo, ông bảo tôi: "Hôm nào tới nhà mình chơi, mình kể cho ông mấy chuyện hay lắm. ông có khả năng viết tư liệu đấy." Nhưng cuộc trò chuyện ấy không bao giờ có được. Có thể sau này, khi tôi cũng thành người thiên cổ và gặp ông ở cõi vĩnh hằng thì có thể tôi sẽ được ông kể cho nghe. Nhưng tôi nghĩ trong cõi vĩnh hằng, những chuyện dở, chuyện hay chẳng còn quan trọng gì nữa. Vì nơi ấy, mọi đau khổ đều được chữa chạy, mọi tâm tối đều được chiếu sáng, mọi lầm lỗi đều được tha thứ, mọi sợ hãi đều được che chở, mọi tuyệt vọng đều được cứu vớt... Giờ đây, linh hồn ông đang mỉm cười hay đang suy ngẫm, thờ phào nhẹ nhõm hay dằn vặt khổ đau -"

(Tố Hữu và ngọn đèn đã tắt- Nguyễn Quang Thiều)

14. Thơ Tố Hữu là thơ một con người biết trân trọng lấy đời mình, muốn làm cho đời mình trở nên hữu ích. Vậy thì ai kia còn phung phí đời mình, làm gì cũng được, sống sao cũng xong, trong khi đọc thơ này hãy bắt đầu thử dừng lại mà biết quý lấy đời mình, mà đem xây dựng nó.

Phong cách dân tộc ở Tố Hữu thể hiện ở chỗ thơ anh giàu chất nhạc, anh nắm rất vững cái âm điệu, vần điệu của dân tộc.

... Thơ anh là lời thơ lấy cái đường đi toàn đời, lấy cái hơi toàn tập, lấy cái tứ toàn bài là chính... Anh là một con chim vụt ở đường bay hơn là bộ lông, bộ cánh, tuy vẫn là lông cánh đẹp.

(Lời nói đầu cho tuyển tập 1938 – 1963 của Tố Hữu, Văn học, 1964, Chế Lan Viên)

15. Nhà thi sĩ ấy tự muốn mình là tiếng nói của dân tộc mình. Vậy thì dân tộc ấy có năng khiếu thơ thông qua nhà thi sĩ. Các dân tộc hiện đại, đã công nghiệp hóa rồi, đã bị san phẳng bởi những phương tiện tuyên truyền, không còn có một năng khiếu về hình tượng như thế nữa; không còn suối nguồn ở bản thân mình nữa. Nhưng Tố Hữu đắm mình trong dân tộc của mình, đồng thời là một thi sĩ độc đáo, một nhà sáng tạo ra các hình thể. Người ta càng cảm thấy điều đó rõ hơn khi anh nói một cách rất hay về thơ.

(Lời tựa tập thơ Máu và hoa, xuất bản ở Pháp, năm 1975, Pierre Emmanuel)

b. Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ (Bộ tranh tứ bình) Nhà thơ Tố Hữu đã từng nói: "Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy", chính những niềm thương, là những nỗi nhớ trào dâng ấy đã tạo ra những rung động mãnh liệt trong cảm xúc để rồi thơ ca đã trào ra bao niềm thương nỗi nhớ vô vãn. Việt Bắc chính là những rung động mạnh liệt ấy của nhà thơ Tố Hữu. Bài thơ là kết tinh, là di sản của "mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" giữa những cán bộ cách mạng và nhân dân Việt Bắc. Tác phẩm là một khúc tình hào hùng về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Bài thơ Việt Bắc được viết ra như lời hát tâm tình của một mối tình thiết tha đầy lưu luyến giữa những con người kháng chiến và đồng bào Việt Bắc được thể hiện qua lăng kính trữ tình và chính trị, đậm tính dân tộc và ngòi bút phiêu cảm xúc của thi nhân.

+ “Chín năm làm một Điện Biên

Nén vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên – Tố Hữu)

Đã từ rất lâu mảnh đất Tây Bắc – Điện Biên được coi là quê hương của sự kháng chiến chống giặc, quê hương của những anh hùng, đây là mảnh đất trung du nghèo khó mà nặng trĩu ân tình khiến ai đã đặt chân đến đây cũng phải bồi hồi, xuyến xao. Mảnh đất ấy đã trở thành niềm thương, trở thành nỗi nhớ cho những ai đã từng đến rồi lại phải đi. Có người đã từng nói rằng : “*Thơ chỉ trào ra khi trong tim anh mọi thứ đã thật ứ đầy*”, chính từ những niềm thương, nỗi nhớ trào dâng ấy đã tạo ra những rung động mãnh liệt trong cảm xúc con người để rồi nhà thơ Tố Hữu – Một người lính đã từng gắn bó sâu đậm với mảnh đất này viết nên tác phẩm “Việt Bắc” – tuyệt tác của đời mình. Tác phẩm là một khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và những con người kháng chiến. Bài thơ được viết ra như lời hát về tâm tình của một mối tình thiết tha đầy lưu luyến giữa những con người kháng chiến và đồng bào Việt Bắc đã được thể hiện qua lăng kính trữ tình- chính trị, đậm tính dân tộc và ngòi bút dạt dào cảm xúc của thi nhân.

Kết bài

+ Với giọng thơ lục bát nhẹ nhàng mà sâu lắng kết hợp với kết cấu xưng hô “Ta- mình”, bài thơ ôm chứa bao nhiêu là niềm lạc quan, vui sống và tin tưởng vào con người Việt Bắc. Nó mang âm điệu của trữ tình, thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người tha thiết và tấm lòng yêu nước của Tố Hữu. Cuối bài thơ vang lên tiếng hát ngọt ngào khơi gợi lên bao kỉ niệm. Kỉ niệm ấy theo mãi trong lòng người đi và quán quýt trong từng dấu chân của người ở lại. Lời thơ với giọng điệu giản dị mà trong sáng thể hiện niềm rung động thật sự trước vẻ đẹp của núi rừng và con người Việt Bắc. Nỗi nhớ của nhà thơ Tố Hữu đã đi vào trong lòng người đọc, như khúc dân ca dịu dàng để lại bao say đắm ngọt ngào về một mảnh đất đã gắn bó với biết bao con người, mà có lần Chế Lan Viên đã từng viết:

“*Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở*

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn”

4. Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm

Đất nước

- Nguyễn Khoa Điềm -

a. Nhận định về Đất nước và Nguyễn Khoa Điềm

1. Nguyễn Khoa Điềm nói về hoàn cảnh sáng tác Đất Nước

“Chương V – chương **Đất nước** là một chương lớn. Tôi viết chương này trong những ngày mưa triền miên sau Tết. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. B52 dội bom liên tục, làm cho mọi thứ tối tăm mù mịt. Chúng tôi ngồi trong hầm và viết, cảm xúc được cộng hưởng bởi tiếng bom nổ, bởi khói bom và mưa rừng. Có khi viết xong, một trận bom làm cho bản thảo bay lung tung, lượm lại trang còn trang mất, lại ngồi viết tiếp. Tôi viết rất nhanh, như cảm xúc đã dồn tụ một cách mãnh liệt, giờ chỉ việc tuôn chảy ra thôi. Tôi viết về những điều giản dị của chính tôi, về tuổi trẻ và các bạn bè đang tranh đấu ở trong thành phố, nên nhân vật của tôi là anh và em. Đó là lời đàm thắm của một người con trai với một người con gái.

Chúng tôi, mỗi người có một số phận khác nhau, nhưng đều gắn kết trong một số phận chung là số phận Đất nước. Đất nước với các nhà thơ khác là của những huyền thoại, của những anh hùng, nhưng với tôi là của những con người vô danh, của nhân dân.

Đất nước là một giá trị lâu bền, vĩnh hằng; đất nước được tạo dựng, được bồi đắp qua nhiều thế hệ, được truyền nối từ đời này sang đời khác. Cho nên “khi ta lớn lên đất nước đã có rồi!”.

Đất nước vừa là một ý niệm thiêng liêng vừa là một hiện hữu, cụ thể, rõ ràng, thân thuộc. Tôi cố gắng thể hiện một hình ảnh Đất nước giản dị gần gũi nhất. Đó là cách đi vào lòng người, mà không lặp lại người khác, vì trước tôi cũng như bây giờ, có rất nhiều người đã viết rất hay về Đất nước. Tôi nghĩ mỗi cá nhân sinh ra, ý niệm về Đất nước đã được thấm đẫm qua môi trường gia đình, qua thế giới tinh thần và cả vật chất mà người đó sống”

(Nguyễn Khoa Điềm trong cuốn – Nhà văn và Tác phẩm)

2. Đất nước trong thơ Nguyễn Khoa Điềm là sự đồng hiện những gì gần gũi nhất, thân thương nhất của mỗi con người Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai; trong thời gian và không gian, trong lịch sử và truyền thống văn hoá... Ở Nguyễn Khoa Điềm lòng yêu nước là yêu nhân dân, yêu những con người đã viết nên lịch sử, đã sản sinh ra văn hóa, đã phát kiến địa lý mà mở rộng biên cương bảo vệ lãnh thổ. Từ đó nhà thơ đã đi đến đúc kết thành một chân lý vững vàng: “Đất nước của nhân dân”, tư tưởng này đã chi phối hầu hết các sáng tác của Nguyễn Khoa Điềm. Vì vậy tiếng thơ Nguyễn Khoa Điềm không chỉ nói lên những suy nghĩ cảm nhận của tuổi trẻ trong chiến tranh, mà còn là lời kêu gọi thiết tha: hãy yêu đất nước – vì “Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình”.

(Vũ Quần Phương)

3. “Nguyễn Khoa Điềm viết nên những câu thơ này bằng tất cả sự trải nghiệm của một người lăn lộn trong phong trào tranh đấu của thanh niên đô thị miền Nam. Nhà thơ đã thay mặt thế hệ mình để phát biểu tâm tư với tinh thần công dân, với nhiệt tình tuổi trẻ. Đó cũng là lời đáp cho câu hỏi mang tính chính luận về sự trường tồn của Đất Nước. Đất Nước bắt từ chính nhờ ở tinh thần của những con người sẵn sàng dâng bầu máu của tuổi thanh xuân, biết sống có trách nhiệm với thời đại và đầy khát vọng về tương lai trường tồn của Đất Nước.”

(Lê Văn Huân)

4. “Nếu như trong thơ Nguyễn Đình Thi, hình ảnh đất nước hào hoa, kiêu hãnh, lãng mạn và tràn đầy sức sống thì trong thơ Nguyễn Khoa Điềm hình ảnh đất nước lại giàu có về văn hóa, là sức mạnh của chân lý.”

(Huy Văn)

5. “Nguyễn Khoa Điềm đặc biệt thành công trong việc sử dụng chất liệu văn hóa, văn học dân gian. Chỉ chín câu thơ, nhưng đầy đặc những hình ảnh, hình tượng thơ được khơi dậy, được vun đắp bằng văn hóa dân gian. Cảm hứng thơ bắt sâu vào cội rễ văn hóa dân tộc, để đất nước trở nên thân thuộc, gần gũi với mỗi người và để câu thơ giàu sức gợi, giàu sức liên tưởng.”

(Báo Giáo dục thời đại)

h, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

Giữa muôn vản thơ ca về đề tài Đất nước, ta vẫn nhận ra được chất riêng của Nguyễn Khoa Điềm với thi phẩm “Đất nước” trích từ bản trường ca “Mặt đường khát vọng”. Những vản thơ mang chất trữ tình chính luận của ông không khô khan giáo điều mà rung động dào dạt cảm xúc. Với “Đất nước”, Nguyễn Khoa Điềm đã góp thêm thành tựu cho thơ ca thời kì chống Mỹ bằng một cái nhìn toàn diện, cách nói mới mẻ không lặp lại con đường đi của người khác. Bài thơ là lời kêu gọi thiết tha của tác giả với các bạn sinh viên tuổi trẻ cùng xuống đường, hướng về cuộc kháng chiến chung của dân tộc.

Kết bài

Đất Nước là một đoạn trích hay nhất trong trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm. Thi phẩm ấy không chỉ khẳng định tài năng thơ phú của nhà thơ mà còn qua đó nói lên được tiếng nói của người công dân yêu nước với tình yêu sâu nặng, mãnh liệt “như máu xương của mình”. Cuộc chiến tranh chống Mỹ gian khổ đã làm con người xích lại gần nhau, tất cả đều

hướng đến nhiệm vụ chung cao cả để bảo vệ Tổ Quốc. Tình yêu và trách nhiệm cao cả ấy trong thơ Nguyễn Khoa Điềm cũng chính là quyết tâm của cả một thời đại: “Thời đại của chúng tôi là thời đại của những thanh niên xuống đường chiếm lĩnh từng tầng cao của mái nhà, của ngọn đồi, của nhịp cầu để bắn toả lương tâm lên bầu trời đầy giặc giã”(Chu Lai)

5. Sóng – Xuân Quỳnh



a, Nhận định về Sóng và Xuân Quỳnh

1. “Bài này Quỳnh nó viết bộp thật. Nghĩa là đọc xong, tự nhiên mình cũng có ý nghĩ là phải viết, viết một cái gì cho ra trò một chút, cho nó phải nề.”

(Nhà thơ Vũ Cao, Chủ nhiệm tạp chí Văn nghệ quân đội)

2. “Đó là cuộc hành trình khởi đầu là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la rộng lớn, cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu, muốn hóa thân vĩnh viễn thành tình yêu muôn thuở.”

(GS-TS Trần Đăng Suyền)

3. “Ở mỗi tập thơ của Xuân Quỳnh, những bài viết của tình yêu thường để lại nhiều ấn tượng hơn cả. Với giọng điệu hết sức thơ hết sức tự nhiên, bài “Sóng” thể hiện một tình yêu sâu sắc, bồi hồi, thao thức đến cả trong giấc mơ. Dù có những gian truân cách trở, nhưng tình yêu bao giờ cũng đẹp, cũng đến được tận cùng hạnh phúc, như con sóng nhỏ đến với bờ”

(Nhà thơ Việt Nam hiện đại, GS Phong Lê chủ biên, Viện Văn học, Nxb KHXH, 1984)

4. “Thơ Xuân Quỳnh là thơ của một cánh chuồn chuồn bay tìm chỗ nương thân trong nắng nôi đông bão của cuộc đời ... Thế giới thơ ca Xuân Quỳnh là sự tương tranh không ngừng giữa khắc nghiệt và yên lành với những biểu hiện sống động và biến hóa khôn cùng của chúng. Ở đó trái tim thơ Xuân Quỳnh là cánh chuồn chuồn báo bão cứ chao đi chao về, một nhòai giữa biến động và yên định, bão tố và bình yên, chiến tranh và hòa bình, thác lũ và êm trôi, tình yêu và cách trở, ra đi và trở lại, chầy trôi phiêu bạt và trụ vững kiên gan, tổ ấm và dòng đời, sóng và bờ, thuyền và biển, nhà ga và con tàu, trời xanh và bom đạn, gió Lào và cát trắng, cỏ dại và nắng lửa, thủy chung và trắc trở, xuân sắc và tàn phai, ngọn lửa cô đơn và đại ngàn tối sẫm...”

(Chu Văn Sơn)

5. “Điều đáng quý nhất ở Xuân Quỳnh và thơ Xuân Quỳnh là sự thành thật rất thành thật, thành thật trong quan hệ bạn bè, với xã hội và cả tình yêu. Chị không quanh co không giấu diếm một điều gì. Mỗi dòng thơ, mỗi trang thơ đều phơi bày một tình cảm, một suy nghĩ của chị. Chỉ cần qua thơ ta biết khá kĩ đời tư của chị. Thành thật, đây là cốt lõi thơ Xuân Quỳnh”

(Võ Văn Trực)

6. “Xuân Quỳnh viết bài thơ Sóng năm 1967, khi mà chị đã từng nếm trải sự đổ vỡ trong tình yêu. Song, người phụ nữ này vẫn còn ấp ủ biết bao hy vọng, vẫn phơi phới một niềm tin: Cuộc đời tuy dài thế/Năm tháng vẫn đi qua/Như biển kia dẫu rộng/Mây vẫn bay về xa. Bài thơ được kết thúc ở chính cái điểm đỉnh của niềm khao khát tốt đẹp: “Làm sao được tan ra/Thành trăm con sóng nhỏ/Giữa biển lớn tình yêu/Để ngàn năm còn vỗ” Sóng là một bài thơ tình yêu rất tiêu biểu cho tư tưởng và phong cách thơ Xuân Quỳnh ở giai đoạn đầu. Một bài thơ vừa xinh xắn, duyên dáng; vừa mãnh liệt, sôi nổi; vừa hồn nhiên, trong sáng; vừa ý nhị, sâu xa. Sau này, khi nếm trải nhiều, giọng thơ Xuân Quỳnh không còn phơi phới bốc men say nữa, nhưng cái khát vọng tình yêu vẫn mãi tồn tại trong trái tim giàu có yêu thương của chị.”

(GS Nguyễn Đăng Mạnh & PTS Trần Đăng Xuyền, Những bài văn hay,
Nxb Đồng Nai, 2003, tr. 135)

7. “Nhịp điệu trong bài Sóng thật đa dạng, mô phỏng cái đa dạng của nhịp sóng: 2/3 (Dữ dội và dịu êm - Ôn ào và lặng lẽ), 1/2/2 (Sóng không hiểu nổi mình - Sóng tìm ra tận bề), 3/1/1 (Em nghĩ về anh, em), 3/2 (Em nghĩ về biển lớn - Từ nơi nào sóng lên)... Ngoài ra, các cặp câu đối xứng xuất hiện liên tiếp, câu sau thừa tiếp câu trước, tựa như những đợt sóng xô bờ, sóng tiếp sóng dào dạt: “Dữ dội và dịu êm/Ôn ào và lặng lẽ”, “Con sóng dưới lòng sâu/Con sóng trên mặt nước”, “Dầu xuôi về phương bắc/Dầu ngược về phương nam” ”

(GS Nguyễn Đăng Mạnh-Cảm nang ôn luyện môn văn,
Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tr.237.)

8. “Sóng là bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách của Xuân Quỳnh. Qua hình tượng sóng, trên cơ sở sự tương đồng, hòa hợp giữa sóng và em, bài thơ diễn tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Bài thơ cho thấy tình yêu là một thứ tình cảm cao đẹp, một hạnh phúc lớn lao của con người.”

(SGK Ngữ văn 12-Chương trình Chuẩn)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ Từ ngàn xưa đến nay, tình yêu là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca. Nhiều người nghệ sĩ đã dùng bút lực của mình để lí giải tình yêu nhưng chẳng ai cắt nghĩa trọn vẹn hai chữ từ ấy. Nhà thơ cổ điển Pháp từng nói: "Tình yêu là điều mà con người không thể hiểu nổi". Đến Xuân Diệu cũng bắt lực trong câu hỏi "Làm sao cắt nghĩa được tình yêu", Hàn Mặc Tử cũng phải "nghe trời giải nghĩa yêu". Nhắc đến thi ca viết về tình yêu, ta không thể không nhắc đến "Sóng" của Xuân Quỳnh. "Sóng" là nơi gửi gắm những tâm tư sâu kín, những trạng thái phức tạp tinh vi của tâm hồn người thiếu nữ khi nói về tình yêu với khát vọng hạnh phúc muôn thuở của con người.

+ (Mở bài cho đề phân tích nhận định)

"Sóng rì rào hỏi những chuyện đã qua

Đứng trước biển em trở thành bé nhỏ

Biển biết không... ngàn nỗi đau giằng xé

Khi con thuyền chẳng cập bến tình yêu"

Vâng! Chẳng biết từ bao giờ những con sóng từ biển khơi lại vỗ dồn dập vào trái tim của mỗi người nghệ sĩ. Và cũng chẳng biết từ khi nào giữa con sóng và tình yêu lại có mối quan hệ mật thiết với nhau! Chắc có lẽ là do nét đẹp tiềm tàng của con sóng giống với vẻ đẹp bí ẩn của tình yêu nên đã làm cho các nhà văn nhà thơ phải băng khuâng trong tư tưởng. Trong đó có Xuân Quỳnh. Xuân Quỳnh là một "nữ hoàng thơ tình" trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ của bà là tiếng nói tâm lòng của một người phụ nữ trong tình yêu: hồn nhiên, chân thành nhưng cũng giàu trắc ẩn và luôn khát khao một hạnh phúc bình dị đời thường. Và bài thơ "Sóng" là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ, bày tỏ quan điểm của tác giả về tình yêu vĩnh hằng qua hình tượng con sóng biển. Có ý kiến cho rằng.....

Kết bài

+ Qua những gì đã phân tích, chúng ta có thể thấy được khát vọng tình yêu mãnh liệt và khao khát vươn tới sự vĩnh hằng, bất biến nhưng vẫn chứa đựng dự cảm của sự lo âu qua nhãn quan của một người phụ nữ đa sầu, đa cảm. Tất cả đã được tái hiện thành công thông qua việc sử dụng thể thơ năm chữ, nhịp điệu linh hoạt. Tình yêu đã được khám phá, nhìn nhận thông qua hình tượng "sóng" trong sự quyện hòa, sóng đôi với hình tượng nhân vật trữ tình "em". Qua đó, chúng ta có thể thấy được cái "tôi" tràn đầy cảm xúc khao khát hướng đến một tình yêu tuyệt đối, thể hiện một trái tim đang yêu đắm thắm, chân thành giống như những vần thơ trong bài thơ "Tự hát":

"Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Là máu thịt đời thường ai chẳng có

Cũng ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa

Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi..."

+ Vẻ đẹp của một tác phẩm văn học đương nhiên nằm ở tài năng và tâm huyết của một nghệ sĩ để cho ra đời những dòng văn, vần thơ đi cùng năm tháng. Nhưng, hơn tất cả vẫn cần sự rung động của độc giả để hiểu hết những giá trị nhân văn cao đẹp mà tác giả gửi gắm vào những

đưa con tinh thần của mình. Để sống cùng tác phẩm và cuộc đời của chủ thể trữ tình trong tác phẩm đó, để hiểu được một tâm hồn thơ nhiều lo âu dự cảm, một trái tim yêu táo bạo, chân thành mà Xuân Quỳnh gửi gắm trong bài thơ “Sóng”, người đọc phải nâng mình lên, trau dồi vốn tri thức, hiểu biết để hiểu hết những cái hay, cái đẹp của mỗi tác phẩm văn học mà các nhà thơ, nhà văn để lại.

6. Đàn ghi ta của Lor-ca

a, Nhận định về Đàn ghi ta của Lor-ca và Thanh Thảo

1. “Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy.”

(Mấy ý nghĩ về thơ, Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, trang 52)

2. Hình ảnh của thơ là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy. Hình ảnh còn tươi nguyên, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng”.

(Nguyễn Đình Thi)

3. Cùng với thể thơ tự do, Thanh Thảo đã chọn một lối đi gập ghềnh cho các dòng thơ, cũng là cho tiết tấu, nhịp điệu thơ. Và tất nhiên, hiểu được, cảm được nhạc của thơ, nhạc của Đàn ghi-ta của Lor-ca cũng đồng nghĩa với việc phải nỗ lực thật sự mới mong chạm được thứ nhịp điệu bên trong của tình ý, tâm ý vốn đa dạng, biến hình – đặc biệt là với thơ siêu thực.

(Cao Đăng Ngọc Phượng)

4. Về hình tượng Lor-ca trong bài thơ Đàn ghi ta của Lor-ca của Thanh Thảo, có ý kiến cho rằng: “Đó là mẫu nghệ sĩ – chiến sĩ, vì dân thân tranh đấu cho dân chủ và tự do nên bị bọn phát-xít hành hình”. Ý kiến khác thì khẳng định: “Đó là mẫu nghệ sĩ thuần túy, chỉ đam mê cái đẹp và sáng tạo nghệ thuật, nhưng bị giết hại oan khuất”.

(Sưu tầm)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

Bằng sự trân trọng, nỗi niềm cảm mến của mình với người nghệ sĩ được mệnh danh là con “chim họa mi của đất nước Tây Ban Nha” - Lorca, nhà thơ Thanh Thảo trong bài thơ “Đàn ghi ta của Lorca” đã dựng lên bức tranh đầy sống động về con người và những cống hiến vĩ đại mà thâm lặng của Lorca đối với nền nghệ thuật, chính trị của đất nước Tây Ban Nha. Qua bài thơ, Thanh Thảo không chỉ tái hiện chân dung về con người, về đẹp phẩm chất của Lorca mà còn thể hiện thái độ trân trọng đối với những sản phẩm tinh thần mà Lorca đã sáng tạo ra, đó là những sản phẩm vô giá, sức sống của nó lâu bền, có sức lan tỏa mạnh mẽ như “cỏ mọc hoang” trong đời sống tinh thần của con người Tây Ban Nha cũng như những độc giả yêu thơ trên toàn thế giới.

Kết bài

Qua chuỗi hình ảnh mang đậm tính ẩn dụ, biểu tượng theo khuynh hướng tượng trưng, siêu thực, bài thơ “Đàn ghi ta của Lorca” đã phác họa thành công tâm vóc và những tư tưởng cách tân về con đường nghệ thuật và cách mạng của người nghệ sĩ thiên tài Ph.Ga-xi-a Lor-ca. Âm vang

tiếng đàn “li-la li-la li-la” được điệp đi điệp lại và kết thúc thi phẩm đã khiến bài thơ trở thành khúc ca ngợi ca con người sáng tạo với giọng điệu cảm phục, ngưỡng vọng và say mê. Như vậy, “Đàn ghi ta của Lorca” đã xây dựng và tái hiện thành công hình tượng người nghệ sĩ Lor-ca qua hình ảnh quen thuộc về cây đàn ghi ta như một biểu tượng vĩnh hằng đại diện cho sự bất tử của các giá trị nghệ thuật.

7. Người lái đò sông Đà



a, Nhận định về Người lái đò sông Đà và Nguyễn Tuân

1. “... Đọc Người lái đò sông Đà, ta có ấn tượng rõ rệt về sự tự do của một tài năng, của một đẳng hóa công thực sự trong nghệ thuật ngôn từ... Khi gân guốc, khi mềm mại, khi nghiêm nghị như một nhà bác học, khi hồn nhiên như một đứa trẻ thơ, những trang viết, những câu văn của Nguyễn Tuân mang hơi thở ấm nóng của cuộc đời phức tạp, phong phú, đa dạng. Sự tự ý thức sâu sắc về tài năng của mình không phải là một biểu hiện tiêu cực, trái lại, nó tạo nên sự giải phóng năng lượng rất cần thiết để nhà văn có thể sáng tạo nên những tác phẩm kì vĩ...”.

(Phan Huy Đông, in trong Về đẹp văn học cách mạng)

2. “... Nguyễn Tuân đã sáng tạo ra một con Sông Đà không phải là thiên nhiên vô tri, vô giác, mà là một sinh thể có hoạt động, có tính cách, cá tính, có tâm trạng hằn hoi và khá phức tạp. Nó có hai nét tính cách cơ bản đối lập nhau như tác giả nói- “hung bạo và trữ tình...”.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

3. “... Nguyễn Tuân- một cây bút vốn luôn khao khát những cảm giác, cảm xúc mới lạ, nồng nàn, say đắm...”.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

4. Chỉ người ưa suy xét đọc Nguyễn Tuân mới thấy thú vị, vì văn Nguyễn Tuân không phải thứ văn để người nông nổi thưởng thức.

(Vũ Ngọc Phan)

5. Đây là một nhà văn “suốt đời đi tìm cái Đẹp, cái Thật” (Nguyễn Đình Thi), tự nhận mình là người “sinh ra để thờ Nghệ Thuật với hai chữ viết hoa”.

6. “Khi thì trang nghiêm cô kính, khi thì đùa cợt bông phèng, khi thì thánh thót trầm bổng, khi thì xô bồ bừa bãi như là ném ra trong một cơn say chệnh choáng, khinh bạc đẩy, nhưng bao giờ cũng rất đổi tài hoa”

(Nguyễn Đăng Mạnh)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài:

+ “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình”. Đúng vậy, những nhà văn, nhà thơ, những người nghệ sĩ luôn sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật độc đáo và đúng chất riêng của mình. Ta không thể không kể đến Nguyễn Tuân - người nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp, đó là vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, của con người, của chân lý cuộc sống và nó như một bức họa cổ thời thức người nghệ sĩ phải chắt lọc, tìm kiếm những giá trị tiềm ẩn trong nó. Điều đó có lẽ được thể hiện rõ nhất trong tùy bút “Người lái đò Sông Đà” với hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với dòng thác dữ đầy tài hoa, điêu luyện, dũng cảm. Qua đây, tác giả Nguyễn Tuân đã tìm ra “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở nhân vật người lái đò.

+ Một nhà phê bình đã từng nói: “Người nghệ sĩ phải xâm nhập sâu vào đời sống nhân dân. Anh phải nhập đến một mức độ nào đó thơ mới hình thành. Thơ chỉ tràn ra khi trong tim anh cuộc sống đã thật ứ đầy.” Cả cuộc đời cần mẫn như con ong hút nhụy từ những con ong của cuộc sống, Nguyễn Tuân đã để lại trên thi đàn văn chương Việt Nam một sự nghiệp sáng tác đồ sộ. Ông khẳng định vị trí của mình bằng một phong cách rất đặc biệt mà giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã gói gọn trong chữ “ngông” của một người tài ba uyên bác. Nếu trước cách mạng ông dùng cái ngông để phê phán xã hội và viết về vẻ đẹp của những con người kì vĩ lớn lao ở một thời vang bóng thì sau cách mạng tháng Tám, cái “ngông” của Nguyễn Tuân lại được dùng để ca ngợi tình yêu quê hương đất nước. Đồng thời, ông cũng đi tìm cho mình một chủ nghĩa anh hùng ở đời sống của nhân dân lao động bình thường. Một trong những tác phẩm thể hiện rất rõ phong cách của Nguyễn Tuân sau cách mạng tháng Tám đó là tập tùy bút “Sông Đà” gồm mười lăm bài kí sáng tác năm 1958 – 1960 khi nhà văn đi thực tế trên mảnh đất Tây Bắc. Linh hồn của tập tùy bút là bài kí “Người lái đò sông Đà”. Tác phẩm được đưa vào trong chương trình giảng dạy như là một trong những kiệt tác của Nguyễn Tuân ở thể kí. Thành công của Nguyễn Tuân trong tác phẩm này bên cạnh việc xây dựng được hình tượng con sông Đà chân thực, sống động là ta phải kể đến tác giả đã thể hiện được hình tượng Người lái đò sông Đà tiêu biểu cho vẻ đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa. Có thể khẳng định không quá lời rằng với tác phẩm “Người lái đò sông Đà”, ngòi bút của Nguyễn Tuân cùng nở hoa trên dòng sông văn chương của mình.

+ “Tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy

Thì xa xôi gấp mấy vẫn lên đường.

Sống ở thủ đô mà dạ để mười phương.

Nghìn khát vọng chất chồng mơ ước lớn.”

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Hòa chung với không khí sôi nổi của cả nước khi Miền Bắc tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội với xu hướng đi đến những vùng cao để phục hồi kinh tế với tiếng hát đầy sông, đầy cầu thì Nguyễn Tuân đã lựa chọn Tây Bắc làm miền đất hứa để viết lên tuyệt tác của đời mình. Ông không đi theo lối mòn khi viết về những “cái tôi” còn buồn như Huy Cận, Chế Lan Viên – Những “cái tôi” luôn cô đơn trước vũ trụ, cô đơn giữa dòng đời. Nguyễn Tuân đã khéo léo để “cái tôi” cá nhân của mình hòa chung với “cái ta” của cộng đồng và mở ra một trào lưu văn học mới để rồi tất cả được kết tinh trong tập “Tùy bút Sông Đà” mà linh hồn của nó chính là “Tùy bút Người lái đò Sông Đà”. Nguyễn Tuân là một nhà văn cả đời say mê đi tìm cái đẹp, cái đẹp ở đây chính là nghệ thuật, mà khi nói đến nghệ thuật cũng chính là cái đẹp, với Nguyễn Tuân, con người chính là tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời nhất mà tạo hóa đã ban tặng. Cái đẹp ấy được Nguyễn Tuân phát hiện ra trong “thứ vàng mười đã qua thử lửa” của Tây Bắc, ở những con người đang gắn bó với công cuộc xây dựng quê hương, đất nước. Chất vàng mười ấy chính là vẻ đẹp của người lái đò sông Đà, dưới ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Tuân đó vừa là người anh hùng, vừa là nghệ sĩ tài hoa trên chính nghề nghiệp của mình.

+ “Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu”

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Tây Bắc đã trở thành vùng đất hứa của thi ca nghệ thuật những năm 58-60 khi miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nhà văn nhà thơ đến với nơi đây để tìm cho mình những nguồn cảm hứng mới. Ta từng biết đến Tô Hoài với tập “truyện Tây Bắc” mà nổi bật là truyện ngắn “Vợ Chồng A Phủ”, hay Nguyễn Khải cũng đã từng xôn xao lòng mình với “Mùa Lạc” thì Nguyễn Tuân lại thăng hoa trên mảnh đất này với tập “Tùy bút Sông Đà” với linh hồn là bài kí “Người lái đò Sông Đà”. Là một nhà văn đi theo chủ nghĩa xê dịch, dấu chân của Nguyễn Tuân đã đi khắp mảnh đất hình chữ S này, nhưng ông lại chọn Tây Bắc làm nơi cho ra đời đứa con đẻ tinh thần của mình là bởi chỉ có nơi đây mới thỏa mãn thực đơn cho nhãn quan sáng tác của ông. Tùy bút sông Đà là những trang văn được viết bằng ngôn ngữ điêu luyện, những đoạn tả đèo cao, vực sâu, thác nước dữ dội, hoặc cảnh thiên nhiên đẹp đến tuyệt đỉnh, nhưng lấp lánh giữa những vẻ đẹp ấy là hình ảnh con sông Đà hiện lên vừa hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng rất nên thơ, trữ tình và lãng mạn.

Kết bài

+ Viết về người lái đò sông Đà, viết về một vùng quê hương Tổ quốc, Nguyễn Tuân đã thể hiện nguồn xúc cảm yêu thương tha thiết đối với người lao động và thiên nhiên đất nước. Sông Đà càng đẹp, càng sinh động, ông lái càng anh dũng, ngoan cường trong công việc ta càng thấy được tâm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn – Người lao động trong tác phẩm Nguyễn Tuân thật bình dị từ công việc đến hình dáng, cách ăn nói. Nhưng ông ta lại là người anh hùng trước mắt Nguyễn Tuân. Nhà văn đã phát hiện ra trong con người bình dị ấy chất nghệ sĩ tài hoa, dám đương đầu với sóng to gió lớn để chèo chống con thuyền qua sông. Ông lái hiện lên trong tác phẩm là người lao động hăng hái, quên mình vì công việc. Cuộc sống quanh ta vốn dĩ rất tầm thường, cũ kĩ. Ngày lại qua ngày, mây vẫn bay và gió vẫn thổi...nhưng chính nhà văn là người mang lại cho ta một thế giới mới tinh khôi, kì diệu. Nguyễn Tuân cũng là một nhà văn, một người góp phần sáng tạo lại thế giới. Văn chương của Nguyễn Tuân đã mang đến cho chúng ta một chân trời huyền bí riêng biệt, hấp dẫn và độc đáo. Đó là chân trời của cái đẹp, của sự tài hoa và uyên bác

8. Ai đã đặt tên cho dòng sông

a, Nhận định về Ai đã đặt tên cho dòng sông và Hoàng Phủ Ngọc Tường

1. “... Nhiều thế hệ văn nghệ sĩ đến với Huế và đã bị con Sông Hương mê hoặc. Nhiều tác phẩm văn học đã đưa con sông này đến với người đọc để từ đó đem lòng yêu Huế, dù chưa một lần đặt chân đến nơi này. Nhưng với Hoàng Phủ Ngọc Tường, người một đời gắn bó với Huế, bằng tình cảm tha thiết, bằng tiềm năng văn hóa đã khám phá vẻ đẹp của Hương Giang một cách toàn diện, đưa Sông Hương trở thành biểu tượng của đất cố đô...”.

(Bùi Thị Hải Hạnh)

2. Nói rằng Hoàng Phủ Ngọc Tường yêu Huế và hiểu Huế, thì đó là một lẽ đương nhiên. Tôi muốn đi xa hơn, tìm một căn nguyên thâm kín để cắt nghĩa cho sự thành công mỹ mãn của những trang viết ấy: phải chăng ở đây đã có một sự hòa hợp, tương giao, linh ứng giữa cảnh sắc Huế, lịch sử Huế, văn hóa Huế với một tâm hồn nhà văn dễ rung động, nhạy cảm, tinh tế. Phải là sự tương giao, đến mức hòa quyện chặt chẽ mới sinh ra được những áng văn tài hoa không dễ một lần thứ hai viết được như thế. Ngõ như không khác được: viết về sông Hương là phải vậy, viết về “văn hóa vườn” ở Huế là phải vậy. Đó là những áng văn, câu chữ được chọn lựa cân nhắc kỹ càng, vì hình ảnh được sáng tạo đẹp đẽ, vì cảm xúc phong phú bất ngờ, mới mẻ.

(Phạm Xuân Nguyên)

3. Sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường không chỉ mang vẻ đẹp trời phú mà còn ánh lên vẻ đẹp của con người, những tài nữ đánh đàn, những người dân Châu Hóa lái thuyền xuôi ngược, những người con anh dũng đã hi sinh, như Nguyễn Du, như Bà huyện Thanh Quan, như Tố Hữu... đã viết thơ trên dòng chảy long lanh in bóng mây trời.

Cùng như tình yêu của sông Hương với Huế, tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương cũng là quá trình dâng tặng, khám phá và hoàn thiện chính mình...

(Lê Uyển Văn)

4. “Hoàng Phủ Ngọc Tường trầm cả tâm hồn trong khuôn mặt cuộc đời cùng với đất trời, sông nước của Huế”.

(Tô Hoài)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mô bài

+ Nhà thơ Thu Bồn đã từng viết :

“ Con sông dùng dằng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu. ”

Xứ Huế mộng mơ đây trữ tình gắn liền với dòng sông Hương-biểu tượng của cái đẹp vĩnh hằng, tha thiết. Cũng giống như nhà thơ Thu Bồn, cũng với tình yêu sâu đậm gắn bó máu thịt với Huế nhưng điều đặc biệt ở Hoàng Phủ Ngọc Tường đó là, ông có lòng yêu truyền thống văn hóa và lịch sử dân tộc. Và với giọng văn nghe trầm lắng, tha thiết, ông đã tạo nên nên bút kí Ai đã

đặt tên cho dòng sông, để nói lên tiếng lòng thổn thức của nhà thơ dành cho dòng sông thơ mộng này.

+ (Mở bài chứng minh nhận định) Ai đó đã từng viết “Đất nước có nhiều dòng sông nhưng chỉ có một dòng sông để thương, để nhớ như đời người có nhiều cuộc tình nhưng chỉ có một cuộc tình để mãi mãi mang theo”. Vâng, “một dòng sông để thương, để nhớ” của mỗi người rất khác nhau. Nếu tên tuổi Văn Cao gắn liền với sông Lô hùng tráng; nếu Hoàng Cầm là nỗi nhớ của ta khi ngang qua “Sông Đuống trôi đi một dòng lấp lánh”; nếu Hoài Vũ mãi là nhà thơ của con sông Vàm Cỏ đêm ngày thao thiết chờ phù sa, thì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã song hành cùng sông Hương đi vào trái tim người đọc với bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”. Với sở trường về bút ký và đặc sắc trong sáng tác là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý, nhà văn đã đem đến cho người đọc những vẻ đẹp đa dạng về con sông Hương. (dẫn dắt vào đề tài của bài)

Kết bài

Có thể nói “Ai đã đặt tên cho dòng sông” đã mang đến những phát hiện mới lạ và độc đáo của sông Hương cho độc giả cả nước. Nó là một dòng sông man dại, hoang tàn ở khúc thượng nguồn rồi lại trở nên mê đắm, thủy chung khi gặp được người tình trong mộng của mình là xứ Huế. Sông Hương đi vào trong trang viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường không vô tri vô giác mà nó còn có cảm xúc, có tình yêu. Tác phẩm đã thể hiện được tình yêu quê hương, xứ sở nồng nàn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, một kí giả nặng lòng với Huế:

“Dòng sông ai đã đặt tên

Để người đi nhớ Huế mãi không quên

Xa con sông mang bao nhiêu nỗi nhớ

Người ở lại tháng năm đợi chờ”

9. Vợ chồng A Phủ



a, Nhận định về Vợ chồng A Phủ và Tô Hoài

1. "...Nhưng điều kì diệu là dầu trong cùng cực đến thế mọi thế lực của tội ác cũng không giết được sức sống con người. Lay lắt, đói khổ, nhục nhã, Mị vẫn sống, âm thầm, tiềm tàng mãnh liệt"

2. Có những nhà văn, nhà thơ làm vinh dự cho chữ Hán, làm vinh dự cho chữ Nôm. Anh Tô Hoài, cùng với Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố... làm vinh dự cho chữ quốc ngữ. Tôi được gần các thế hệ đi trước, càng hiểu giá trị của những giây phút sống bên cạnh họ, kể cả khi các anh im lặng.

(Nhà thơ Hữu Thịnh)

3. Tô Hoài là một nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại, người có 95 năm tuổi đời nhưng đã dành hơn 70 năm đóng góp cho văn học. Ông là nhà văn chuyên nghiệp, bền bỉ sáng tác và có khối lượng tác phẩm đồ sộ.

(Phạm Xuân Nguyên - Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội)

4. Nói về Mị, nhà văn Tô Hoài tâm huyết rằng: "Số phận của cô là sự hồi sinh mãnh liệt của con người cô. Sự hồi sinh của một con người là vô cùng quý giá."

5. Thật khó để tìm được một nhà văn thứ hai vừa có thể miêu tả chân thật, tinh tế những cung bậc cảm xúc của cô Mị yêu sống nhưng bị giam cầm trong cảnh tù túng của "Vợ chồng A Phủ"

(Phan Anh Dũng)

6. Ông là cây đại thụ cuối cùng của lớp tác giả văn xuôi thời kì Cách Mạng. (Hà Minh Đức)

7. Bản chất của văn chương Tô Hoài là phong cách, bút pháp đậm đà bản sắc dân tộc. Phẩm chất ấy là sự tích tụ của cả một đời gắn bó với đất nước và nhiều miền quê hương, trân trọng và yêu thương những con người lao động mang tâm hồn và tính cách của người Việt Nam

(Hà Minh Đức)

8. Hơn cả một nhà văn, Tô Hoài đã, đang và sẽ luôn là người bạn đường thân thiết của độc giả thuộc mọi lứa tuổi, trên con đường đưa họ đến với thế giới động vật tưởng tượng thuở nhỏ, hay đến với những miền đất mới, đến với con đường đời dài rộng khi đã trưởng thành.

(Phan Anh Dũng)

9. Hơi thở cuộc sống luôn đầy ắp và hiện rõ trên từng trang viết của nhà văn Tô Hoài, đưa ông cùng nhiều nhà văn, nhà thơ tên tuổi khác làm nên “mùa gặt ngoạn mục nhất của văn học Việt Nam thế kỉ 20.

(Trích bài viết “Nhà văn Tô Hoài nặng lòng với những trang văn về Tây Bắc”, Báo mới)

10. Đất nước và người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều, không thể bao giờ quên... Hình ảnh Tây Bắc đau thương và dũng cảm lúc nào cũng thành nét, thành người, thành việc trong tâm trí tôi.

(Tô Hoài)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

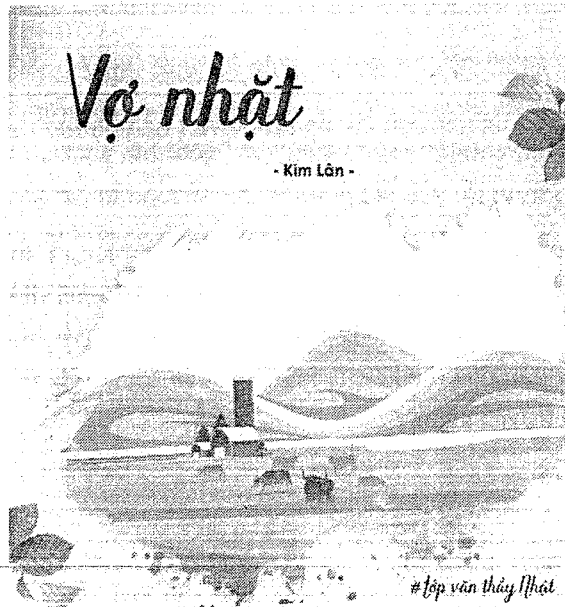
+ “Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những con người bị còng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực.” (Nguyễn Minh Châu). Với hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn Tô Hoài đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh ấy khi mang đến cho người đọc một hình tượng nghệ thuật với biết bao vẻ đẹp – nhất là sức sống tiềm tàng mãnh liệt mà không thể lực nào có thể dập tắt được.

+ Tây Bắc là mảnh hồn thiêng của núi sông, là miền đất hứa có khả năng sản sinh ra năng lượng dồi dào cũng như truyền cảm hứng cho biết bao nhà văn, nhà thơ để họ viết nên những trang thơ, trang văn lấp lánh. “Người mẹ của hồn thơ” ấy đã phả hồn vào bao văn thơ đẹp của Chế Lan Viên, đã lấp lánh “chất vàng mười” trong hình tượng người lái đò của cụ Nguyễn Tuân và phả vào trang viết của Tô Hoài sức sống tiềm tàng mãnh liệt của con người lao động. Đó là sức sống bền bỉ, tiềm tàng của nhân vật Mị trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” mà mỗi lần gấp trang sách lại ta không thể nào quên.

Kết bài

+ (Nhân vật Mị) Tóm lại, nhân vật Mị là linh hồn là hơi thở của tác phẩm. Xây dựng nhân vật Mị là một thành công đặc sắc của nhà văn Tô Hoài. Qua việc miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ, Tô Hoài đã khẳng định sức sống tiềm tàng mãnh liệt và khát vọng tự do của nhân dân lao động Tây Bắc dưới sự thống trị của bọn lãnh chúa thổ ty miền núi. Có nhà phê bình đã cho rằng: “Văn học nằm ngoài mọi sự băng hoại. Chỉ riêng mình nó không chấp nhận quy luật của cái chết”. Đúng vậy, sức sống tiềm tàng mãnh liệt của nhân vật Mị cũng đã làm nên sức sống trường tồn, vĩnh cửu của tác phẩm Vợ Chồng A Phủ.

10. Vợ nhặt



a. Nhận định về Vợ nhặt và Kim Lân

1. Với "Vợ nhặt", Kim Lân từng tâm sự: "Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn sống, sống cho ra con người".

2. "Nhà văn dùng Vợ Nhặt là cái đòn bẩy để nâng con người lên tình nhân ái. Câu chuyện Vợ Nhặt đầy bóng tối nhưng từ trong đó đã loé lên những tia sáng ấm lòng".

(Trần Đồng Minh)

3. Kim Lân là nhà văn một lòng đi về với "đất" với "người" với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.

(Nguyễn Hồng)

4. "Dùng lý lẽ để thuyết phục trong văn chương cũng là một thứ cưỡng chế. Những lý lẽ ma giáo ấy nhiều khi nó làm cho người ta không giữ được chính mình. Nói một cách khác hết sức mềm mại thì người cầm bút phải viết như chơi, viết thoải mái bằng tấm lòng của mình, hướng vào cái thật, cái đẹp, giúp cho con người sống thật, sống đẹp với nhau. Và khi nhà văn gặp cái gì trái với cái thật, cái đẹp thì phải biết bất bình, phải dám lên tiếng nữa".

(Kim Lân)

5. Kim Lân chọn bối cảnh ấy (nạn đói năm 1945) cho truyện Vợ nhặt không nhiều dòng miêu tả trực tiếp nhưng là những dòng rất hiếm trong văn chương từ đó đến nay. Cái nghèo ở Ngô Tất Tố, cái đói ở Nam Cao khiến ta thương cảm muốn rơi nước mắt. Cái đói và cái chết ở Kim Lân khiến ta khiếp sợ, rùng rờ.

(Trần Đồng Minh)

6. Vợ nhặt dường như đã mang nét mới của thời đại, vượt lên trên chủ nghĩa nhân văn trong dòng văn học hiện thực trước Cách mạng Tháng Tám 1945.

(Vũ Dương Quỹ)

7. Đó là thần viết, thần mượn tay người để viết nên những trang sách bất hủ.

(Nguyễn Khải)

8. Tuy tầm vóc, vị trí mỗi nhà văn một khác nhưng Kim Lân cũng là một nhà văn thường đến với ta trong những khoảng chợt nhớ của đời người khó mà diễn đạt thành lời... Mỗi lần mở những trang viết ít ỏi ấy ta lại cảm thấy không một bước ngoặt, một chặng đường nào của con người Việt Nam trong gần nửa thế kỉ qua mà Kim Lân không đã động tới đâu chỉ bằng sự chạm trổ hết sức khiêm tốn: truyện ngắn.

(Trần Ninh Hồ)

9. Cái đói là nỗi lo lắng của con người ở tất cả mọi dân tộc và thời đại. Cho nên đó là một đề tài cũng thuộc về bản chất của đời sống. Các nhà văn viết về cái đói ở khía cạnh tối tăm và bất lực của con người trước đó. Con người phạm tội và làm đủ mọi chuyện đại dột khác chỉ vì đói. Khi tôi viết, ý tưởng thường trực trong tôi là những người đói dù thế nào đi nữa vẫn luôn khao khát cuộc sống tốt hơn, vẫn tin tưởng một cách mơ hồ vào cuộc sống tương lai.

(Kim Lân)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ B. Sô từng nói “Vũ trụ có nhiều kì quan, nhưng kì quan tuyệt diệu nhất vẫn là trái tim người mẹ”. Quả thật vậy, trái tim của người mẹ là kỳ quan vĩ đại, là toà bảo tháp ngự trị vĩnh hằng và sừng sững giữa cuộc đời. Tác phẩm văn học nhất là những tác phẩm viết về người mẹ luôn là những tác phẩm thành công nhất. Văn học Việt Nam cũng đã từng ghi nhận những đóng góp lớn lao ấy về người mẹ. Một trong những tác phẩm tạo nên niềm xúc động sâu sắc về người mẹ phải kể đến đó là “Vợ nhặt” của Kim Lân. Dưới ngòi bút tài hoa và tinh tế của nhà văn vốn một đời đi về với ruộng đồng, vẻ đẹp lớn lao kì vĩ của trái tim người mẹ và tình mẫu tử thâm thiết thiêng liêng cũng ngời lên trọn vẹn và sâu sắc qua diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ.

+ Còn nhớ sinh thời tác giả của Bỉ vô - nhà văn Nguyên Hồng từng “phản” về đồng nghiệp của mình rằng: Kim Lân là nhà văn một lòng đi về với “đất” với “người” với “thuần hậu nguyên thủy” của cuộc sống nông thôn. Quả thật không chê vào đâu được lời “truyền thần” ấy của nhà văn Nguyên Hồng! Sự nghiệp và những quan niệm về văn chương của Kim Lân qua những tác phẩm của ông đã để lại rất nhiều những ấn tượng đẹp trong lòng độc giả, và càng chứng minh nhận định của nhà văn Nguyên Hồng không thể bỏ đi từ nào được. Đọc “Vợ nhặt” - tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Kim Lân, ta càng hiểu rõ và thấm nhuần hơn điều này.

Kết bài

+ “Cái đẹp cứu vớt con người” (Đô-x-tôi-ép-ki). Vâng, “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân thể hiện rõ sức mạnh kì diệu ấy. Ánh sáng của tình người, lòng tin yêu vào cuộc sống là con nguồn mạch giúp Kim Lân hoàn thành tác phẩm. Ông đã đóng góp cho văn học Việt Nam nói chung, về

đề tài nạn đói nói riêng một quan niệm mới về lòng người và tình người. Đọc xong thiên truyện, dấu ấn mạnh mẽ nhất trong tâm hồn bạn đọc chính là ở điểm sáng tuyệt vời ấy.

+ Nhà giáo Trần Đồng Minh từng có nhận xét rất tinh tế: “Nhà văn dùng Vợ nhặt để làm cái đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đầy bóng tối nhưng từ trong đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng”. Và phải chăng “những tia sáng ấm lòng” ấy chính là tình yêu thương, là sức sống mãnh liệt của các nhân vật bị đẩy tới đường cùng tuyệt lộ buộc phải đối mặt với cái chết nhưng lại biết cách tỏa sáng để nâng tầm giá trị của con người. Bằng óc quan sát tinh tế và tấm lòng đồng cảm sâu sắc với số phận con người, Kim Lân đã thực sự làm bạn đọc xúc động khi xây dựng thành công hình tượng nhân vật (...) trong tác phẩm/đoạn trích này.

11. Rừng xà nu



a. Nhận định về Rừng xà nu và Nguyễn Trung Thành

1. “Nổi bật trong tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành là hình tượng cây xà nu, đây là một hình tượng nghệ thuật biểu trưng cho sức sống, phẩm chất của người Tây Nguyên thời chống Mỹ”.

2. “Rừng xà nu là truyện của một đời, và được kể trong một đêm. Đó là cái đêm dài như cả một đời. Nhưng nó cũng ngắn, cũng chỉ là một đêm trong sự sống vật vờ, đau khổ và hạnh phúc trường tồn ở đây. Bởi “nhà ra xa, đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời”

(Nguyễn Ngọc, ‘Về truyện ngắn Rừng xà nu’, Nhà văn nói về tác phẩm,

Hà Minh Đức biên soạn, Nxb Giáo Dục, 2000)

b. Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ Mỗi nhà văn, dường như đều có một vùng quê sáng tác. Đối với Nguyễn Ngọc, Tây Nguyên hùng vĩ núi non, Tây Nguyên bất khuất kiên cường và những người bộc trực kiên trung một lòng đi theo cách mạng chính là vùng đất mà ông gắn bó, trăn trở trong sáng tác của mình. Những năm kháng chiến chống Pháp, ông bám trụ ở Tây Nguyên để rồi viết nên tiểu thuyết “Đất

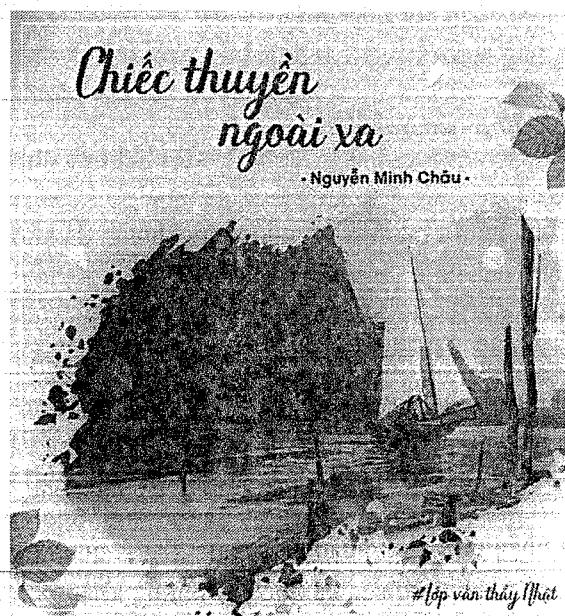
nước đứng lên”. Những năm đánh Mỹ. Nguyễn Ngọc lại trở về với vùng đất gian khổ này từ đầu những năm sáu mươi, ngay sau những ngày đồng khởi của cách mạng miền Nam. Cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân Tây Nguyên đã khơi lòng cảm hứng cho ông viết truyện ngắn Rừng xà nu – một truyện ngắn xuất sắc của văn học thời chống Mỹ.

+ Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Những tác phẩm nghệ thuật đạt đến chuẩn mực của cái hay, cái đẹp sẽ và mãi “vượt qua mọi sự băng hoại của thời gian và chỉ mình nó không chấp nhận cái chết”. Cũng như dù thời gian có trôi qua nhưng những giá trị của tác phẩm “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành vẫn mãi vẹn nguyên và tỏa sáng. Đến với tác phẩm này bên cạnh hình tượng con người Xô Man anh hùng thì còn có hình tượng cây xà nu – một loài cây mang sức sống hoang dại mãnh liệt bất chấp sự hủy diệt của tội ác kẻ thù. Đây chính là hình tượng tiêu biểu cho quan niệm nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Trung Thành về sức sống của con người, nhất là con người Tây Nguyên kiêu hùng bất khuất.

Kết bài

“Tôi yêu say mê cây xà nu. Ấy là một cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch. Mỗi cây cao vút, vạm vỡ ứ nhựa. Tán lá vừa thanh vừa rần rỏi, mệnh mông trông như đã sống ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau”. Trong dụng ý miêu tả của mình, Nguyễn Trung Thành đã lựa chọn cánh rừng xà nu bạt ngàn nằm cạnh con nước lớn, chạy xa tít tắp đến tận chân trời để làm nền, cảnh cho tác phẩm của mình, để từ đó hiện lên là hình ảnh một tập thể anh hùng Tây Nguyên bất khuất, kiên cường. Đó là những con người mãi mãi đi vào huyền thoại của thế kỷ 20, đi vào những trang sử hào hùng của dân tộc. Và trong những đêm tối được ngọn lửa của Cách mạng soi đường, những trang viết về họ vẫn luôn được thăng hoa, được ghi nhớ và được kể lại cho đến muôn đời sau. Trong vang vọng của núi rừng, trong tâm trí người Xô Man cũng như bạn đọc vẫn còn đây câu nói trầm âm đầy uy lực của cụ Mết “Nhớ lấy, ghi nhớ... Chúng nó cầm súng, mình phải cầm mác”.

12. Chiếc thuyền ngoài xa



a, Nhận định về *Chiếc thuyền ngoài xa* và Nguyễn Minh Châu

1. Mỗi con người đều chứa đựng trong lòng những nét đẹp để kỉ diệu đến nỗi cả một đời người cũng chưa đủ để nhận thức khám phá tất cả những cái đó.

(Nguyễn Minh Châu)

2. Trên con đường đi tới chủ nghĩa hiện thực, đôi khi chúng ta phải khai chiến cả với những quan niệm tốt đẹp và lâu dài của chính mình.

(Nguyễn Minh Châu)

3. Cuộc đời vốn dĩ là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật, và rằng con người ta cần có một khoảng cách để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật nhưng nếu muốn khám phá những bí ẩn bên trong thân phận con người và cuộc đời thì phải tiếp cận với cuộc đời, đi vào bên trong cuộc đời và sống cùng cuộc đời.

(Lê Ngọc Chương - “Chiếc thuyền ngoài xa”, một ấn dụ của Nguyễn Minh Châu)

4. Nhân quyền “giống như món trứng sức đất tiền trong tủ kính mà những đôi bàn tay lam lũ không thể chạm vào”.

(Trích bài viết “Chiếc thuyền ngoài xa: sự xa xỉ quyền của con người)

5. Truyện mang lại nhiều dư âm trong lòng độc giả, khắc khoải về số phận một người đàn bà như thế, thật mỏng manh, xa vời, chấp chới như “chiếc thuyền ngoài xa” không biết đâu là bến bờ hạnh phúc.

(Ngọc Huy)

6. Nguyễn Minh Châu là người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rực rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này.

(Nhà văn Nguyễn Khải)

7. Những cái tưởng như bình thường, lặt vặt trong cuộc sống hàng ngày, dưới con mắt và ngòi bút Nguyễn Minh Châu đều trở thành những gợi ý đáng suy nghĩ và có tầm triết lí.

(Nhà văn Tô Hoài)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ Mỗi khi cầm bút, người nghệ sĩ dù muốn hay không, dù không nói ra hay bộc lộ trực tiếp thì đều viết dưới ánh sáng của một “tuyên ngôn nghệ thuật” nào đấy. Ta từng bắt gặp nhiều tuyên ngôn nghệ thuật của những nhà văn nhà thơ lớn của dân tộc như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh... Những tuyên ngôn nghệ thuật ấy không còn của riêng các ông nữa, chúng đã trở thành tuyên ngôn nghệ thuật của cả một thế hệ cầm bút, hơn nữa còn là tuyên ngôn nghệ thuật của cả một thời đại văn học. Viết Chiếc thuyền ngoài xa nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn qua đó phát biểu những suy nghĩ, quan điểm của mình về cuộc sống, con người và nghệ thuật.

+ Chân lý là sự nhận thức đúng đắn hiện thực khách quan trong bộ óc con người. Vì vậy chân lý sẽ phát triển cùng nhận thức của xã hội. Có những khẳng định được đúng một cách hiển nhiên và cũng có những chân lý được chứng minh và kiểm nghiệm thực tế, thể hiện tính chất phổ quát và không tìm được sự kiện trái ngược. Từ những đúc kết ấy Nguyễn Minh Châu đã mang người đọc đến những chân lý mà ông đã gửi gắm trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa.

Kết bài

+ (Tình huống truyện) Tình huống truyện độc đáo, kết hợp với nhân vật tư tưởng và nhân vật tính cách – số phận đã giúp nhà văn giải bày nỗi băn khoăn, trăn trở về tính phức tạp đa chiều của cuộc sống, về bao nhọc nhằn còn đè nặng lên số phận con người, về mối quan hệ máu thịt giữa nghệ thuật và hiện thực. Khát vọng đổi mới văn chương bằng việc đi tìm một quan niệm chân thật hơn, hợp lí hơn về con người dựa trên nền tảng triết học nhân bản qua giọng văn thâm thúy chiêm nghiệm, qua cái nhìn dân chủ hoá của người trần thuật... đã trở thành nhu cầu tự vấn mạnh mẽ, trung thực, đủ sức khẳng định tư cách “người mở đường” cho công cuộc đổi mới văn học Việt Nam sau 1975 của Nguyễn Minh Châu.

+ (Người đàn bà làng chài) Nguyễn Minh Châu đã khắc họa thành công nhân vật người đàn bà hàng chài. Nhân vật này đã giúp bạn đọc cảm nhận được sự thấu hiểu, sự đồng cảm và tình thương mà tác giả dành cho nhân vật của mình. Qua đó, Nguyễn Minh Châu cũng phần nào khẳng định mình xứng đáng với vị trí là một trong những “người mở đường đầy tài hoa và tinh anh” (Nguyễn Ngọc) trong công cuộc đổi mới nền văn học Việt Nam.

13. Những đứa con trong gia đình

a, Nhận định về Những đứa con trong gia đình và Nguyễn Thi

1. “... Văn Nguyễn Thi thấm đượm chất triết lí- một thứ triết lí thoát li sách vở và bật lên từ những tình huống hiện thực, từ mạch ngầm tâm lí con người.... Truyện Nguyễn Thi thường hồn nhiên, rành mạch một cách sâu sắc...”.

(Hoàng Cầm Giang)

2. "...Nguyễn Thi là nhà văn của những người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt: hồn nhiên, vui đời, bộc trực. Nhưng căm thù ngùn ngụt đối với quân cướp nước. Những con người vô cùn gan góc, dường như sinh ra để cầm súng giết giặc. Sẵn sàng chết vì quê hương mình, vì đồng bào mình".

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

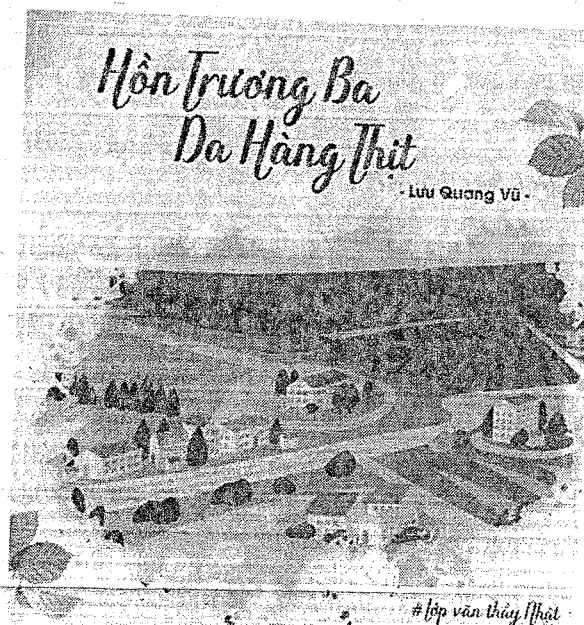
+ Nguyễn Thi là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ông được mọi người gọi với cái tên rất gần gũi "Nhà văn của người dân Nam Bộ". Ông đã để lại rất nhiều tác phẩm gắn liền với tên tuổi của ông. Trong những tác phẩm đặc sắc ấy nổi lên truyện ngắn "Những đứa con trong gia đình" (1978). Truyện viết về những ngày chiến đấu gian khổ, khó khăn của chiến trường miền Nam. Qua đó, người đọc thấy được vẻ đẹp tâm hồn của người dân Nam Bộ: tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt dưới ngòi bút sắc sảo của Nguyễn Thi.

+ "Chuyện gia đình ta cũng dài như sông...Rồi trăm con sông của gia đình lại đổ về một biển, mà biển thì rộng lắm,...rộng bằng cả nước ta và ngoài nước ta". Câu nói của chú Năm trong truyện ngắn Những đứa con trong gia đình đã thể hiện được tinh thần, giá trị của truyện ngắn này. Viết về Chiến, Việt - những đứa con trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, nhà văn Nguyễn Thi không chỉ hướng đến xây dựng những nhân vật nghệ thuật đơn thuần mà qua đó làm sống dậy cả không khí dữ dội mà hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, từ truyền thống gia đình nhà văn mở ra trước mắt người đọc những truyền thống tốt đẹp của cả một đất nước, từ tình yêu thương gần bó, tinh thần đấu tranh của chị em Chiến, Việt, Nguyễn Thi đã mang đến cái nhìn chân thực về tinh thần đoàn kết, ý thức đấu tranh mạnh mẽ của dân nhân miền Nam nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung trong cuộc chiến giành độc lập.

Kết bài

Nguyễn Thi được mệnh danh là "nhà văn của người nông dân Nam Bộ", quả thực vậy, qua truyện ngắn Những đứa con trong gia đình, bằng sự am hiểu về đời sống và tính cách của con người Nam Bộ, ông đã khắc họa thành công những con người bộc trực, chất phác nhưng giàu tình yêu, ý thức trách nhiệm với gia đình, đất nước, đó là chú Năm - khúc sông đầu của dòng chảy truyền thống gia đình, là Chiến, Việt - những nhánh sông nhỏ nhưng đầy mạnh mẽ kế thừa truyền thống tốt đẹp của ông bà, bố mẹ, chú Năm để lại. Qua truyện Những đứa con trong gia đình, chúng ta còn thấy được mối quan hệ mật thiết giữa tình cảm gia đình và truyền thống đấu tranh của đất nước, ta còn thấy được dáng hình, vẻ đẹp của cả thế hệ người Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến: Sống thì yêu thương tình nghĩa, đấu tranh thì bất khuất, kiên cường.

14. Hồn Trương Ba, da hàng thịt



a, Nhận định về Hồn Trương Ba, da hàng thịt và Lưu Quang Vũ

1. “Rất lâu nữa đất nước Việt nam mới có những tác phẩm đề đời như của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, nhiều người dân Việt Nam luôn yêu mến và nhớ đến anh vì anh đã mang lại cho nền văn hoá nghệ thuật Việt Nam những bước đột phá mới mà không phải nhà viết kịch nào cũng dám làm, thật đáng khâm phục”.

(Độc giả Anh Tuấn)

2. “Chỉ có thể nói ‘Lưu Quang vũ, nhà viết kịch vĩ đại, một Shakespcare của Việt Nam, một trăm năm nữa chưa chắc có được một người thứ hai như vậy’.

(Thái Thụy Lương)

3. Hình ảnh của ông và di sản kịch nghệ của ông sống mãi cùng năm tháng với nhân dân lao động của Việt Nam.

(Thái Thụy Lương)

4. Tôi chưa thấy nhà viết kịch nào được như anh - một người lúc còn sống khiến cho người khác tỏa sáng lên cùng mình và khi chết đi khiến cho người ta muốn khóc đến giọt nước mắt cuối cùng.

(Diễn viên Hoàng Cúc)

5. Lưu Quang Vũ trước hết và cuối cùng vẫn là một nhà thơ. Tôi tin, không có thơ thì Lưu Quang Vũ chắc chắn không có kịch và không thể trở thành một nhà viết kịch bật sáng đến thế trong thời kỳ đổi mới văn nghệ.

(Nguyễn Thị Minh Thái)

b, Cách vận dụng nhận định vào bài viết

Mở bài

+ Trong làng kịch nói Việt Nam, có lẽ chúng ta phải nhắc tới cái tên Lưu Quang Vũ - một hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm 80 của thế kỉ XX. Tuy có tài ở nhiều lĩnh vực như viết truyện ngắn, soạn kịch, làm thơ, vẽ tranh... nhưng ông được xem là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Trong các vở kịch mà ông sáng tác thì đáng chú ý nhất là vở "Hồn Trương Ba, da hàng thịt". Bằng nghệ thuật xây dựng nội tâm độc đáo, cảnh VII, đoạn cuối vở kịch đem đến cho người đọc nhiều vấn đề tư tưởng sâu sắc qua nhân vật Trương Ba trong thân xác anh hàng thịt*. (*có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của đề bài).

+ Lưu Quang Vũ là một hiện tượng đặc biệt và cũng là nhà soạn kịch nổi tiếng của sân khấu kịch trường những năm 80 của thế kỷ XX. Ông được xem là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Kịch của ông đặc sắc trên nhiều phương diện: sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, sự kết hợp giữa tính hiện đại và với các giá trị truyền thống, sự phê phán mạnh mẽ, quyết liệt và chất trữ tình đậm đà, bay bổng. Nhưng có lẽ, đáng chú ý nhất trong số những sáng tác của Lưu Quang Vũ là vở kịch "Hồn Trương Ba, da hàng thịt".....* (*có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của đề bài).

Kết bài

Không ai có quyền chọn cho mình một thể xác nhưng vẫn có quyền làm cho tâm hồn mình trong sạch. Chính một tâm hồn trong sạch sẽ giúp cho suy nghĩ và hành động của ta có sự đồng nhất. Sự đồng nhất về hành động và suy nghĩ chính là minh chứng chứng tỏ bản thân là một người trọn vẹn, một cái tôi trọn vẹn. Hãy sống là chính mình, đừng bao giờ lừa dối bản thân hay người khác, cũng đừng sống chia đôi mình ra để rồi lời nói, hành động đều là của người khác trong khi tâm hồn lại là của chính mình. Hãy là một cái tôi toàn vẹn

III – NHỮNG CHÚ Ý KHI ĐƯA NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC VÀO BÀI VIẾT

Để học tốt và vận dụng được các kiến thức của bất kì môn học nào, chúng ta cũng cần có được những hiểu biết từ cơ bản đến chuyên sâu, theo lộ trình nhất định. Thầy Trần Lê Duy cho rằng, quá trình học lí luận văn học của chúng ta có những bước cơ bản sau:

- + **Biết:** Chúng ta biết được các thuật ngữ và các luận điểm lí luận văn học.
- + **Hiểu:** Chúng ta có thể hiểu và diễn đạt chính xác các thuật ngữ và luận điểm lí luận văn học bằng lời văn của mình.
- + **Vận dụng:** Chúng ta có thể vận dụng các kiến thức lí luận văn học để lí giải các hiện tượng văn học, các nhận định về lí luận văn học.
- + **Phân tích:** Chúng ta có thể phân tích các biểu hiện của vấn đề lí luận văn học trong một hiện tượng văn học cụ thể (tác phẩm, phong cách tác giả, trào lưu văn học, thời kì văn học...)
- + **Tổng hợp:** Chúng ta có thể tìm ra mối liên hệ giữa các vấn đề lí luận văn học khác nhau, huy động kiến thức của nhiều chủ đề khác nhau để giải quyết vấn đề có tính chất tổng hợp.
- + **Đánh giá:** Chúng ta đánh giá được mức độ chính xác, toàn vẹn của một nhận định lí luận văn học và có thể bổ sung, phân biện một cách hợp lý.

Thế nên, nếu mỗi chúng ta chưa hiểu rõ về tác phẩm, cũng như chưa có được những kiến thức cơ bản nhất về LLVH, thì khó mà có thể vận dụng những kiến thức và các nhận định vào bài viết được.

Để hiểu hơn về cách viết phân lí luận trong bài nghị luận văn học, trước hết hãy đọc bài văn dưới đây và thực hiện những yêu cầu như:

- Xác định vấn đề nghị luận trong đề bài. Đề bài yêu cầu bàn về những vấn đề nào?
- Với mỗi vấn đề, người viết đã dùng những lí lẽ nào để làm sáng tỏ?
- Xác định bố cục bài viết: Giải thích, Bàn luận, chứng minh, đánh giá, liên hệ.

Đặc biệt, cùng với các kiến thức LLVH đã tích lũy được, trong quá trình thực hiện các bước như trên, mỗi chúng ta sẽ vạch ra cho mình những nội dung có thể đặt LLVH, nhận định văn học vào để mở rộng, nâng cao và làm cho vấn đề hấp dẫn hơn. Nên nhớ thêm một điều, đừng đặt quá nhiều nhận định văn học vào bài viết.

Giống như những món đồ trang sức, kiến thức LLVH và các nhận định văn chương giúp cho bài viết của mỗi chúng ta thêm hấp dẫn và sâu sắc hơn. Thế nhưng, chúng ta cần luôn đảm bảo, mình đã hiểu rõ về vấn đề/nhận định đó rồi và đưa những nội dung này vào bài một cách hợp lí, để sự vận dụng đó được hài hòa, làm đẹp thêm cho bài viết của mỗi chúng ta.

Chúc các bạn luôn viết được những bài văn đúng, đủ và hấp dẫn!